

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

**HT. THÍCH MINH CHÂU**

*Việt dịch*

Ấn bản năm 1991

*Phân loại theo chủ đề:*

**CHON TÍN TOÀN**

# NIKAYA PHÂN LOẠI

## TIỂU BỘ 1 & 3



*Chịu trách nhiệm chính tả:*

**TÂM MINH ANH**

Ấn bản điện tử 2018

# MỤC LỤC

|                                                                          |    |
|--------------------------------------------------------------------------|----|
| DẪN NHẬP .....                                                           | 18 |
| 1 Vacchagotta – Tiểu III, 118.....                                       | 24 |
| 2 Vacchapàla – Tiểu III, 83 .....                                        | 25 |
| 3 Vaddha - Kinh Mẹ Của Vaddha – Tiểu III, 636<br>.....                   | 27 |
| 4 Vaddha – Tiểu III, 239 .....                                           | 30 |
| 5 Vaddhamàna – Tiểu III, 49.....                                         | 33 |
| 6 Vajji Putta – Tiểu III, 124.....                                       | 34 |
| 7 Vajji Putta – Tiểu III, 73.....                                        | 36 |
| 8 Vajjita – Tiểu III, 187 .....                                          | 38 |
| 9 Vakkali – Tiểu III, 243 .....                                          | 40 |
| 10 Valliya - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya<br>– Tiểu III, 62 ..... | 44 |
| 11 Valliya Kanhamitta – Tiểu III, 155 .....                              | 47 |
| 12 Valliya – Tiểu III, 131 .....                                         | 49 |
| 13 VanaVaccha – Tiểu III, 118 .....                                      | 51 |

|    |                                                                                   |     |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 14 | VanaVaccha – Tiểu III, 23 .....                                                   | 53  |
| 15 | Vanavaccha - Cháu của Trưởng lão Vanavaccha<br>- Kinh Sīvaka – Tiểu III, 24.....  | 54  |
| 16 | Vangisa – Tiểu III, 516.....                                                      | 56  |
| 17 | Vappa – Tiểu III, 72.....                                                         | 80  |
| 18 | Vasabha – Tiểu III, 137 .....                                                     | 82  |
| 19 | Vigitasena – Tiểu III, 246.....                                                   | 84  |
| 20 | Vijaya – Tiểu III, 100 .....                                                      | 87  |
| 21 | Vijjayà – Tiểu III, 624 .....                                                     | 88  |
| 22 | Vimala - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142 .....                                     | 90  |
| 23 | Vimala Kondanna – Tiểu III, 75.....                                               | 92  |
| 24 | Vimala Xưa Làm Một Kỹ Nữ – Tiểu III, 580                                          | 93  |
| 25 | Vimala – Tiểu III, 209 .....                                                      | 95  |
| 26 | Vimala – Tiểu III, 60 .....                                                       | 97  |
| 27 | Vimalakondanna - Mẹ của Ngài - Kinh<br>Ambapàlì – Tiểu III, 655 .....             | 98  |
| 28 | Visakha - Con trai là trưởng lão Migajàla - Kinh<br>Migajàla – Tiểu III, 269..... | 105 |

|    |                                                                                                   |     |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 29 | Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183.....                                                      | 107 |
| 30 | Visàkhà – Tiểu III, 549.....                                                                      | 109 |
| 31 | Vitāsoka – Tiểu III, 156.....                                                                     | 110 |
| 32 | Viễn ly - 3 xuất ly - Kinh Phật Thuyết Như Vây<br>- Tiểu I, 380 .....                             | 112 |
| 33 | Viễn ly - Ai chuyên nhất xuất ly, Tâm tư hướng<br>viễn ly - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347    | 114 |
| 34 | Viễn ly - Hạnh viễn ly - Kinh VanaVaccha –<br>Tiểu III, 118 .....                                 | 119 |
| 35 | Viễn ly - Pháp viễn ly vô thượng - Kinh Câu hỏi<br>của thanh niên 5 Dhotaka - Tiểu I, 789 .....   | 121 |
| 36 | Việc làm lãng xảng này, Có nghĩa gì cho ông -<br>Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124.....            | 125 |
| 37 | Việc đáng làm, không làm, Không đáng làm, lại<br>làm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89 .....            | 127 |
| 38 | Voi - Chế ngự voi để làm gì, Tốt hơn là chế ngự<br>Ta - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88 .... | 131 |
| 39 | Voi - Người mù sờ voi - Kinh Lời Cảm Hứng -<br>Tiểu I, 238.....                                   | 133 |

- 40 Voi - Như voi đầu chiến trận, Tại đây sống  
chánh niệm - Kinh Gahvaratìrya – Tiểu III, 41  
.....140
- 41 Voi - Phàm Voi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94142
- 42 Voi - Trên chiến trường ta chết, Tốt hơn sống  
bại trận - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171  
.....145
- 43 Voi - Đây là voi với voi, Với voi có ngà lớn -  
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 189.....147
- 44 Voi luyện, đưa dự hội, Ngựa luyện, được vua  
cưỡi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94.....150
- 45 Vu oan - Giết người rồi vu cáo cho Tăng đoàn -  
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 193.....153
- 46 Vua - Bị mất ngôi vua, nghe thuyết pháp, xuất  
gia - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110.....158
- 47 Vua - Từ bỏ ngai vua, xuất gia - Kinh Jenta –  
Tiểu III, 117.....159
- 48 Vua - Từ bỏ ngôi vua đề xuất gia - Trưởng lão  
Kimliba - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123 .....160
- 49 Vua Ajàtasattu - Muốn giết em vì sợ chiếm ngôi  
vua - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339.....162

- 50 Vua Asoka - Kinh Ekavihàriya hay Tissa Kumàra – Tiểu III, 316 .....166
- 51 Vua Bimbisàra - Con của vua Bimbisàra - Kinh Abhaya – Tiểu III, 35 .....169
- 52 Vua Bimbisàra - Hoàng hậu Khema - Kinh Khemà – Tiểu III, 613 .....170
- 53 Vua Bimbisàra - Kinh Mẹ Của Abhayà – Tiểu III, 560 .....174
- 54 Vua Bimbisàra - Kinh Vimala Kondanna – Tiểu III, 75.....176
- 55 Vua Bimbisàra quên làm am thất cho Trưởng lão - Kinh Girimànanda – Tiểu III, 234 .....177
- 56 Vua Bimbisàra quên xây thất cho 4 trưởng lão - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62.....180
- 57 Vua Kosala - Chị của vua Kosala - Kinh Sumànà Xuất Gia Khi Tuổi Già – Tiểu III, 551.....183
- 58 Vua Pasenadi - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 234.....185
- 59 Vua Pasenadi - Thương mình nhiều nhất - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200 .....189

|    |                                                                                      |     |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 60 | Vua Pasenadi - Trưởng lão Revata - Kinh Revata – Tiểu III, 352.....                  | 191 |
| 61 | Vua Tịnh Phạn - Kinh Mahàpajàpatì Gotamì – Tiểu III, 619 .....                       | 195 |
| 62 | Vua Tịnh Phạn Suddhodana - Kinh Nanda – Tiểu III, 148 .....                          | 198 |
| 63 | Vua Udena - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 263 .....                                    | 200 |
| 64 | Vui - Nay vui, đời sau vui, Làm phước, hai đời vui - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32 ..... | 202 |
| 65 | Vui - Nhờ từ bỏ lạc nhỏ, Thấy được lạc lớn hơn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89 .....     | 207 |
| 66 | Vui hạnh xuất gia khó, Tại gia sinh hoạt khó - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89.....        | 211 |
| 67 | Vui thay chúng ta sống, Không gì gọi của ta - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71.....         | 215 |
| 68 | Vui thay gần người trí, Như chung sống bà con - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71 .....      | 218 |
| 69 | Vui thay, Phật ra đời, Vui thay, Pháp được giảng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67 .....   | 221 |

- 70 Vui thay, bạn lúc cần! Vui thay, sống biết đủ -  
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94.....225
- 71 Vui thay, chúng ta sống, Không bệnh, giữa ốm  
đau - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71 .....228
- 72 Vui thay, chúng ta sống, Không hận, giữa hận  
thù - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71 .....231
- 73 Vui thay, chúng ta sống, Không rộn giữa rộn  
ràng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71 .....234
- 74 Vui thay, già có giới! Vui thay, tín an trú - Kinh  
Pháp Cú - Tiểu I, 94.....237
- 75 Vui thay, hiếu kính mẹ! Vui thay, hiếu kính cha  
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94 .....240
- 76 Vui thích không phóng dật, Tỷ kheo sợ phóng  
dật - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36 .....243
- 77 Vui đời sống xuất gia - Kinh Bhaddiya  
Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407 .....246
- 78 Và nghiệp làm chánh thiện, Làm rồi không ăn  
năn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43 .....252
- 79 Vàng - Như thợ vàng lọc bụi, Trừ cầu uế nơi  
mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78.....256

- 80 Vàng - Thấy đục như lửa hừng, Thấy vàng như  
dao đâm - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385 ..261
- 81 Vàng - Vì sao có thân hình bằng vàng mịn\_ -  
Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 .....269
- 82 Vàng bạc - Sự nguy hiểm của vàng bạc - Kinh  
Subhà Con Người Thợ Vàng – Tiểu III, 684274
- 83 Vàrana – Tiểu III, 198 .....282
- 84 Vàsithi – Tiểu III, 611 .....284
- 85 Vì lời phát nguyện trước các Đức Phật quá khứ  
- Kinh Tissa – Tiểu III, 105 .....287
- 86 Vira – Tiểu III, 18 .....289
- 87 Ví dụ - Hãy sống riêng một mình, Như tê ngư  
một sừng - Kinh Con Tê Ngư Một Sừng - Tiểu  
I, 471 .....291
- 88 Ví dụ - Ta cũng cày và gieo - Kinh Bhàradvaja  
Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484.....305
- 89 Ví dụ Người có mắt đứng trên bờ - Kinh Phật  
Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 448 .....311
- 90 Ví dụ con bò bị ngã - Kinh Ramaniya Vihàrim –  
Tiểu III, 56 .....313

- 91 Ví dụ người mù sờ voi - Kinh Lời Cảm Hứng -  
Tiểu I, 238.....315
- 92 Ví dụ que lửa cháy đỏ hai đầu, ở giữa lại dính  
phân - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 419  
.....322
- 93 Vòng luân hồi sanh tử - Kinh Sissupacàlà – Tiểu  
III, 633 .....324
- 94 Vòng sanh tử đoạn nhờ rõ biết năm uẩn - Kinh  
Sàmidatta – Tiểu III, 98.....327
- 95 Vòng sanh tử đoạn tận, Nay không còn tái sanh  
- Kinh Jentì hay Jentà – Tiểu III, 555.....329
- 96 Vô Thượng Sư - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510  
.....330
- 97 Vô học Giới uẩn, Vô học Định uẩn... - Kinh Phật  
Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 363 .....341
- 98 Vô lễ - Không được công nhận là đệ tử của Phật  
- Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447 ..343
- 99 Vô minh - Bị bao phủ bởi Vô minh triền cái -  
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302.....345
- 100 Vô minh - Trong hàng cấu uế ấy, Vô minh, như  
tối thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78 .....347

- 101 Vô minh - Trí giải thoát để phá hoại vô minh là gì - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806.....352
- 102 Vô minh - Vô minh tác thành các sanh y - Kinh Câu hỏi của thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I, 783 .....355
- 103 Vô minh - Vô minh đi trước, làm cho... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 339.....360
- 104 Vô ngã - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176.....362
- 105 Vô ngã - Khó thấy là vô ngã, Không dễ thấy sự thật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 266 .....370
- 106 Vô ngã - Thuyết pháp cho bà con - Kinh Gotama – Tiểu III, 207 .....372
- 107 Vô ngại giải - Trưởng lão Anuruddha chứng vô ngại giải - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422 .374
- 108 Vô sắc - Đoạn diệt giới tốt hơn Vô sắc giới - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 381.....382
- 109 Vô sắc hữu - Đi quá trớn và Chấp chặt - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 352.....384

|                                                                                                     |     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 110 Vô thường - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176 .....                               | 387 |
| 111 Vô thường - Khuyên không nên phóng dật - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280 .....                   | 395 |
| 112 Vô thường - Không có gì có mặt, Lại thường còn mãi mãi - Kinh Uttara – Tiểu III, 127 .....      | 397 |
| 113 Vô thường - Quán vô thường, vô ngã đối với thân - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145.....            | 400 |
| 114 Vô thường - Thấy vô thường sanh diệt thì rảnh tu - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 202 .....        | 402 |
| 115 Vô thường tưởng - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176.....                          | 404 |
| 116 Vô thường, những ngôi nhà, Đây đó lại dựng lên - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165.....               | 412 |
| 117 Vô thượng y sĩ, y sĩ giải phẫu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 435.....                    | 414 |
| 118 Vô tướng - Hãy tu tập vô tướng, Bỏ đi mạn tùy miên - Kinh Ràhula - Tiểu I, 571 .....            | 416 |
| 119 Vô tướng - Hãy tu tập vô tướng, Hãy bỏ mạn tùy miên - Kinh Abhirùpa Nandà – Tiểu III, 554 ..... | 419 |

- 120 Vô tướng - Ta tu pháp vô tướng, Nhất tâm khéo  
thiền tịnh - Kinh Sonà – Tiểu III, 591 .....421
- 121 Vô tướng, không - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100  
.....424
- 122 Vô vi - Bạc vô vi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106  
.....425
- 123 Vĩ đại - Thế Tôn, Bạc vĩ đại không sanh hữu -  
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453.....434
- 124 Vũ nữ - Gieo bẫy mỗi thần chết - Kinh  
Nàgasamàla – Tiểu III, 211 .....438
- 125 Vượt khỏi các bùn nhơ, Từ vực thăm trở về -  
Kinh Devasabha – Tiểu III, 97 .....440
- 126 Vượt khỏi sanh già chết - Kinh Câu hỏi của  
thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I, 783 .....441
- 127 Vượt qua được già chết - Kinh Câu hỏi của thanh  
niên 3 Punnaka - Tiểu I, 780 .....446
- 128 Vượt đường nguy hiểm này, Nhiếp phục luân  
hồi, si - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106 .....450
- 129 Vậy ai yêu tự ngã, Chớ hại tự ngã người - Kinh  
Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200 .....459

- 130 Vây người, hãy nên biết, Không chế ngự là ác -  
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78.....461
- 131 Vệ-đà được thông đạt - Câu này cần xem lại -  
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 118.....466
- 132 Vị - Người siêng tham đắm vị, Bỏ đích đem an  
lạc - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295.468
- 133 Vị - Nếu tham vị khởi lên, Hãy nghĩ dụ thịt con  
- Kinh Brahmadaṭṭa – Tiểu III, 277 .....471
- 134 Vị - Sự thật là vị ngọt tối thượng trong các vị -  
Kinh Alavaka - Tiểu I, 520.....474
- 135 Vị chiến thắng không bại, Vị bước đi trên đời -  
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67.....480
- 136 Vị chỉ nghe một pháp và nghe một mình - Kinh  
Ekadhamma Savannīya – Tiểu III, 78.....484
- 137 Vị của Chánh pháp - Kinh Bandhura – Tiểu III,  
110.....486
- 138 Vị ngọt - Sự thật là vị ngọt tối thượng trong các  
vị - Kinh Alavaka - Tiểu I, 520 .....488
- 139 Vị thuộc một câu kệ - Kinh Ekudāṇiya – Tiểu  
III, 79.....494

|     |                                                                                                                           |     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 140 | Vị tri đương tri căn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy<br>- Tiểu I, 367 .....                                                    | 496 |
| 141 | Vị trọc đầu, đắp y, Được nhiều kẻ thù oán - Kinh<br>Tissa – Tiểu III, 146.....                                            | 498 |
| 142 | Vị tỷ kheo thích pháp, Mến pháp, suy tư Pháp -<br>Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102.....                                         | 500 |
| 143 | Vị Đệ nhất tự chế ngự - Kinh Nanda – Tiểu III,<br>148.....                                                                | 505 |
| 144 | Vị đã thấy, thấy được, Người thấy, người không<br>thấy - Kinh Vappa – Tiểu III, 72 .....                                  | 507 |
| 145 | Vọng tưởng - Hãy chớ để tự mình, An trú trên<br>vọng tưởng - Kinh Tuvataka Con Đường Mau<br>Chóng - Tiểu I, 744.....      | 509 |
| 146 | Vọng tưởng nhiều quá - Tâm không định được<br>thì làm sao_ - Kinh Kula – Tiểu III, 29 .....                               | 517 |
| 147 | Vọng động - Do vậy ngăn vọng động, Không<br>vọng hướng, hãy thiền - Kinh Sundata Bạn Của<br>Con Kumà – Tiểu III, 46 ..... | 519 |
| 148 | Với ai bị chửi mắng, Lên tiếng chửi mắng lại -<br>Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277 .....                                   | 521 |

- 149 Với ai các hý luận, Không còn có an trú - Kinh  
Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 259 .....524
- 150 Với ai khéo tu tập, Niệm thở vào thở ra - Kinh  
Mahà Kappina – Tiểu III, 319 .....525
- 151 Với ai lậu hoặc đoạn, Không y tựa đồ ăn - Kinh  
Vijaya – Tiểu III, 100 .....530
- 152 Với ai những công việc, Cần phải làm từ trước -  
Kinh Bàkula – Tiểu III, 192 .....531
- 153 Với ai, loài trời, người, Cùng với Càn thất bà -  
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106.....533
- 154 Với ai, những công việc, Cần phải làm từ trước  
- Kinh Harita – Tiểu III, 208 .....542
- 155 Với ai, trong nội tâm, Không có lòng phần nộ -  
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 148.....544
- 156 Với ai, tầm quét sạch, Nội tâm khéo cắt đứt -  
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247.....547
- 157 Với gậy người chăn bò, Lùa bò ra bãi cỏ - Kinh  
Pháp Cú - Tiểu I, 57.....548
- 158 Với hạnh không phóng dật, Ta phá vỡ luân hồi -  
Kinh Vajjita – Tiểu III, 187 .....552

- 159 Với hận diệt hận thù, Đời này không có được -  
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32.....554
- 160 Với mắt cúi nhìn xuống, Chân không đi lang  
thang - Kinh Sàriputta - Tiểu I, 755 .....559
- 161 Với mắt cúi nhìn xuống, Chân đi không lưu  
luyến - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I,  
471.....566
- 162 Với người thân miệng ý, Không làm các ác hạnh  
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106 .....581
- 163 Với những ai, các căn, Đã đi đến tịnh chỉ - kinh  
Brahmàlì – Tiểu III, 180 .....590
- 164 Với tai nghe tất cả, Với mắt thấy tất cả - Kinh  
Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295 .....592
- 165 Vợ bị rắn đen cắn chết - Kinh Hārīta – Tiểu III,  
38.....595
- 166 Vợ chồng đều chứng quả - Kinh Bhaddā Thuộc  
Dòng Họ Kaplā – Tiểu III, 577 .....597
- 167 Vợ cũ cười với tâm bất chánh - Kinh Nandaka –  
Tiểu III, 215 .....599
- 168 Vợ cũ khóc, tâm thương hại khởi lên - Kinh  
Sabbhakāma – Tiểu III, 281 .....601

|                                                                        |     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|
| 169 Vợ cũ muốn cám dỗ - Kinh Posiya – Tiểu III, 44<br>.....            | 604 |
| 170 Vợ cũ tìm cách cám dỗ - Kinh Punnamàsa – Tiểu<br>III, 20.....      | 606 |
| 171 Vợ củ dẫn con đến cám dỗ - Kinh Candana –<br>Tiểu III, 222 .....   | 608 |
| 172 Vợ củ muốn cám dỗ - Kinh Vira – Tiểu III, 18<br>.....              | 610 |
| 173 Vợ củ yêu cầu hoàn tục - Kinh Punnamàsa –<br>Tiểu III, 157 .....   | 612 |
| 174 Vợ củ đem con đến dụ dỗ - Kinh Lời Cảm Hứng<br>- Tiểu I, 123 ..... | 614 |
| 175 Vợ đem con ra dụ chồng - Kinh Càpà – Tiểu III,<br>666.....         | 616 |

# DẪN NHẬP

## 1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

**dầu, tô màu** những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

## **2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?**

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

*giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.*

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

### **3. Lòng tri ân**

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

*Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014*

*Người trình bày - Chơn Tín Toàn*



# 1 Vacchagotta – Tiểu III, 118

## Vacchagotta – Tiểu III, 118 (112)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn giàu có. Vì có đến bốn vị Trưởng lão tên Vaccha, ngài được gọi là Vacchagotta.

Khi đến tuổi trưởng thành, giỏi về Bà-la-môn giáo điển, ngài cảm thấy **không thỏa mãn, vì không tìm thấy lỗi cây trong sự học hỏi ấy**, sau ngài trở thành một du sĩ. Nhờ vậy, ngài gặp bậc Đạo Sư, bằng lòng với những câu trả lời, ngài xuất gia, và sau một thời gian, chúng được **sáu thắng trí**, hân hoan với quả chúng và nếp sống của mình, ngài nói lên bài kệ:

*112. Ta chứng được **Ba minh**,  
Đạt được đại thiên định,  
Tâm **chỉ** được thiện xảo,  
Ta đạt được mục đích,  
Lời Phật dạy làm xong.*

## 2 Vacchapàla – Tiểu III, 83

### Vacchapàla – Tiểu III, 83 (71)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có và được đặt tên và Vacchapàla.

Ngài chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa vua Bimbisàra với đức Phật. Sự hàng phục của Uruvela Kassapa trước Thế Tôn, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia.

Chỉ trong một tuần, ngài **triển khai thiền quán** và chứng **sáu thắng trí**.

Chứng quả A-la-hán, ngài vui vẻ tán thán quả chứng này và quả chứng Niết-bàn trong bài kệ như sau:

*71. Nếu thấy được **sự thật**,  
Thật vi diệu, vi tế,  
Với trí tuệ thiện xảo,  
Với tâm tư khiêm tốn,  
Sống rập theo **giới luật**,  
Do chính đức Phật dạy,  
Với người ấy Niết-bàn,  
Chứng được không khó khăn.*

Bài kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.



### 3 Vaddha - Kinh Mẹ Của Vaddha – Tiểu III, 636

#### Mẹ Của Vaddha – Tiểu III, 636 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở thành phố Bhàrukaccha, trong một gia đình thường dân. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được một người con, đặt tên là Vaddha và nàng được biết là mẹ Vaddha.

Nghe một Tỷ-kheo thuyết pháp, nàng trở thành một tín nữ, và giao lại con cho bà con. Nàng đi đến các Tỷ-kheo-ni và xuất gia. Vaddha đi thăm mẹ, đi một mình vào tinh xá Tỷ-kheo-ni và bị mẹ khiển trách như sau:

204. *Vaddha, chớ bao giờ,  
Roi vào cỗi tham dục,  
Này con, chớ chia phần,  
Trong đau khổ liên tục.*

205. *Hạnh phúc là ẩn sĩ,  
Không tham, nghi đoạn tận,  
Sống mát lạnh, chế ngự,  
Không còn các lậu hoặc.*

206. *Ấn sĩ ấy hành trì,  
Con đường đạt chánh kiến,  
Chấm dứt sự khổ đau,  
Vaddha! Hãy tiến tu.*

Rồi Vaddha suy nghĩ: "Mẹ ta chắc đã chứng quả A-la-hán", nên nói như sau:

207. *Với tự tín mẹ nói,  
Mục đích này cho con,  
Mẹ thân! Con nghĩ rằng,  
Mẹ không còn tham dục.*

Rồi vị Trưởng lão Ni trả lời, nêu rõ trách nhiệm của mình đã làm xong:

208. *Vaddha! Phàm hành gì,  
Thấp, cao hay bậc trung,  
Một tí nhỏ tham dục,  
Không có ở nơi ta.*

209. *Ta đoạn mọi lậu hoặc,  
Không phóng dật, **thiền tu**,  
Ba minh đã đạt được,  
Làm xong lời dạy.*

Người con dùng lời khuyên của mẹ để tự sách tấn đi vào tinh xá, ngồi trên chỗ mình thường ngồi, **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Suy tư trên hạnh phúc về quả chứng của mình, Vaddha đi đến mẹ và nói lên chánh trí của mình:

*210. Vì diệu thay, mẹ ta,  
Khích lệ, thúc đẩy ta,  
Những kẻ thuộc **chân đế**,  
Với lòng từ thương tưởng.*

*211. Ta nghe lời mẹ dạy,  
Lời giáo giới mẹ hiền,  
Ta hành pháp cảm kích,  
Đạt an ổn khổ ách.*

*212. Ta tinh tấn tinh cần,  
Ngày đêm không biếng nhác,  
Được mẹ khéo khích lệ,  
Ta chứng tịnh tối tợng.*

## 4 Vaddha – Tiểu III, 239

### Vaddha – Tiểu III, 239 (202)

Sanh trong đời đức Phật hiện tại, tại thành Dhamkaccha trong một dòng họ thường dân, ngài được đặt tên là Vaddha.

Khi lớn lên, mẹ ngài cảm thấy âu lo vì vấn đề tái sanh và chết, giao con lại cho bà con, rồi bà xuất gia giữa các Tỷ-kheo-ni. Sau bà trở thành một vị A-ha-hán.

Con bà, cũng xuất gia dưới sự hướng dẫn của Veludanta, học lời dạy đức Phật, trở thành một pháp sư giỏi có tiếng. Một hôm, suy nghĩ đến trách nhiệm của mình, ngài nghĩ: "*Nay ta sẽ đến thăm mẹ ta một mình và không đáp y ngoài*". Rồi ngài đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni. Mẹ ngài thấy ngài vậy, chỉ trích ngài sao đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni một mình và không đáp y ngoài. Ngài nhận thấy mình có lỗi, trở về tinh xá, ngồi trong phòng thiền định và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài, nhờ lời chỉ trích của mẹ ngài:

334. *Lành thay, bà mẹ ta,  
Kích thích, khích lệ ta,*

*Nghe lời dạy của bà,  
Được dạy bởi bà mẹ,  
Ta tình cần, tình tấn,  
Chứng Bồ-đề vô thượng.*

335. *Ta xứng được cúng dường,  
Ba minh, **thấy bất tử**.  
Ta chứng quả La-hán,  
Xứng đáng được cúng dường,  
Ba minh đã chứng đạt,  
**Thấy được quả bất tử**,  
Chiến thắng quân Ma vương,  
Ta sống, không lậu hoặc.*

336. *Các lậu hoặc, nội, ngoại,  
Trước đã có trong ta,  
Tất cả bị nhổ sạch,  
Không còn khởi lên nữa.*

337. *Bà chị tâm nhu thuận,  
Nói lên ý nghĩa này,  
Trong con và trong ta,  
**Cổ rường** không còn nữa.*

338. *Khổ đã được chấm dứt,  
Thân này thân cuối cùng,  
Đường sanh tử đứt đoạn,*

*Nay không còn tái sanh.*

## 5 Vaddhamàna – Tiểu III, 49

### Vaddhamàna – Tiểu III, 49 (40)

Ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị vua Licchavì, ngài trở thành một thiếu niên có tín tâm và phục vụ Tăng chúng.

Về sau, khi đã xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác** và được Như Lai khích lệ với bài kệ:

*40. Như bị **kiếm** chém xuống,  
Như bị **lửa** cháy đầu,  
Vị Tỷ-kheo xuất gia,  
Chánh niệm, **đoạn tham hữu**.*

## 6 **Vajji Putta – Tiểu III, 124**

### **Vajji Putta – Tiểu III, 124 (119)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua Licchaivì ở Vesàli, và được gọi là con của Vajji, vì phụ thân thuộc về dòng họ này.

Khi còn trẻ, thiên về huấn luyện voi, thúc đẩy bởi nhân duyên chín muồi để giải thoát, ngài đi đến tinh xá đúng lúc bậc Đạo Sư thuyết giảng, sau khi nghe, ngài xuất gia, sau một thời gian chứng **sáu thắng trí**.

Sau một thời gian, sau khi bậc Đạo Sư vừa nhập Niết-bàn, ngài cùng với các bậc Trưởng lão thỏa thuận cố gắng duy trì Chánh pháp không có suy suyển, và cùng với các vị Trưởng lão đi từ chỗ này đến chỗ kia.

Một hôm ngài thấy Tôn giả Ananda đang thuyết pháp cho một số đông người, **để khích lệ Tôn giả Ananda chứng quả cao hơn**, ngài nói lên bài kệ này:

*119. Hãy đi đến khu rừng,  
Rậm rạp những rễ cây,  
**Hãy để cho Niết-bàn,**  
**Chìm sâu vào tâm người,**  
Hỡi này Go-ta-ma!  
Hãy tu tập thiền định,*

*Việc làm lãng xǎng này,  
Có nghĩa gì cho ông.*

## 7 Vajji Putta – Tiểu III, 73

### Vajji Putta – Tiểu III, 73 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là **con của Vajji**.

Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli.

Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, **tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động**. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yếm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,  
Trong rừng núi hoang vu,  
Như khúc gỗ bị quăng,  
Bỏ rơi trong rừng núi,  
Như vậy ngày tháng qua,  
Ngày này tiếp ngày khác,  
Còn có ai bất hạnh,  
Hơn bất hạnh chúng tôi.*

Một **Thiên nhân** trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: "Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng".

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

*62. Một mình chúng tôi sống,  
Trong rừng núi hoang vu,  
Như khúc gỗ bị quăng,  
Bỏ rơi trong rừng núi,  
Nhưng nhiều người thương mến,  
Đời sống ấy của ta,  
Như kẻ đọa địa ngục,  
Ưa đón cảnh thiên giới.*

Rồi vị Tỷ-kheo, **như con ngựa hay được thúc đẩy**, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta". Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

## 8 Vajjita – Tiểu III, 187

### Vajjita – Tiểu III, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được *sáu thắng trí*.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,  
Ta trôi lăn nhiều cõi,  
Ta không thấy **Thánh đế**,  
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với hạnh không phóng dật,  
Ta phá vỡ luân hồi,  
Mọi sanh thú chặt đứt,  
Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

## 9 Vakkali – Tiểu III, 243

### Vakkali – Tiểu III, 243 (205)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một dòng họ Bà-la-môn và được gọi tên *Vakkali*.

Khi đến tuổi trưởng thành, và học xong ba tập Vệ-đà, trở thành thuần thực trong những thành tích Bà-la-môn, ngài thấy bậc Đạo Sư, ngài nhìn không chán thân hình tuyệt vời của đức Phật, và ngài đi theo bậc Đạo Sư. Khi ngài trở về nhà, ngài nghĩ nếu ở lại nhà, ngài sẽ không có dịp luôn luôn thấy được đức Phật. Do vậy, ngài xuất gia, và từ khi ăn uống và tắm rửa, ngài để toàn thì giờ để chiêm ngưỡng đức Phật.

Bậc Đạo Sư, chờ đợi thiên quán của ngài được chín muồi, nên trong một thời gian dài, đức Phật không nói gì. Một hôm đức Phật hỏi: *"Này Vakkali, thân bất tịnh này mà Thầy thấy, đối với Thầy như thế nào? Ai thấy Pháp người ấy tức thấy Ta. Vì rằng thấy Pháp tức là thấy Ta, và thấy ta tức là thấy Pháp"*.

Nghe lời nói đức Phật, ngài không chiêm ngưỡng thân đức Phật nữa, nhưng ngài chưa bỏ đi xa được. Bậc Đạo Sư nghĩ rằng: "Tỷ-kheo này, nếu không được xúc động mạnh, sẽ không thức tỉnh", nên vào

cuối ngày an cư mùa mưa, đức Phật nói: "*Này Vakkali, hãy đi đi*". Nghe bậc Đạo Sư nói vậy, ngài tự nghĩ ngài phải đi, nhưng nghĩ rằng đời ngài có ý nghĩa gì, nếu không được gặp bậc Đạo Sư, nên ngài có ý định leo lên núi Linh Thứu để gieo mình xuống vực núi tự tử.

Đức Phật biết được Vakkali có ý định như vậy, nên sợ ngài phá hoại những điều kiện chứng được Thánh quả, nên hiện ra trước mặt ngài và đọc lên bài kệ:

*Tỷ-kheo nhiều hân hoan,  
Tịnh tín giáo pháp Phật,  
Chứng cảnh giới tịch tịnh,  
Các hạnh an tịnh lạc.*

Đức Phật đưa tay và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo!" Vakkali rất lấy làm sung sướng được nghe lời Phật dạy, thấy được điều gì mình đang làm, đứng trên hư không suy tư đến lời Phật dạy, chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. (Đây là những tài liệu được tập sớ của bộ Anguttara Nikàya và tập sớ của Dhammapaca ghi chép lại).

Theo những tài liệu khác, Vakkali chưa chứng quả A-la-hán, sau khi nghe lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài ở trên núi Linh Thứu, **phát triển thiền quán**. Thế

Tôn cho ngài một đề tài tu tập, nhưng vì quá đói và  
bị tê liệt nên ngài không chứng quả được.

Biết vậy, Thế Tôn nói với ngài như sau:

349. *Bị bệnh gió chi phổi,  
Thầy sống trong rừng sâu,  
Chỗ khát thực hạn chế,  
Thân gầy mòn ốm yếu,  
Tỷ-kheo sẽ làm gì?  
Với thân thể như vậy?*

Vị Trưởng lão nói lên sự hân hoan thường xuyên của  
mình, nhờ được sự an lạc siêu nhân:

350. *Thân con được tràn ngập,  
Với hỷ lạc tỏa rộng,  
Dầu có bị gầy ốm,  
Con sẽ sống trong rừng.*

351. Tu tập **Bốn niệm xứ,**  
**Năm căn và Năm lực,**  
Tu tập các **Giác chi,**  
Con sẽ sống trong rừng.

352. Con thấy bạn đồng tu,  
Sống hòa hiệp, đồng mãnh,

*Luôn kiên trì tinh tấn,  
Con sẽ sống trong rừng.*

*353. Tùy niệm Phật thiên định,  
Bậc Tối thượng Điều Ngự,  
Ngày đêm không biếng nhác,  
Con sẽ sống trong rừng.*

Khi nói vậy, ngài **phát triển thiền quán** và ngay khi ấy chứng quả A-la-hán.

## 10 Valliya - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng. Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển**

**khai lòng từ.** Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

51. *Trời mưa, như hát hay,  
Ta ở trong am thất,  
Được che kín khỏi gió,  
Ta sống thật an lạc,  
**Tâm ta khéo định tĩnh.**  
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

**Subàhu** nói lên bài kệ:

52. *Trời mưa, như hát hay,  
Ta ở trong am thất,  
Được che kín, khỏi gió,  
Ta sống thật an lạc,  
**Tâm khéo định trên thân,**  
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

**Vàlliya** nói lên bài kệ:

53. *Trời mưa, như hát hay,  
Ta ở trong am thất,  
Được che kín, khỏi gió,*

*Ta sống thật an lạc.  
Không phóng dật, ta sống,  
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

**Uttiya** nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,  
Ta ở trong am thất  
Được che kín, khỏi gió,  
Ta sống thật an lạc,  
Trong ấy, sống một mình,  
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

## 11 Valliya Kanhamitta – Tiểu III, 155

Valliya Kanhamitta – *Tiểu III*, 155 (144)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Kanhamitta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thấy uy nghi đức độ của đức Phật khi đức Phật đến Vesàli. Khởi lòng tin, ngài xuất gia với sự hướng dẫn của Tôn giả *Mahà Kassapa* (Đại Ca-diếp).

Với trí tuệ chậm chạp và mới bắt đầu tinh tấn, ngài phải dựa vào trí tuệ của các đồng Phạm hạnh đến nỗi ngài được gọi là **Valliya (loài cây leo)**, vì loài cây này không thể tự lớn được, nếu không dựa vào một vật gì.

Một hôm, ngài đi nghe Trưởng lão *Venudatta* giảng, ngài trở thành sáng suốt, trí tuệ chín muồi, ngài hỏi vị Thầy của ngài với những bài kệ:

167. Những bốn phận cần làm,  
Với tinh cần tinh tấn,  
Những bốn phận cần làm,  
Với người muốn giác ngộ.  
Con sẽ làm tất cả,

*Con không có thói thất,  
Hãy xem sự tinh tấn,  
Sự nỗ lực của con.*

*168. Ngài hãy nói cho con,  
Con đường nhập bất tử,  
Với yên lặng thiền tư,  
Con đạt **Thánh yên lặng**,  
Như dòng sông Hằng Hà,  
Nhập sâu vào biển cả.*

## 12 Valliya – Tiểu III, 131

### Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

125. *Trong chòi nhỏ, năm cửa,  
Có con khỉ đi vào,  
Loanh quanh từng cửa một,  
Nó va chạm từng giây!*

126. *Này khỉ, hãy dừng lại!  
Chớ có chạy như vậy,  
Ngươi không còn như trước,  
Trí tuệ cầm giữ ngươi,  
Ngươi đâu còn có thể,  
Đi xa như trước được.*



## 13 VanaVaccha – Tiểu III, 118

### VanaVaccha – Tiểu III, 118 (113)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn giàu có ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên là Vanavaccha. Ngài khởi lòng tin khi bậc Đạo Sư hội kiến với vua Bimbisàra (Bình-sa). Sau ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài sống trong rừng, thiên tu **hạnh viễn ly**, do vậy được gọi là Vanavaccha.

Một hôm, ngài muốn giúp ích cho bà con đi đến Ràjagaha, sống trong một chỗ ở nhỏ, và nói với họ nếp sống của mình. Các bà con yêu cầu ngài dùng bài kệ này nói lên ngài ưa thích sống ở rừng núi và hành trì hạnh viễn ly:

*113. Dưới tảng đá, băng đá  
Có nước suối, trong chảy,  
Có khỉ và có nai,  
Lại vẫn sống gần bên,  
Cỏ cây bao trùm nước,  
Núi rừng ấy, ta ưa.*

Bài kệ này trở thành lời nói chánh trí của ngài.



## 14 VanaVaccha – Tiểu III, 23

### VanaVaccha – Tiểu III, 23 (13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu. Ngài sanh ra trong rừng, khi mẹ ngài đi vào rừng viếng cảnh, và sanh tại đây.

Ngài trở thành **một trong những đứa trẻ chơi cát với đức Phật** trong tương lai. Vì ngài **thích rừng núi, ngài được biết với tên là *Vanavaccha***. Về sau, khi ngài xuất gia, ngài sống trong rừng **tinh tấn tu hành và chứng quả A-la-hán.**

Để tán thán **hạnh ở rừng**, ngài nói lên bài kệ này, đáp lời vị đồng Phạm hạnh đã hỏi ngài: "Ngài thích thú gì ở rừng núi?" Ngài đáp: "Thích thú thay, các ngôi rừng các ngọn núi!"

*3. Đẹp sắc, mây xanh biếc,  
Nước mát lạnh, chảy trong,  
Kẻ chăn bò Inda,  
Che kín cả ngôi rừng,  
Những ngôi núi đá ấy,  
Làm hân hoan tâm ta.*

## 15 Vanavaccha - Cháu của Trưởng lão Vanavaccha - Kinh Sívaka – Tiểu III, 24

**Sívaka** – *Tiểu III, 24 (14)* (Một Sa-di phục vụ cho Vanavaccha)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con người chị của *Vanavaccha*.

Khi mẹ ngài được tin Vanavaccha xuất gia, thọ Đại giới, đã sống trong rừng. Mẹ ngài nói với ngài: "*Này Sívaka, con hãy xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Vanavaccha và phục vụ cho ngài, vì nay ngài đã già!*"

Ngài nghe theo lời mẹ xuất gia sống ở trong rừng phục vụ săn sóc Vanavaccha. Một hôm, khi đi đến gần làng, ngài bị đau nặng, khi thuốc không chữa được, ngài không về và Trưởng lão Vanavaccha đi tìm và thấy ngài bị đau.

Sau khi cho ngài uống thuốc và săn sóc ngài, khi bình minh mới bắt đầu, vị Trưởng lão nói với ngài: "*Này Sívaka, từ khi ta xuất gia, ta không sống ở trong làng. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng*".

Sivaka trả lời: "*Dầu **thân** con ở trong làng, nhưng **tâm** con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Vậy nay con tuy nằm ở đây, con sẵn sàng đi vào rừng*".

Vị Trưởng lão cầm tay ngài, dắt ngài đi vào rừng, khích lệ ngài. Ngài **nhờ sự khích lệ này, tự mình sách tấn** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên bài kệ của mình hợp chung lời vị Trưởng lão và lời mình, nói lên sự ưa thích sống viễn ly và quả chứng của mình, sự vâng lời thầy của mình và chứng đắc chánh trí:

14. *Thầy ta nói với ta,  
"Hãy đi, Sivaka!"  
**Thân** ta sống ở làng,  
Nhưng **tâm** hướng về rừng,  
Dầu còn nằm ta đi,  
**Người biết, không trối buộc.***

## 16 Vangisa – Tiểu III, 516

### Vangisa – Tiểu III, 516 (264)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là **Vangisa** và được dạy ba tập Vệ-đà.

Ngài được trọng vọng cúng dường, nhờ gỗ trên sọ người và biết được kiếp trước của người ấy. Các Bà-la-môn thấy Vangisa là một nguồn lợi dưỡng nên đem ngài đi chỗ này chỗ khác.

Trong ba năm, Vangisa đoán kiếp trước trên các sọ người được mang đến, và lấy tiền khoảng một trăm, một ngàn, Kahapana (đồng tiền vàng) mỗi đầu người. Ngài nghe danh tiếng của Thế Tôn, muốn đến yết kiến Thế Tôn, nhưng các Bà-la-môn ngăn lại.

Vangisa không nghe đi yết kiến đức Phật. Khi đức Phật hỏi Vangisa biết được nghề gì, ngài trả lời có thể đoán được sọ người, bằng cách lấy móng tay gõ trên sọ người và đoán được số mệnh người ấy trong ba năm.

Thế Tôn bảo Vangisa đoán sọ người sanh vào địa ngục, vào loài Người, hàng chư Thiên và một vị giải thoát. Vangisa có thể đoán số mạng ba hạng người kia nhưng đối với **vị đã giải thoát** thời không thể nói

được gì. Cuối cùng, ngài yêu cầu Thế Tôn và được trả lời như sau:

*Ai biết thật hoàn toàn,  
Sự sanh diệt chúng sanh,  
Không tham trước, Thiện Thệ,  
Giác ngộ đạt Chánh giác,  
Vị ấy Ta mới gọi,  
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,  
Không biết chỗ sở thú,  
Lậu hoặc được đoạn trừ,  
Bậc Ứng Cúng, La-hán,  
Vị ấy Ta mới gọi,  
Chánh danh Bà-la-môn.*

*(Kinh Tập, kệ 643-644 - Trung Bộ kinh II, 196M)*

Sau khi nghe xong, Vangisa yêu cầu đức Phật dạy cho con đường đạt đến đích ấy, xin xuất gia và đức Phật bảo Trưởng lão Nigrodhakappa độ cho xuất gia rồi dạy cho **quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán**.

Cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán, từ bỏ các Bà-la-môn cũ, dùng nhiều câu tán thán Thế Tôn (Si, 185) và đức Phật xác chứng ngài là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về**

**thuyết pháp.** Những điều ngài nói lên trước và sau khi chứng quả A-la-hán được kiết tập bởi ngài **Ananda** và các vị khác trong kỳ kiết tập thứ nhất như sau:

## I

Khi còn là Sa-di, sau khi bị ảnh hưởng vì thấy nhiều thiếu nữ mặc áo đẹp, ngài nói lên những cảm thọ được nhiếp phục của ngài:

*1209. Vớì ta ã xuất gia,  
Bỏ nhà, sống không nhà,  
Tư tưởng này chạy loạn,  
Khởi lên từ hắc ám.*

*1210. Nhà bắn cung thiện xảo,  
Thượng sanh giới cung pháp,  
Ngàn người bắn khắp phía,  
Không nao núng chút nào.*

*1211. Nếu phụ nữ có đến,  
Dầu nhiều hay đông hơn,  
Sẽ không dao động ta,  
Vì ta trú Chánh pháp.*

*1212. Chính ta từng được nghe,*

*Phật dòng họ Mặt Trời,  
Giảng đạo hướng Niết-bàn,  
Ở đây ý ta thích.*

*1213. Như vậy ta an trú,  
Ác ma, người có đến,  
Ta sẽ làm như vậy,  
Người không thấy đường ta.*

## II

Được nói khi **nhập phục các cảm thọ của mình như  
sân hận v.v...**

*1214. Ta bỏ lạc bắt lạc,  
Mọi tâm tư gia sự,  
Không tạo một chỗ nào,  
Thành cơ sở tham dục,  
Ai thoát rùng, ly tham,  
Mới xứng danh Tỷ-kheo.*

*1215. Phàm địa giới, không giới,  
Cả sắc giới trong đời,  
Đều biến hoại vô thường,  
Hiểu vậy, sống liễu tri.*

*1216. Chúng sanh thường chấp trước,*

*Đối với các sanh y,  
Đối vật họ thấy nghe,  
Họ xúc chạm suy tư,  
Ở đây ai đoạn dục,  
Tâm tư không nhiễm ô.  
Không mắc dính chỗ này,  
Vị ấy danh Mâu-ni.*

*1217. Đối sáu mươi tám kiến,  
Thuộc phạm phu phi pháp,  
Không học phái tà chấp,  
Vị ấy chân Ty-kheo.*

*1219. Vẹn toàn, tâm thường định,  
Không dối trá thận trọng,  
Ly ái, vị Mâu-ni,  
Chứng đạt đường an tịnh,  
Tùy duyên nhập Niết Bàn,  
Vị ấy chờ thời đến.*

### III

Nói đến khi ngài nhiếp phục cử chỉ của ngài về khả năng nói dễ dàng của mình:

**1219. *Đệ tử Gotama,  
Hãy từ bỏ kiêu mạn,***

*Trên con đường kiêu mạn,  
Hãy tránh né hoàn toàn,  
Ham mê đường kiêu mạn,  
Sẽ hối trách dài dài.*

*1220. Bị lừa bởi lừa dối,  
Bị hại bởi kiêu mạn,  
Loài Người rơi địa ngục,  
Chúng sầu khổ lâu dài,  
Bị hại về kiêu mạn,  
Họ phải sanh địa ngục.*

*1221. Không bao giờ sầu muộn,  
Tỷ-kheo chiến thắng đạo,  
Chơn chánh dẫn thân bước,  
Hưởng danh dự an lạc,  
N hư thật được tên gọi,  
Là bậc đã thấy pháp.*

*1222. Do vậy ở đời này,  
Không thô lậu, không kiêu,  
Đoạn triền cái, thanh tịnh,  
Đoạn kiêu mạn, không dư,  
Với minh, tâm an tịnh,  
Bậc đoạn tận khổ đau.*

#### IV

Khi còn là Sa-di, ngài hầu Tôn giả Ananda, khi Tôn giả được một vị đại thần của vua mời đến thăm Tôn giả và ngài được vây quanh với những nữ nhân trang sức đẹp đẽ, những người này kính lễ Tôn giả, hỏi thăm và nghe Tôn giả thuyết pháp. Nhưng Vangisa lại **bị kích thích và tham dục khởi lên**. Ngài nghĩ như vậy là không tốt cho hiện tại và tương lai của ngài. Ngài nói lên tâm trạng của mình cho Tôn giả Ananda:

1223. ***Dục ái đốt cháy tôi!***  
***Tâm tôi bị thiêu cháy,***  
***Lành thay Gotama,***  
***Vì lòng từ nói lên,***  
***Pháp tiêu diệt lửa hừng.***

Và Tôn giả Ananda trả lời:

1224. ***Chính vì điên đảo tưởng,***  
***Tâm ông bị thiêu đốt,***  
***Hãy từ bỏ tịnh tưởng,***  
***Hệ lụy đến tham dục.***

1225. ***Nhìn các hành vô thường,***  
***Khổ đau, không phải ngã,***  
***Dập tắt đại tham dục,***

*Chớ để bị cháy dài,  
Hãy tu tâm bất tịnh,  
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,  
Tu tập thân hành niệm,  
Hành hạnh nhiều yếm ly.*

*1226. Hãy tập hạnh vô tướng,  
Đoạn diệt mạn tùy miên,  
Nhờ quán sân kiêu mạn,  
Hạnh ông sẽ an tịnh.*

## V

Được nói lên sau khi Thế Tôn dạy kinh về "Sự vật được khéo nói", tán thán Thế Tôn:

*1227. Ai nói lên lời gì,  
Lời ấy không khổ mình,  
Lời không làm hại người,  
Lời ấy là **thiện** thuyết.*

*1228. Ai nói lời ái ngữ,  
Lời nói khiến hoan hỷ,  
Lời nói không ác độc,  
Lời nói là **ái ngữ**.*

1229. *Lời chân, lời bất tử,  
Thường pháp xưa là vậy,  
Thiện nhân trú trên chân,  
Trên nghĩa và trên pháp.*

1230. *Lời đức Phật nói lên,  
Đạt an ổn Niết-bàn,  
Chấm dứt mọi khổ đau,  
Thật nói lời tối thượng.*

## VI

Nói lên để tán thán Tôn giả Sàriputta:

1231. *Trí tuệ thâm, trí giả,  
Thiện xảo đạo, phi đạo,  
Xá-lợi-phát đại trí,  
Thuyết pháp chúng Tỷ-kheo.*

1232. *Ngài giảng cách tóm tắt,  
Ngài cũng thuyết rộng rãi,  
Như tiếng chim Sà-li,  
Tiếng ngài được nói lên.*

1233. *Lời ngài giảng tuôn trào,  
Tiếng ngài nghe ngọt lịm,  
Với giọng điệu ái luyến,*

Êm tai và mỹ diệu,  
Họ lắng tai nghe pháp,  
Tâm phấn khởi hoan hỷ.

## VII

Nói lên sau khi Thế Tôn thuyết trong **kinh Pavàranà**  
(Tự Tứ):

1234. Nay ngày rằm thanh tịnh,  
Năm trăm Tỷ-kheo họp,  
Bậc Thánh đoạn kết phược,  
Vô phiền, dứt tái sanh.

1235. Như vua chuyển luân vương  
Đại thần hầu xung quanh,  
Du hành khắp bốn phương,  
Đất này đến hải biên.

1236. Như vậy các đệ tử,  
Đã chứng được Ba minh,  
Sát hại được tử thần,  
Những vị này hầu hạ,  
Bậc thắng trận chiến trường,  
Vô thượng lễ hành chủ.

1237. Tất cả con Thế Tôn,

*Không ai là vô dụng,  
Xin chí thành đảnh lễ,  
Bạc nhớ tên khát ái,  
Xin tâm thành cung kính,  
Bạc dòng họ Mặt Trời.*

## VIII

Nói lên **tán thán Thế Tôn** khi Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề Niết-bàn:

*1238. Hơn một ngàn Tỷ-kheo,  
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,  
Ngài thuyết **vô cấu pháp**,  
Niết-bàn **vô bố úy**.*

*1239. Họ nghe pháp rộng lớn,  
Bậc Chánh giác thuyết giảng;  
Bậc Chánh giác chói sáng,  
Chúng Tỷ-kheo vây quanh.*

*1240. Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,  
Ngài thật bậc Long tượng,  
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,  
Trong các vị ẩn sĩ,*

*Ngài trở thành mây lớn,  
Mưa móc ban đệ tử.*

*1241. Con từ nghỉ trưa đến,  
Muốn yết kiến Đạo Sư,  
Ôi bậc Đại anh hùng,  
Con là đệ tử Ngài,  
Con tên Vangisa,  
Đánh lễ dưới chân Ngài.*

Rồi Thế Tôn hỏi:

*- Nay Vangisa, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?*

- Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con, không phải suy nghĩ từ trước chính được khởi lên tại chỗ.

*- Vậy này Vangisa, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Vangisa vâng đáp Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn, những bài kệ không suy nghĩ từ trước:

*1242. Thắng Ác ma tà đạo,  
Ngài sống chường ngại đoạn,  
Hãy thấy bậc giải thoát,  
Thoát ly mọi hệ phược,*

*Không y trước phân tích,  
Thành từng phần rõ ràng.*

*1243. Ngài nói lên con đường,  
Nhiều pháp môn khác biệt,  
Giúp mọi người vượt qua,  
Dòng bậc lưu nguy hiểm,  
Chính trên **pháp bất tử**,  
Được ngài thường tuyên thuyết,  
Chúng con bậc pháp kiến,  
Vững trú, không thoái chuyển.*

*1244. Bậc tạo dựng quanh mình,  
Ngài thâm nhập các pháp,  
Thấy được chỗ vượt qua,  
Tất cả mọi kiến xứ,  
Sau khi biết và chứng,  
Ngài thuyết tối thượng xứ.*

*1245. Pháp như vậy khéo giảng,  
Ai có thể phóng dật,  
Khi được biết pháp ấy,  
Pháp khéo giảng như vậy,  
Do vậy trong giáo pháp,  
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,  
Luôn luôn không phóng dật,  
Hãy đánh lễ, tu học.*

## IX

Nói lên đề **tán thán Tôn giả Annà Kondannà** (An-nhã Kiều-trần-như):

*1246. Sau đức Phật hiện tại,  
Trưởng lão được Chánh giác,  
Chính là Kondannà,  
Nhiệt tâm và tinh cần,  
Chứng được an lạc trú,  
Sống viễn ly liên tục.*

*1247. Thực hành lời sư dạy,  
Đệ tử chứng được gì,  
Tất cả ngài chứng được,  
Nhờ tu học tinh tấn.*

*1248. Đại uy lực **ba minh**,  
Thiện xảo tâm tư người,  
Phật tử Kondannà  
Đánh lễ chân Đạo Sư.*

## X

Nói lên đề **tán thán Tôn giả Moggallàna**, trước mặt  
Thế Tôn, khi Tôn giả Moggallàna nhận thấy tâm của

năm trăm vị La-hán, hội họp tại Hắc Sơn, trên sườn núi Isigili, tại Rajagaha đều giải thoát khỏi tái sanh:

*1249. Cao trên sườn đồi núi,  
Những vị chứng Ba minh,  
Những vị đoạn tử thần,  
Các đệ tử hầu hạ,  
Bậc Thánh giả Mâu-ni,  
Đã vượt qua đau khổ.*

*1250. Đại thần lực Mục-liên,  
Quán tâm các vị ấy,  
Biết họ được giải thoát,  
Không còn có sanh y.*

*1251. Như vậy họ hầu hạ,  
Gotama Mâu-ni  
Ngài vượt qua đau khổ,  
Mọi sở hành đầy đủ,  
Mọi đức tánh vẹn toàn.*

## XI

Nói lên đề **tán thán Thế Tôn**, chói sáng với dung sắc và huy hoàng của mình, khi Thế Tôn được chúng Tăng và cư sĩ bao vây xung quanh tại hồ sen Gaggara ở Campà:

1252. Như **mặt trăng** giữa trời,  
**Mây mù** được quét sạch,  
Chói sáng như mặt trời,  
Thanh tịnh không cấu uế,  
Cũng vậy Ngài thật là,  
Đại Mâu-ni Hiền thánh,  
Danh xưng ngài sáng chói,  
Vượt qua mọi thế giới.

## XII

Nói lên khi ngài mới chứng quả A-la-hán, suy tư trên kinh nghiệm của mình và về Bốn sự:

1253. Thuở trước ta mê **thơ**,  
Bộ hành khắp mọi nơi,  
Từ làng này thành này,  
Qua làng khác thành khác,  
Ta thấy bậc Chánh giác,  
Đạt bờ kia mọi pháp.

1254. Nghe pháp, ta tín thành,  
**Tín** khởi lên nơi ta.

1255. Ta nghe lời Ngài dạy,  
Về **UẨN, XÚ VÀ GIỚI**

Sau khi biết, xuất gia,  
Bỏ nhà, sống không nhà.

1256. Vì hạnh phúc số đông,  
Như Lai sanh ở đời,  
Ngài tạo ra giải pháp,  
Cho nữ nhân, nam nhân.

1257. Vì hạnh phúc của họ,  
Mâu-ni chứng Bồ-đề,  
Ngài thấy luật chi phối  
Ty-kheo, Ty-kheo-ni.

1258. Vì lòng thương chúng sanh,  
**BỒN SỰ THẬT** khéo thuyết,  
Bởi vì có con mắt,  
Phật, bà con Mặt Trời.

1259. Ngài thuyết Khổ, Khổ tập,  
Sự vượt qua đau khổ,  
**Con đường đạo TÁM NGÀNH,**  
Đưa đến khổ an chỉ.

1260. Như vậy là những điều,  
Được nói lên như thật,  
Và ta được thấy họ,  
Đúng như thật là vậy,

Ta đạt được mục đích,  
Lời Phật dạy làm xong.

1261. Thật tốt thay cho ta!  
Được sống gần đức Phật,  
Trong các pháp phân tích,  
Pháp tối thượng, ta đến.

1262. Đại thắng trí tuyệt đích,  
Thế giới được thanh tịnh,  
Đạt **Ba minh**, thần lực,  
Thiện xảo biết tâm người.

### XIII

Hỏi giáo thọ sư của mình là **Nigrodha Kappa** có  
nhập Niết-bàn khi mệnh chung:

1263. Con hỏi bậc Đạo Sư,  
Bậc trí tuệ tối thắng,  
Tại Aggàlava,  
Tỷ-kheo đã mệnh chung,  
Có danh vọng danh xưng,  
Nhập Niết-bàn tịch tịnh.

1264. Nigrodha Kappa,  
Chính là tên vị ấy,

Chính Thế Tôn đặt tên,  
Cho vị Phạm-chí ấy!  
Vị ấy đánh lễ cầu Ngài,  
Sống tầm cầu giải thoát,  
Tinh cần và tinh tấn,  
Kiên cố thấy Chánh pháp.

1265. Bạch Thích-ca, chúng con,  
Đệ tử Ngài tất cả,  
Chúng con đều muốn biết,  
Thưa bậc Nhãn biến tri!  
An trú tại chúng con,  
Sẵn sàng để được nghe,  
Ngài Đạo Sư chúng con,  
Ngài là bậc Vô thượng.

1266. **Hãy đoạn nghi chúng con,  
Hãy nói con vị ấy,  
Đã được tịch tịnh chưa?**  
Bậc trí tuệ rộng lớn!  
Hãy nói giữa chúng con,  
Bậc có mắt cùng khắp,  
Như Thiên chủ Đế Thích,  
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.

1267. Phàm những cột gút gù,  
Ở đây, đường si ám,

*Dự phần với vô trí,  
Trú xứ cho nghi hoặc,  
Gặp được đức Như Lai,  
Họ đều không còn nữa,  
Mắt này mắt tối trắng,  
Giữa cặp mắt loài người.*

*1268. Nếu không có người nào,  
Đoạn trừ các phiền não,  
Như gió thổi tiêu tan,  
Các tầng mây dưới thấp,  
Màn đêm tức bao trùm,  
Tất cả toàn thế giới,  
Những bậc có hào quang,  
Không có thể chói sáng.*

*1269. **Bậc trí là những vị,  
Tạo ra những ánh sáng,  
Con xem ngài như vậy  
Ôi bậc trí sáng suốt.  
Chúng con đều cùng đến,  
Bậc tu hành thiền quán,  
Giữa hội chúng chúng con,  
**Hãy nói về Kappa!*****

*1270. **Hãy gấp, phát tiếng lên,  
Tiếng âm thanh vi diệu,***

*Như con chim thiên nga,  
Giương cổ lên để hát,  
Phát âm từng tiếng một,  
Với giọng khéo ngân nga,  
Tất cả bọn chúng con,  
Trực tâm nghe lời ngài.*

*1271. Vị đoạn tận sanh tử,  
Không còn chút dư tàn,  
Vị tẩy sạch phiền não,  
Con cầu ngài thuyết pháp,  
Kẻ phàm phu không thể,  
Làm theo điều nó muốn,  
Bậc Như Lai làm được,  
Điều được ước định làm.*

*1272. Câu trả lời của ngài,  
Thật đầy đủ trọn vẹn,  
Được chơn chánh nắm giữ,  
Bậc chánh trực trí tuệ,  
Hãy chấp tay cuối cùng,  
Con khéo vái chào ngài,  
Chớ làm con si ám,  
Bậc trí tuệ tối cao!*

*1273. Sau khi đã được biết,  
Thánh pháp thượng và hạ,*

*Chớ làm con si ám,  
Bạc tình tấn tối cao,  
Như vào giữa mùa hè,  
Nóng bức khát khao nước,  
Chúng con ngóng trông lời,  
Hãy mưu sự hiểu biết!*

*1274. Kappa sống Phạm hạnh,  
Nếp sống có mục đích,  
Phải chẳng sống như vậy,  
Là sống không uống phí!  
**Vị ấy chứng tịch tịnh,**  
**Hay còn dư tàn lại,**  
Được giải thoát thế nào,  
Hãy nói chúng con nghe.*

Thế Tôn:

*1275. **Vị ấy trên danh sắc,**  
**Đã đoạn tận tham ái,**  
Thế Tôn ở nơi đây,  
Đã trả lời như vậy,  
Vượt qua được già chết,  
Không còn có dư tàn,  
Thế Tôn nói như vậy,  
Bạc tối thắng thứ năm.*

Vangisa:

1276. Nghe vậy, con tịnh tín,  
Vội lời nói của ngài,  
Bậc ân sĩ thứ bảy!  
Và lời hỏi của con,  
Không phải là vô ích!  
Và vị Bà-la-môn,  
Không có lừa dối con.

1273. Nói gì thời làm vậy,  
Thật xứng đệ tử Phật,  
Chặt đứt lưới rộng chắc,  
Của thân chết xảo quyết.

1278. Ôi Thế Tôn, Kappa,  
Thấy căn nguyên chấp thủ,  
Thật sự đã vượt qua,  
Thế lực của Ma vương,  
Thế lực thật khó vượt.

1279. Ngài lớn hơn chư Thiên,  
Con đánh lễ kính Ngài!  
Con đánh lễ con Ngài!  
Bậc tối thượng hai chân,  
Bậc Hậu duệ, Đại hùng!  
Bậc Long tượng đích tôn.

Như vậy, Tôn giả Vangisa nói lên những câu kệ của mình.

## 17 Vappa – Tiểu III, 72

### Vappa – Tiểu III, 72 (61)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavàthu, con Bà-la-môn Vàsetha.

Khi nghe Tu sĩ **Asita** đoán tướng *Thái tử Siddhatta* sẽ thành đạo, **Vappa** cùng bốn người con Bà-la-môn với **Kondannà (Kiều Trần Như)** là người dẫn đầu, trở thành những người Tu sĩ.

Khi Thái tử tu khổ hạnh trong sáu năm, Vappa với bốn người bạn cùng đồng tu khổ hạnh. Về sau khi Thái tử thôi tu khổ hạnh, năm vị này chán nản đi về Isipatana.

Sau khi đức Phật thành đạo và Chuyển pháp luân ở Isapatana, Vappa với bốn người bạn được cảm hóa và đến ngày thứ năm cả năm vị đều chứng quả A-la-hán.

Suy tư trên sự hùng lực của bậc Đạo Sư, sự mù quáng của thế giới, và như thế nào Thánh quả đem lại chánh trí, ngài nói lên bài kệ:

61. Vị đã thấy, thấy được,  
Người thấy, người không thấy,  
Vị không thấy, không thấy,

*Người không thấy, người thấy.*

## 18 Vasabha – Tiểu III, 137

### Vasabha – Tiểu III, 137 (130)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, con vị vua địa phương Licchavì.

Được cảm hóa bởi uy nghi đức độ của đức Phật khi Ngài đến thăm Vesàli, ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Biết ơn những ai ủng hộ ngài, ngài không có từ chối những vật dụng được cúng dường và hưởng thọ các vật cúng dường ấy. Người thường dân cho ngài thích thọ hưởng, nhưng ngài không để ý những lời phê bình ấy.

Gần ngài có một vị Tỷ-kheo giả dối, lừa gạt quần chúng bằng cách giả dối sống thiếu dục tri túc, do vậy được quần chúng tôn trọng. Rồi thiên chủ **Sakka** (Đế Thích) thấy được sự giả dối này, đi đến Trưởng lão Vasabha hỏi: "*Thưa Tôn giả, kẻ giả dối kia sao lại làm vậy?*" Ngài trả lời với bài kệ, chỉ trích kẻ ác bất thiện kia:

139. *Trước nó giết tự ngã,  
Sau nó giết người khác,  
Họ khéo giết tự ngã,*

*Như chim môi, môi chim.*

*140. Không phải Bà-la-môn,  
Vội dung sắc bên ngoài,  
Bà-la-môn chính thống,  
Phải dung sắc bên trong,  
Vội ai, làm ác nghiệp,  
Người ấy là hắc nhân,  
Là chồng của Sujà.*

## 19 Vigitasena – Tiểu III, 246

### Vigitasena – Tiểu III, 246 (206)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra trong một gia đình huân luyện voi ở nước Kosala, và được đặt tên là Vigitasena.

Những người cậu bên ngoại, Sena và Upasena cả hai đã xuất gia và chứng quả A-la-hán. Vigitasena sau khi đã thuần thục nghề của mình, thấy thần thông song hành của bậc Đạo Sư khởi lòng tin, và theo bản năng tự nhiên, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của các người cậu.

Nhờ các người cậu giảng dạy, ngài đạt đến **thiền quán**, nhưng tâm trí ngài thiên về lý luận chạy theo những vật bên ngoài, nên *ngài giảng dạy cho tâm trí ngài* như sau:

354. *Ta sẽ chế ngự người,  
Như cửa khóa ngăn voi,  
Ta sẽ câu thúc người,  
Này tâm trong điều ác,  
Người chính là lưới dục,  
Người do thân sanh ra.*

355. *Chế ngự người không đi,  
Như voi, không cửa mở,  
Này **tâm**, kẻ **phù thủy**,  
Dầu người cố gắng mãi,  
Người không còn lang thang,  
Ưa thích làm điều ác.*

356. *Như người cầm câu móc,  
Ngăn mãi voi chưa thuần,  
Như người dùng sức mạnh,  
Cải hóa kẻ không muốn,  
Cũng vậy đối với người,  
**Ta sẽ cải hóa người.***

357. *Như bánh xe tuyệt hảo,  
Khéo huấn luyện ngựa hay,  
Cũng vậy ta điều người,  
Dựa lên trên **Năm lực**.*

358. *Ta sẽ cột chặt người,  
Với **chánh niệm** vững chắc,  
Tự mình đã chế ngự,  
Ta sẽ chế ngự người,  
Nhờ sức nặng **tinh tấn**,  
Người được ta áp lực,  
Do vậy, hồi này tâm,  
**Người sẽ không xa ta.***



## 20 Vijaya – Tiểu III, 100

### Vijaya – Tiểu III, 100 (92)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vijaya.

Khi được học giáo lý Bà-la-môn, ngài xuất gia, đời sống một vị ẩn sĩ, sống trong rừng, thực hành thiền định. Ngài nghe đến sứ mệnh của đức Phật, hoan hỷ đến kính chào Thế Tôn và nghe pháp. Rồi ngài xuất gia trong giới luật của đức Phật, **không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Ngài nói lên chánh trí của ngài trong bài kệ sau đây:

*92. Với ai, lậu hoặc đoạn,  
Không y tựa đồ ăn,  
Hành xứ, không, vô tướng,  
Giải thoát cũng như vậy,  
Như chim trên hư không,  
Dấu chân thật khó tìm.*

## 21 Vijjaya – Tiểu III, 624

### Vijjaya – Tiểu III, 624 (57)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) trong một gia đình thường dân, khi lớn lên nàng trở thành **bạn của Khemà**, đưa nàng trở thành Trưởng lão Ni, khi ấy còn là nữ cư sĩ.

Khi nghe Khemà xuất gia, nàng nói: "**Khemà là hoàng hậu còn xuất gia được, huống nữa là ta**". Nàng đi đến Khemà, và Khemà biết tâm nguyện căn cơ của nàng nên thuyết pháp,  **khiến nàng suy tư đến sanh lão bệnh tử và tìm được an ổn trong đạo pháp.**

Rồi Khemà cho nàng xuất gia, nàng hầu hạ, học hỏi làm tròn bốn phận của mình, tu tập **thiền quán** và khi trí tuệ thuần, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Rồi suy tư trên quả chứng của mình nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng:

*169. Bốn lần và năm lần,  
Ta ra khỏi tình xá,  
Tâm không được an tịnh,  
Không chế ngự được tâm.*

170. Ta đến Tỷ-kheo-ni,  
Ta hỏi, đàm luận pháp,  
Nàng thuyết pháp cho ta,  
Về **giới** và về **xứ**.

171. **Bốn sự thật bậc Thánh**,  
Về **các căn, các lực**,  
**Giác chi, Tám đường chánh**,  
Đạt đạo tối thượng nghĩa.

172. **Nghe lời vị ấy dạy**,  
**Ta làm theo giáo huấn**,  
Trong đêm canh thứ nhất,  
Ta nhớ đến đời trước.

173. Trong đêm canh chạng giữa,  
Thiên nhãn được thanh tịnh,  
Trong đêm canh cuối cùng,  
Khởi si ám tan tàn.

174. Từ đây ta được sống,  
Biến mãn thân hỷ lạc,  
**Đêm thứ bảy, duỗi chân**,  
**Khởi si ám tan tàn.**

## 22 Vimala - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142

### Somamitta – Tiểu III, 142 (134)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà, và được Trưởng lão Vimala cảm hóa, ngài xuất gia, ngài sống gần vị Trưởng lão, làm trọn bốn phận của mình.

Nhưng vì Trưởng lão trở thành biếng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: "Ai có thể có giới đức, sống gần một người biếng nhác?"

Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahà Kassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài chỉ trích Vimala với những câu kệ như sau:

147. *Như leo trên ván nhỏ,  
Giữa biển lớn bị chìm,  
Cũng vậy đến kẻ khác,  
Người hạnh tốt cũng chìm.  
Do vậy hãy bỏ nó,  
Kẻ làm biếng làm nhác.*

148. *Hãy sống gần bậc Thánh,  
Bậc viễn ly, tinh cần,  
Thiền định, thường tinh tấn,  
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, **phát triển thiền quán**, tự mình tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chúng đạt được mục đích.

## 23 Vimala Kondanna – Tiểu III, 75

Vimala Kondanna – *Tiểu III*, 75 (64)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh là con của Ambapàli và thân phụ ngài là vua Bimbisàra. Ambapàli đặt tên con là Vimala và sau ngài được biết với tên là Vimala-Kondanna.

Ngài chịu ảnh hưởng bởi uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ này:

*64. Dưới cờ trắng ta sanh,  
Từ nàng tên một cây,  
Với cờ đánh đổ cờ,  
Lá cờ lớn hủy diệt.*

## 24 Vimala Xưa Làm Một Kỹ Nữ – Tiểu III, 580

Vimala Xưa Làm Một Kỹ Nữ – *Tiểu III*, 580 (39)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Vesàli làm con gái một người bán sắc đẹp sinh sống. Nàng được đặt tên là Vimalà.

Khi nàng lớn lên, và suy tư với những tư tưởng uế nhiễm, nàng thấy Tôn giả *Mahà Moggallàna* đang đi khát thực ở Vesàli, nàng cảm thấy thương yêu Tôn giả và đi theo về tinh xá để cám dỗ. Có người nói nàng được các ngoại đạo xúi dục nên làm như vậy. Tôn giả chỉ trích hành động không tốt đẹp của nàng và thuyết pháp cho nàng, như đã được ghi trong Trưởng lão Tăng Kệ. (Therà. 1150-57), nàng cảm thấy xấu hổ và trở thành một tín nữ.

Về sau cùng nàng xuất gia, tinh tấn tu tập, và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến quả chứng của mình, nàng phân khởi nói lên bài kệ:

72. Say mê với giai cấp,  
Với dung sắc tuổi xuân,  
Với danh xưng, danh vọng,  
Ta y lại tuổi trẻ,

Đối với những người khác,  
Ta khinh bỉ khinh thường.

73. *Thân này ta trang điểm,*  
*Ta kêu gọi kẻ ngu,*  
*Ta đứng trong khung cửa,*  
*Tại cửa hàng buôn sắc,*  
*Như thợ săn, ác độc,*  
*Đang gieo đặt bẫy mồi.*

74. *Ta khoa trương trang sức,*  
*Phô bày nhiều chỗ kín,*  
*Để châm biếm nhiều người,*  
*Ta làm nhiều ảo thuật,*  
*Hôm nay ta khát thực,*  
*Đầu trọc, đặc đại y,*  
*Ta ngồi dưới gốc cây,*  
*Ta chứng định không tầm.*

75. *Mọi khổ ách đoạn tận,*  
*Cả cõi trời, cõi người,*  
*Quảng bỏ mọi lậu hoặc,*  
*Ta mát lạnh tịch tịnh.*

## 25 Vimala – Tiểu III, 209

### Vimala – Tiểu III, 209 (185)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau:

263. *Hãy tránh xa bạn ác,  
Giao thiệp bậc thượng nhân,  
Vâng theo lời khuyến giáo,  
Hướng đến lạc bất động.*

264. *Như leo trên ván nhỏ,  
Giữa biển lớn bị chìm,  
(Xem kệ 147 - 148)*

265. *Cũng vậy đến kẻ nhác,  
Người hạnh tốt cũng chìm,  
Do vậy, hãy bỏ nó,  
Kẻ làm biếng, làm nhác.*

266. *Hãy sống gần bậc Thánh,*

*Bạc viễn ly tình cần,  
Thiền định, thường tình tấn,  
Bạc Hiền trí sáng suốt.*

## 26 Vimala – Tiểu III, 60

### Vimala – Tiểu III, 60 (50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), từ một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một **thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen**, bởi vậy, được tên là **Vimala**.

Khi lớn lên ngài khởi tín tâm khi gặp được đức Phật ở Ràjagaha, rồi ngài xuất gia, tìm một đề tài học tập, đến ở trong một hang núi ở Kosala.

Một hôm trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể **định tâm, chứng được quả A-la-hán**. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này:

*50. Đất, nước mưa ướt thấm,  
Gió thổi mát không gian,  
Trên trời, chớp vạch đường,  
Tư tưởng ta lắng dịu,  
Tâm ta thật định tĩnh.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

## 27 Vimalakondanna - Mẹ của Ngài - Kinh Ambapàli – Tiểu III, 655

### Ambapàli – Tiểu III, 655 (66)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng được sanh dưới một gốc cây xoài trong vườn vua Vesàli và được gọi là Ambapàli.**

Nàng rất đẹp nên đến khi lớn lên nhiều vương tôn công tử cạnh tranh để chiếm đoạt nàng. **Về sau để tránh những cạnh tranh ấy và cũng do *nghiệp lực* của nàng, nàng trở thành một *kỹ nữ*.**

Vì lòng tin đối với bậc Bổn Sư, nàng xây dựng một tinh xá trong ngôi vườn của nàng và cúng cho đức Phật và chúng Tăng. Khi nàng nghe **con nàng, tức là Trưởng lão Vimalakondanna thuyết pháp**, nàng **triển khai thiền quán về lý vô thường**, như thân nàng, chứng Tam minh và nàng nói lên những bài kệ sau đây:

252. *Đen như sắc con ong,  
Tóc dài ta khéo uốn,  
Nay biến đổi vì già,  
Như vải gai, vỏ cây,  
Đúng như lời giảng dạy,*

**Của *bạc* nói *sự thật*.**

253. *Thơm như hộp ướp hương,  
**Đầu** ta đầy những hoa,  
Nay biến đổi vì già,  
**Hôi** như lông con thỏ,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của *bạc* nói *sự thật*.*

254. *Như rừng khéo vun trồng,  
Lược kim tu chói sáng,  
Nay biến đổi vì già,  
**Tóc** lơ thơ rơi rụng,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của *bạc* nói *sự thật*.*

255. *Trang điểm với bện tóc,  
Sáng chói nữ trang vàng,  
**Tóc** mềm mại êm dịu,  
Thơm ngát với mùi hương,  
Nay biến đổi vì già,  
Rơi rụng đầu sói trọc,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của *bạc* nói *sự thật*.*

256. *Trước **lông mày** của ta,  
Chói sáng khéo tô vẽ,*

Nay biến đổi vì già,  
Nhăn nheo, rơi suy sụp,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.

257. **Mắt** ta xanh và dài,  
Sáng đẹp như châu báu,  
Nay biến đổi vì già,  
Hư hại không chói sáng,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.

258. **Lỗ mũi** mềm và thon,  
Sáng chói và trẻ măng,  
Nay biến đổi vì già,  
Héo khô và tàn tạ,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.

259. Trước **tai** ta sáng chói,  
Như vàng vòng khéo làm,  
Nay biến đổi vì già,  
Nhăn nhu chảy xệ xuống,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.

260. Trước **răng** ta sáng chói,

*Như búp nụ chuối hoa,  
Nay biến đổi vì già,  
Bẻ gãy vàng như lúa,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.*

261. Ngọt là **giọng nói** ta,  
*Như chim cu hót rìng,  
Nay biến đổi vì già,  
Tiếng bẻ bị đứt đoạn,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.*

262. Trước **cổ** ta chói sáng,  
*Mềm đầy đặn nhu nhuyến,  
Nay biến đổi vì già,  
Nhiều ngán và khô cằn,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.*

263. Trước **cánh tay** của ta,  
*Sáng như hai cột tròn,  
Nay biến đổi vì già,  
Như hoa kèn yếm ớt,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.*

264. Trước **bàn tay** của ta,  
Mềm mại như cành hoa,  
Sáng như nữ trang vàng,  
Nay biến đổi vì già,  
Như rễ cây khô cần,  
Nhăn nhiu và thô nhám,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.

265. Trước **vú** ta sáng chói,  
Căng thẳng và tròn đầy,  
Nay biến đổi vì già,  
Trống rỗng treo lủng lẳng,  
Như da không có nước,  
Trống không, không căng tròn,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.

266. Trước **thân** ta chói sáng,  
Như giáp vàng đánh bóng,  
Nay biến đổi vì già,  
Đầy vết nhăn nhỏ xíu,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.

267. Trước **bắp vế** của ta,  
Sáng chói như vôi vôi,

Nay biến đổi vì già,  
Giống như những ống tre,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.

268. Trước **ống chân** của ta,  
Mềm mại như vòng vàng,  
Nay biến đổi vì già,  
Chẳng khác gậy cây mè,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.

269. Trước **chân** ta chói sáng,  
Vội lông mềm như bông,  
Nay biến đổi vì già,  
Nứt nẻ đầy đường nhăn,  
Đúng như lời giảng dạy,  
Của bậc nói sự thật.

270. **Thân này là như vậy,**  
Nay già chứa nhiều khổ,  
**Ngôi nhà đã cũ kỹ,**  
**Vội trét tường rơi xuống,**  
**Đúng như lời giảng dạy,**  
**Của Bậc nói sự thật.**

Và vị trưởng lão Ni, thấy được những hình tướng vô thường trên thân của mình, nhận thức được tánh vô thường của ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tâm tư quán triệt tánh Vô thường, Khổ, Vô ngã, và **phát triển tuệ quán** trên con đường tu tập, chứng được quả A-la-hán.

## 28 Visakha - Con trai là trưởng lão Migajàla - Kinh Migajàla – Tiểu III, 269

**Migajàla – Tiểu III, 269 (217)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của nữ cư sĩ nổi tiếng Visàkhà, và hay đi đến tinh xá để nghe pháp. Cuối cùng, ngài xuất gia, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Khi nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

417. Khéo giảng bậc có mắt,  
Hào quang còn yếu ớt,  
Mọi kiết sử vượt qua,  
Mọi **luân chuyển** hoại diệt.

418. Pháp hướng dẫn, hướng thượng,  
Làm khô héo ác căn,  
Chặt đứt gốc nọc độc,  
Diệt ác, đạt tịch tịnh.

419. **Phá vỡ gốc vô trí,**  
**Chấm dứt nghiệp sanh hữu,**  
**Trí kim cang đánh nát,**

*Mọi chấp trì của thức.*

420. *Cảm thọ được phơi bày,  
Chấp thủ được giải thoát,  
Hữu như hổ than hùng,  
Được tùy quán bởi trí.*

421. Vị lớn, khéo thâm sâu,  
Chận đứng già và chết,  
Con đường **Thánh tám ngành**,  
Tịnh chỉ khổ, vận tốt.

422. Biết được nghiệp là nghiệp,  
Biết nghiệp quả là quả,  
Như thực soi, quán chiếu,  
**Các pháp do duyên sanh,**  
**Đưa đến đại an ổn,**  
**Tịch tịnh, cứu cánh thiện.**

## 29 Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là **con trai một công chúa con vua**, về sau ngài được biết là *con trai của Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,  
Chớ có khinh khi người,  
Không khinh, không hại người,**

*Đã đến bờ bên kia,  
Và chớ có khen mình,  
Trước mặt các hội chúng,  
**Không dao động, khiêm tốn,  
Khéo nói, khéo chế ngự.***

*210. Với người, thấy ý nghĩa,  
Tế nhị và kín đáo,  
Thiện xảo về trí tuệ,  
Nếp sống khéo hộ trì,  
Thực hiện giới chư Phật,  
Niết-bàn đối vị ấy,  
Không gì khó chứng đạt.*

## 30 Visàkhà – Tiểu III, 549

### Visàkhà – *Tiểu III*, 549 (13)

Câu chuyện của Visàkhà cũng giống như câu chuyện của Dhàra. Sau khi chứng quả A-la-hán, nàng suy tư trên lạt giải thoát và nói lên chánh trí nàng đã chứng được, để khuyến khích đồng bạn tu hành.

*13. Hãy làm, hãy thực hành,  
Đúng theo lời Phật dạy.*

*Và sau khi làm xong,  
Không có lòng ăn năn,  
Hãy gấp rửa chân sạch,  
Và ngồi xuống một bên.*

## 31 Vitàsoka – Tiểu III, 156

### Vitàsoka – Tiểu III, 156 (145)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammàsoka (A-dục), được đặt tên là Vitàsoka.

Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài phát triển thiền quán, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

169. *Hãy cạo tóc cho ta,  
Người cạo tóc đã đến,  
Ta cầm lấy cái gương,  
Quan sát thân thể ta.*

170. *Thân được thấy trống rỗng,  
Chìm tối trong đêm đen,*

*Mọi vải quần chặt đứt,  
Nay không còn tái sanh.*

## 32 Viễn ly - 3 xuất ly - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 380

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 380** (Tik, III, 3) (It. 60)

Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba xuất ly giới** này. Thế nào là ba?

- Sự xuất ly này khỏi các **dục**, tức là **viễn ly**.
- Sự xuất ly này khỏi các **sắc**, tức là **vô sắc**.
- **Sự đoạn diệt cái gì được hiện hữu**, được làm ra, được duyên khởi, là **sự xuất ly cái ấy**.

Này các Tỷ-kheo, có ba xuất ly giới này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

**Biết được xuất ly dục,  
Vượt qua được các sắc,  
Tịnh chỉ tất cả hành,**  
Luôn luôn cảm nhiệt tình,  
Tỷ-kheo ấy thấy chánh,  
Từ đây, chính ở đây,  
Vị ấy được giải thoát,

*Thắng trí được viên thành,  
Sống nếp sống an tịnh.  
Vị ấy sống như vậy,  
Thật sự là ẩn sĩ,  
Đã vượt khỏi các ách.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

### 33 Viễn ly - Ai chuyên nhất xuất ly, Tâm tư hướng viễn ly - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

#### Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lầu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng **không thể định tâm** vì có liên lạc với đông người khi

sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành, nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt được quả chứng. Ngài nghĩ: "*Ta không thể thành đạt con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt hơn ta hoàn tục và làm các công đức!*".

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập **tịnh chi**. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,  
Phục vụ vua Ấng-ga,  
Nay lại cao trong pháp,  
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,  
Năm thượng pháp tu tập,  
Tỷ-kheo vượt năm gút,  
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,*

Phóng dật, ưa vị ngoài,  
**Giới, thiền định, trí tuệ,**  
Không đi đến viên mãn.

635. Việc phải làm, quăng bỏ,  
Không phải việc, lại làm,  
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,  
Lậu hoặc được tăng trưởng.

636. **Những ai khéo tinh cần,**  
**Thường tu tập niệm thân,**  
**Không phải việc, không làm,**  
**Kiên trì việc nên làm.**  
**Bậc chánh niệm tỉnh giác,**  
**Lậu hoặc đi đến diệt.**

637. **Trên đường thẳng được thuyết,**  
**Hãy bước, chớ quanh co,**  
**Hãy tự mình trách mình,**  
**Hãy đem Niết-bàn lại,**

638. Khi tinh cần nỗ lực,  
Căng thẳng, vượt mức độ,  
Thế gian, Vô Thượng Sư,  
Dùng **ví dụ chiếc đàn,**  
Bậc pháp nhãn, có mắt,  
Ngài thuyết pháp cho ta.

639. Ta nghe lời Ngài giảng,  
Lạc trú lời giảng dạy,  
Bình tĩnh, ta thực hành,  
Để đạt đích tối thượng,  
**Ba mình** ta đạt được,  
Lời Phật dạy làm xong.

640. *Ai chuyên nhất xuất ly,*  
*Tâm tư hướng viễn ly,*  
*Ai chuyên nhất vô sân,*  
*Diệt trừ các chấp thủ.*

641. *Ai chuyên nhất ái diệt,*  
*Tâm tư không si mê,*  
*Thấy sanh khởi các xứ,*  
**Tâm** *được khéo giải thoát.*

642. *Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,*  
*Được giải thoát chơn chánh,*  
*Không chất chứa việc làm,*  
*Điều phải làm không có.*

643. *Như một hòn đá tảng,*  
*Không bị gió lay động,*  
*Cũng vậy toàn bộ phận,*  
*Sắc, vị, thanh, hương, xúc.*

644. *Pháp ái, bất khả ái,  
Không động, người như vậy,  
Tâm trú, không hệ lụy,  
Tùy quán, sự hoại diệt.*

## 34 Viễn ly - Hạnh viễn ly - Kinh VanaVaccha – Tiểu III, 118

### VanaVaccha – Tiểu III, 118 (113)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn giàu có ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên là Vanavaccha. Ngài khởi lòng tin khi bậc Đạo Sư hội kiến với vua Bimbisàra (Bình-sa). Sau ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài sống trong rừng, thiên tu **hạnh viễn ly**, do vậy được gọi là Vanavaccha.

Một hôm, ngài muốn giúp ích cho bà con đi đến Ràjagaha, sống trong một chỗ ở nhỏ, và nói với họ nếp sống của mình. Các bà con yêu cầu ngài dùng bài kệ này nói lên ngài ưa thích sống ở rừng núi và hành trì hạnh viễn ly:

*113. Dưới tảng đá, băng đá  
Có nước suối, trong chảy,  
Có khỉ và có nai,  
Lại vắng sống gần bên,  
Cỏ cây bao trùm nước,  
Núi rừng ấy, ta ưa.*

Bài kệ này trở thành lời nói chánh trí của ngài.

## 35 Viên ly - Pháp viên ly vô thượng - Kinh Câu hỏi của thanh niên 5 Dhotaka - Tiểu I, 789

Câu hỏi của thanh niên 5 – Dhotaka – *Tiểu I*, 789

**Dhotaka:**

1061. *Tôn giả Dhô-ta-ka:*

*Con xin hỏi Thế Tôn,  
Mong Ngài trả lời cho,  
Con chờ đợi lời Ngài,  
Kính thưa bậc Đại sĩ,  
Nghe lời Ngài tuyên bố,  
Chúng con sẽ tự mình,  
Học tập giới Niết-bàn.*

Thế Tôn:

1062. *Thế Tôn đáp lại rằng:*

*Hỡi này Dhô-ta-ka,  
Ở đây Ông nhiệt tâm,  
Sáng suốt và chánh niệm,  
Từ đây, nghe tuyên bố,  
**Tự** học tập Niết-bàn.*

**Dhotaka:**

1063. *Con thấy ở thế giới,*

*Chư Thiên và loài Người,  
Sở hành của Phạm chí,  
Không một gì sở hữu.  
Con đánh lễ chính Ngài,  
Bậc có mắt cùng khắp,  
Kính thưa bậc Thích tử,  
Hãy giải thoát cho con,  
Tất cả mọi nghi ngờ.*

Thế Tôn:

*1064. Hỡi này Dhô-ta-ka,  
Ta sẽ không đi đến,  
Giải thoát cho một ai,  
Có nghi ngờ ở đời,  
Khi pháp được Ông biết,  
Là tối thượng tối thắng,  
Như vậy Ông vượt khỏi,  
Dòng nước chảy mạnh này.*

**Dhotaka:**

*1065. Hãy giáo hóa, từ mẫn,  
Ôi bậc đại Phạm thiên,  
Để con được rõ biết,  
Pháp viên ly vô thượng,  
Như vậy con sẽ sống,  
Như trời không áp bức,  
Sở hành ở đời này,*

*An tịnh và độc lập.*

Thế Tôn:

1066. Thế Tôn liền nói rằng:

Hỡi này Dho-ta-ka,

Ta sẽ giảng cho Ông,

***Pháp tịch tịnh hiện tại,***

***Không do xưa truyền lại,***

*Sau khi biết pháp này,*

*Hãy sống, giữa chánh niệm,*

*Vượt tham ái ở đời.*

Dhotaka:

1067. Con cảm thấy hoan hỷ,

Pháp bậc Đại sĩ giảng,

Pháp tịch tịnh vô thượng;

Sau khi biết pháp này,

Con sẽ sống chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1068. Thế Tôn lời đáp lại:

Hỡi này Dho-ta-ka,

***Phàm Ông rõ biết gì,***

***Cao, thấp, ngang, chặng giữa,***

*Sau khi được rõ biết,*

*Tham ái này ở đời,*

***Chớ tạo nên khát ái  
Với hữu và phi hữu.***

## 36 Việc làm lăng xăng này, Có nghĩa gì cho ông - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124

### Vajji Putta – Tiểu III, 124 (119)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua Licchaivì ở Vesàli, và được gọi là con của Vajji, vì phụ thân thuộc về dòng họ này.

Khi còn trẻ, thiên về huấn luyện voi, thúc đẩy bởi nhân duyên chín muồi để giải thoát, ngài đi đến tinh xá đúng lúc bậc Đạo Sư thuyết giảng, sau khi nghe, ngài xuất gia, sau một thời gian chứng **sáu thắng trí**.

Sau một thời gian, sau khi bậc Đạo Sư vừa nhập Niết-bàn, ngài cùng với các bậc Trưởng lão thỏa thuận cố gắng duy trì Chánh pháp không có suy suyển, và cùng với các vị Trưởng lão đi từ chỗ này đến chỗ kia.

Một hôm ngài thấy Tôn giả Ananda đang thuyết pháp cho một số đông người, **để khích lệ Tôn giả Ananda chứng quả cao hơn**, ngài nói lên bài kệ này:

*119. Hãy đi đến khu rừng,  
Rậm rạp những rễ cây,  
**Hãy để cho Niết-bàn,***

*Chìm sâu vào tâm người,  
Hỡi này Go-ta-ma!  
Hãy tu tập thiền định,  
Việc làm lãng xãng này,  
Có nghĩa gì cho ông.*

### 37 Việc đáng làm, không làm, Không đáng làm, lại làm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89

Phẩm Tạp Lục – *Tiểu I*, 89

290. Nhờ từ bỏ **lạc nhỏ**,  
Thấy được lạc lớn hơn,  
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,  
Thấy được lạc lớn hơn.

291. Gieo khổ đau cho người,  
Mong cầu lạc cho mình,  
Bị hận thù buộc ràng,  
Không sao thoát hận thù.

292. Việc đáng làm, không làm,  
Không đáng làm, lại làm,  
Người ngạo mạn, phóng dật,  
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. Người siêng năng cần mẫn,  
Thường thường quán **thân niệm**,  
Không làm việc không đáng,  
Gắng làm việc đáng làm,  
Người **tư niệm giác tỉnh**,

Lậu hoặc được tiêu trừ.

294. Sau khi giết mẹ cha,  
Giết hai Vua Sát ly,  
Giết vương quốc, quần thần,  
Vô ưu, Phạm chí sống.

295. Sau khi giết mẹ cha,  
Hai vua Bà-la-môn,  
Giết hỏ tướng thứ năm,  
Vô ưu, Phạm chí sống.

296. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tưởng Phật Đà** thường niệm.

297. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tưởng Chánh Pháp** thường niệm.

298. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tưởng Tăng Già** thường niệm.

299. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tướng sắc thân** thường niệm.

300. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Ý vui niềm bất hại.**

301. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Ý vui tu thiền quán.**

302. Vui hạnh xuất gia, khó,  
Tại gia sinh hoạt, khó,  
Sống bạn không đồng, khổ,  
Trôi lăn luân hồi, khổ,  
Vậy chớ sống **luân hồi**,  
Chớ chạy theo đau khổ.

303. Tín tâm, sống giới hạnh,  
Đủ danh xưng tài sản,  
Chỗ nào người ấy đến,  
Chỗ ấy được cung kính.

304. Người lành dầu ở xa  
Sáng tỏ như núi tuyết,  
Người ác dầu ở gần,  
Như tên bắn đêm đen.

305. Ai ngồi nằm một mình.  
Độc hành, không buồn chán,  
Tự điều phục một mình,  
Sống thoải mái rừng sâu.

## 38 Voi - Chế ngự voi để làm gì, Tốt hơn là chế ngự Ta - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài **voi**, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và **triển khai thiền quán** trên căn bản thiền tư về **giới luật**.

Như một người nài chế ngự thú tánh con **voi** bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,  
Chạy chỗ này chỗ khác,  
Chạy chỗ nó ưa thích,  
Chạy chỗ nó vui sướng,  
Nay ta chế ngự tâm,*

*Với như lý tư duy,  
Như câu móc chế ngự,  
Nhiếp phục con voi rừng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

## 39 Voi - Người mù sờ voi - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 238

**Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 238 (Ud 66)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ một số đông các ngoại đạo sai khác. Các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sàvatthi để khát thực. Họ có quan điểm khác nhau, có kham nhẫn khác nhau, có sở thích khác nhau, y cứ nương tựa vào quan điểm khác nhau.

- Một số Sa-môn, Bà-la-môn, luận thuyết như sau: "Thế giới là thường còn, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là có biên tế, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".

- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là một, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là khác, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".

→ Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: "Như thế này là pháp. Như thế này là pháp. Như thế này không phải pháp. Như thế này không phải pháp".

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Sàvatthi, để khát thực, Khất thực ở Sàvatthi xong sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, một số đông ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sàvatthi để khát thực..."... như thế này không phải pháp, như thế này là pháp".

- Đây các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo **là những người mù, không có mắt**, không biết mục đích, không biết phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi:" Như thế này là pháp...Như thế này không phải pháp".

*Này các Tỷ-kheo, thưở xưa tại thành Sàvatthi này, có một ông vua. Này các Tỷ-kheo, ông vua ấy bảo một người:*

- "Này người kia, phàm có bao nhiêu **những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi** hãy nhóm lại một chỗ tất cả "

- "Thưa vâng, Đại vương". Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi, người ấy giữ lại tất cả, rồi đi đến ông vua ấy, sau khi đến thưa với vị vua: "Thưa Đại vương, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi đã được tụ tập lại".

- Này khanh, **hãy đưa ra một con voi cho những người mù.**

- Thưa vâng, Đại vương.

Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, đưa ra một con voi cho những người mù: "Này các người mù, đây là con voi".

Với một số người mù, ông ta đưa cái đầu và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lỗ tai con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa các ngà con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái vòi con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái thân con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái chân...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lưng...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái đuôi...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lông đuôi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Này các Tỷ-kheo, rồi người ấy sau khi đưa con voi cho các người mù, đi đến ông vua ấy, sau khi đến tâu với vua: "Thưa Đại vương, con voi đã được các người mù thấy, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời!"

Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua đi đến các người mù ấy, sau khi đến nói với họ:

- "*Này các người mù, các ông đã thấy con voi chưa?*"

- "Thưa Đại vương, chúng tôi đã thấy con voi".

- "*Này các người mù, hãy nói con voi là như thế nào?*"

- Này các Tỷ-kheo, những ai thấy **đầu** con voi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái **ghè**!"

- Những ai được thấy cái **tai** con voi... như cái **rổ sàng gạo**."

- Những ai được thấy cái **ngà** con voi... như cái lưỡi cây."
- Những ai được thấy cái **vòi**... như cái cày".
- Những ai được thấy cái **thân**... như cái kho chứa."
- Những ai được thấy cái **chân**... như cái cột."
- Những ai được thấy cái **lưng**... như cái cối."
- Những ai được thấy cái **đuôi**... như cái chày".
- Những ai được thấy cái **nhóm lông đuôi** con voi, chúng nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái chổi"
- "Con voi các ông nói như vậy không phải là con voi. Con voi không phải như vậy. Con voi không phải vậy. Như thế này là con voi". Cho đến khi họ đánh lộn nhau bằng tay. Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua ấy hoan hỷ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, *các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi:* "Như thế này là pháp...Như thế này không phải pháp".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng***:

4. *Có một số Sa-môn,  
Cùng với Bà-la-môn,  
Họ chấp trước, giành giật,  
Trong các luận thuyết này,  
Họ tranh luận tranh chấp,  
**Họ nhìn chỉ một phía.***

## 40 Voi - Như voi đầu chiến trận, Tại đây sống chánh niệm - Kinh Gahvaratīrya – Tiểu III, 41

### Gahvaratīrya – Tiểu III, 41 (31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là *Aggidatta*.

Khi lớn lên ngài thấy đức Phật hiện hóa thân thông song hành, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đề tài để hành trì, ngài đi vào rừng Ratira và được biết với tên là *Gahvaratīrya*, **phát triển thiền quán**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật ở Sàvatthi, các bà con ngài nghe tin ngài đến, liền cúng dường ngài rất nhiều. Khi ngài muốn trở lui lại khu rừng, các bà con ngăn lại, nói rằng núi nhiều muỗi và ruồi lằng rất khó sống. Ngài trả lời đời sống rừng núi thích hợp với ngài và ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

*31. Trong núi rừng rộng lớn,  
Bị muỗi lằng đốt cắn,  
Như voi đầu chiến trận,  
Tại đây sống chánh niệm.*



## 41 Voi - Phẩm Voi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,  
Hứng chịu cung tên rơi,  
**Chịu đựng mọi phỉ báng,**  
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,  
Ngựa luyện, được vua cưới,  
**Người luyện, bậc tối thượng,**  
**Chịu đựng mọi phỉ báng.**

322. Tốt thay, con la thuần,  
Thuần chủng loài ngựa Sind.  
Đại tượng, voi có ngà,  
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,  
Đưa người đến Niết-Bàn,  
Chỉ có người tự điều,  
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,

Phát dục, khó điều phục,  
Trói buộc, không ăn uống,  
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,  
Nằm lẫn lóc qua lại,  
Chẳng khác heo no bụng,  
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. *Trước tâm này buông lung,  
Chạy theo ái, dục, lạc,  
Nay Ta chánh chế ngự,  
Như cầm móc điều voi.*

327. Hãy vui không phóng dật,  
Khéo phòng hộ tâm ý,  
Kéo mình khỏi ác đạo,  
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,  
Đáng sống chung, hạnh lành,  
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,  
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,  
Đáng sống chung, hạnh lành,  
Như vua bỏ nước bại,

Hãy sống riêng cô độc,  
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,  
Không kết bạn người ngu,  
Độc thân, không ác hạnh,  
Sống vô tư vô lự,  
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!  
Vui thay, **sống** biết đủ!  
Vui thay, **chết** có đức!  
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!  
Vui thay, hiếu kính cha!  
Vui thay, **kính** Sa môn!  
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!  
Vui thay, **tín** an trú!  
Vui thay, được trí **tuệ**!  
Vui thay, ác **không** làm!

## 42 Voi - Trên chiến trường ta chết, Tốt hơn sống bại trận - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171

Sona Potiriyaputta – *Tiểu III*, 171 (157)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya, được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành **tướng chỉ huy quân lực** của Bhaddiya, một vị vua Sakka.

Nay Bhaddiya đã xuất gia, và ngài theo gương Bhaddiya cũng xuất gia, **nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định**. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya, chiếu hào quang đến ngài, **khích lệ ngài tu tập chánh niệm**, với những bài kệ như sau:

*193. Thấy chó có ngủ nữa,  
Vội đêm, sao vòng hoa,  
Đêm này, người có trí,  
Thức dậy, không có ngủ.*

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập **thiền quán**, ngài nói lên bài kệ:

194. *Khi con voi tấn công,  
Rơi từ lưng voi xuống,  
Trên chiến trường ta chết,  
Tốt hơn sống bại trận.*

Nói vậy, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

## 43 Voi - Đây là voi với voi, Với voi có ngà lớn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 189

**Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 189 (Ud 41)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ Thế Tôn sống bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, các vua, các đại thần của vua, các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo quấy rầy, bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "*Nay Ta sống bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni... quấy rầy, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Vậy Ta hãy sống một mình, xa rời đại chúng*".

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Kosambi để khát thực. Khát thực ở Kosambi xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, liền dọn dẹp sàng tọa của mình, cầm y bát, không nói cho thi giả biết, không báo cho chúng Tỷ-kheo biết, một mình không có người thứ hai ra đi, bộ hành hướng đến Pàlileyyaka, tiếp tục bộ hành và đi đến Pàlileyyaka. Tại đây, Thế Tôn sống ở Pàlileyyaka, khóm rừng Rakkhita, dưới gốc cây Sàla Bhadda.

Rồi một con voi, bị các con voi, các con voi cái, các con voi con, các con voi còn bú quấy rầy, ăn cỏ với đầu ngọn bị cắt đứt, ăn các cành cây bị gãy, uống nước bị vẩn đục, khi hụp lặn xong lên khỏi nước nó bị các con voi cái cọ xát thân hình, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Rồi con voi ấy suy nghĩ: *"Ta bị các con voi, các con voi cái... Ta vì bị phiền quấy rầy nên khổ, không có thoải mái, an ổn. Vậy Ta hãy sống một mình, xa rời khỏi đàn voi"*.

Rồi con voi ấy, rời khỏi đàn voi, đi đến Pàlileyaka, tại khóm rừng Rakkita, ở góc cây sàla Bhadda. Tại đây, con voi ấy tại chỗ nào Thế Tôn ở, tại chỗ ấy nó dọn sạch cỏ với cái vòi của mình, đem nước uống, đồ ăn để Thế Tôn dùng.

Rồi Thế Tôn trong khi sống độc cư thiên định, tư tưởng như sau được khởi lên: *"Ta trước đây bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni... quấy rầy không có thoải mái an ổn. Nay Ta sống không có bị các Tỷ-kheo... không có bị các ngoại đạo, đệ tử các ngoại đạo quấy rầy, vì không bị quấy rầy, Ta sống an lạc thoải mái"*.

Còn con voi ấy cũng khởi lên suy nghĩ như sau: *"Trước đây ta sống bị các con voi.. quấy rầy, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Nay ta sống không bị các con voi... quấy rầy. Ta ăn cỏ với đầu ngọn không bị cắt đứt, ăn các cành cây không bị gãy, uống nước không bị vẩn đục, khi hụp lặn*

*xong lên khỏi nước, ta không bị các con voi cái cọ xát thân hình, ta không bị quấy rầy nên sống an lạc, thoải mái an ổn".*

Rồi Thê Tôn, sau khi biết hạnh viên ly của mình, với tâm của mình biết được tâm của con voi ấy, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*5. Đây là voi với voi,  
Voi voi có ngà lớn,  
Voi tâm điều phục tâm,  
Một mình vui thích rừng.*

## 44 Voi luyện, đưa dự hội, Ngựa luyện, được vua cưới - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,  
Hứng chịu cung tên rơi,  
**Chịu đựng mọi phỉ báng,**  
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,  
Ngựa luyện, được vua cưới,  
**Người luyện, bậc tối thượng,**  
**Chịu đựng mọi phỉ báng.**

322. Tốt thay, con la thuần,  
Thuần chủng loài ngựa Sind.  
Đại tượng, voi có ngà,  
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưới ấy,  
Đưa người đến Niết-Bàn,  
Chỉ có người tự điều,  
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,  
Phát dục, khó điều phục,  
Trói buộc, không ăn uống,  
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,  
Nằm lãn lóc qua lại,  
Chẳng khác heo no bụng,  
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. Trước tâm này buông lung,  
Chạy theo **ái, dục, lạc**,  
Nay Ta chánh chế ngự,  
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,  
Khéo **phòng hộ tâm ý**,  
Kéo mình khỏi ác đạo,  
Như voi bị sa lũy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,  
Đáng sống chung, hạnh lành,  
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,  
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,  
Đáng sống chung, hạnh lành,

Như vua bỏ nước bại,  
Hãy sống riêng cô độc,  
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,  
Không kết bạn người ngu,  
Độc thân, không ác hạnh,  
Sống vô tư vô lự,  
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!  
Vui thay, **sống** biết đủ!  
Vui thay, **chết** có đức!  
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!  
Vui thay, hiếu kính cha!  
Vui thay, **kính** Sa môn!  
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!  
Vui thay, **tín** an trú!  
Vui thay, được trí **tuệ**!  
Vui thay, ác **không** làm!

## 45 Vu oan - Giết người rồi vu cáo cho Tăng đoàn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 193

**Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 193 (Ud 44)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường tôn kính, cũng nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính... Cũng không nhân được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Các du sĩ ngoại đạo ấy, không có thể chịu nổi sự cung kính đối với Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo, đi đến nữ du sĩ Sundari, sau khi đến, nói với nữ du sĩ Sundari:

- Nay chị, chị có thể làm lợi ích cho các bà con?

- Thừa các Tôn giả, con có thể làm gì? Việc gì con có thể làm được? Đời sống của con là một vật hy sinh cho các bà con.

- Vậy Chị hãy thường đi đến Jetavana.
- Thừa vâng, các Tôn giả.

Nữ du sĩ Sundari, sau khi vâng đáp các du sĩ ngoại đạo ấy thường xuyên đi đến Jetavana. Khi các du sĩ ngoại đạo ấy được biết rằng nữ du sĩ Sundari được nhiều người thấy thường xuyên đi đến Jetavana, họ đoạt mạng sống của nữ du sĩ Sundari, tại đây, chôn nàng vào cái hố trong các mộ của Jetavana, rồi đi đến Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi đến thưa với vua Pasenadi nước Kosala:

- Thừa Đại vương, nữ du sĩ Sundari không được thấy nữa.
- Nhưng các Người nghĩ ở tại đâu?
- Ở tại Jetavana, thưa Đại vương.
- Vậy hãy đi tìm ở Jetavana.

Các du sĩ ngoại đạo ấy đi tìm ở Jetavana, đào mộ tại chỗ đã quăng nàng xuống, đặt nàng trên giường, đi vào Sàvatthi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba đường này đến ngã ba đường khác, họ làm cho dân chúng tức giận nói rằng: *"Các Ông hãy xem công việc làm của các Thích tử! Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp, nói láo, không Phạm hạnh họ tự cho là sống đúng pháp, sống thẳng bằng, sống Phạm hạnh, nói lời chân thật, giữ giới, theo thiện pháp. Không có Sa-môn hạnh trong*

*những vị này. Không có Bà-la-môn hạnh trong những vị này. Từ đâu họ có Sa-môn hạnh? Từ đâu họ có Bà-la-môn hạnh? Sa-môn hạnh của họ đã đi mất. Sau khi làm xong phận sự của đàn ông, họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".*

Lúc bấy giờ, các người ở Sàvatthi, khi thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo nói rằng: "Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y cầm bát, vào Sàvatthi để khát thực, khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, đi khát thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Nay các người ở Sàvatthi khi thấy các Tỷ-kheo... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này.

- Nay các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không còn tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau một tuần sẽ biến mất.

Này các Tỷ-kheo, những ai thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo, các Thầy hãy chỉ trích lại với bài kệ này:

### 8. *Ai nói lời không thật,*

*Phải đi đến địa ngục,  
Ai có làm lại nói  
Việc ấy tôi không làm,  
Cả hai sau khi chết,  
Sẽ đồng đẳng như nhau.  
Họ là những hạng người,  
Làm các hạnh hạ liệt,  
Trong một đời sống khác.*

Rồi các Tỷ-kheo ấy sau khi học thuộc lòng bài kệ này từ nơi Thế Tôn, nếu có những người thấy các Tỷ-kheo với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ ly, phỉ báng, bức nã, các vị liền chỉ trích lại với bài kệ này: "Ai nói lời không thật... Trong một đời sống khác", những người suy nghĩ như sau: "*Các Thích tử Sa-môn không có phạm tội. Sự việc ấy không phải do họ làm. Các Sa-môn Thích tử này đã thề như vậy.*" Và lời nói ấy không có lâu dài, lời nói ấy chỉ có tồn tại có một tuần, sau một tuần được biến mất.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, thật là khéo nói, lời này của Thế Tôn: "*Này các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau*

*một tuần sẽ biến mất".* Bạch Thê Tôn, tiếng đồn ấy đã biến mất.

Rồi Thê Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*9. Người không biết chế ngự,  
Với lời đâm người khác,  
Giống như voi bị đâm,  
Khi tham gia chiến trận.*

*Nghe những lời thô ác,  
Tỷ-kheo hãy chịu đựng,  
Giữ gìn không nói lên,  
Tâm không có hiềm hận.*

## 46 Vua - Bị mất ngôi vua, nghe thuyết pháp, xuất gia - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110

### Setuccha – Tiểu III, 110 (102)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một vị vua địa phương. Không thể giữ nước nhà độc lập, ngài bị mất ngôi **vua**.

Lang thang trong nước với tâm tư sầu khổ, ngài thấy và nghe Thế Tôn thuyết pháp, xuất gia, chứng quả A-la-hán. Căn nhắc trong bài kệ, chống đối đời thế tục, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*102. Bị kiêu mạn lừa đảo,  
Tâm uế nhiễm trong hành,  
Lợi, bất lợi, dao động,  
Họ không chứng thiên định.*

## 47 Vua - Từ bỏ ngai vua, xuất gia - Kinh Jenta – Tiểu III, 117

### Jenta – Tiểu III, 117 (111)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), tại làng Jenta, con một vua địa phương. Khi đang còn trẻ, vì nghiệp duyên thúc đẩy, ngài muốn xuất gia, suy tư đến đời sống thoát tục.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, rồi xuất gia. **Tinh cần tu tập, hân hoan trong thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến quả chứng của mình, nhớ đến những phân vân phải gặp lúc trước, ngài phấn khởi nói lên bài kệ:

*111. Khó thay, đời xuất gia,  
Khó thay, đời cư sĩ,  
Sâu kín thay, Chánh pháp,  
Khó kiếm thay, tài sản,  
Lựa chọn thật khó khăn,  
Nếp sống này, sống khác,  
Khi tâm trí, luôn luôn,  
Nghĩ đến lẽ vô thường.*

## 48 Vua - Từ bỏ ngôi vua để xuất gia - Trưởng lão Kimliba - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123

**Kimliba** – *Tiểu III*, 123 (118)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong một gia đình một vị vua dòng họ Thích-ca, tên là Kimbila, ngài hưởng được tài sản rất nhiều.

Bậc Đạo Sư thấy được thiên quán của ngài chín mươi khi ngài ở Anupiya, để khích lệ ngài, Thế Tôn cho hiện lên một nữ nhân rất đẹp trong tuổi trẻ và làm cho ngài thấy nữ nhân ấy từ tuổi trẻ bước qua tuổi già.

Kimbila thấy vậy rất xúc động và nói lên bài kệ:

*118. Như bị lời trù yếm,  
Tuổi già đến áp đảo,  
Dung sắc bị đổi khác,  
Nhưng cũng dung sắc trước;  
Vị ấy như thế nào,  
Không có gì thay đổi,  
Nhưng ta chớ tự ngã,  
Có gì đã đổi khác.*

Nghĩ đến lẽ **vô thường**, ngài cảm thấy dao động mạnh, và đi đến bậc Đạo Sư, nghe pháp, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Ngài nhân mạnh cái nhìn thường hằng trước của ngài đối với sự vật, và nói lại bài kệ, này như nói lên chánh trí của ngài.

## 49 Vua Ajàtasattu - Muốn giết em vì sợ chiếm ngôi vua - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339

**Sīlavat** – *Tiểu III, 339* (241)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con của vua Bimbisāra (Tần-bà-ta-la), và được đặt tên là Sīlavat.

Khi đến tuổi trưởng thành, anh ngài là Ajàtasattu làm vua, muốn giết ngài, nhưng không giết được, vì ngài sống đời sống cuối cùng và chưa chứng quả A-la-hán.

Rồi Thế Tôn, biết sự việc đã xảy ra bảo *Mahā Moggallāna* đi mời ngài đến. Hoàng tử Sīlavat xuống voi, thích nghi giáo lý với tâm tánh của ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài ở Kosala, và khi Ajàtasattu sai những người đến giết ngài, ngài dạy cho những người ấy, hóa độ và những người ấy xuất gia học đạo. Và ngài giảng cho họ như sau:

608. Ở đây hãy học **giới**,

*Khéo học tập ở đời,  
Giới thành đạt toàn diện,  
Đưa đến mọi thành công.*

609. Bạc trí **hãy hộ giới**,  
*Nếu kỳ vọng ba lạc,  
Được danh xưng, tài sản,  
Sau chết, hưởng thiên lạc.*

610. **Người trì giới, tự chế**,  
*Được nhiều người bạn tốt,  
Kẻ ác giới, hành ác,  
Mất mát các bạn bè.*

611. Người **ác giới** chỉ được,  
*Ác danh, không tài sản,  
Bạc trì giới luôn được  
Khen danh xưng, tán thán.*

612. **Khởi đầu, an trú giới**,  
**Giới là mẹ thiện pháp,**  
**Giới đứng đầu mọi pháp,**  
*Vậy hãy trong sạch giới.*

613. **Giới, hạn chế, phòng ngự,**  
**Làm sáng chói tâm tư,**  
**Là đầu bến chur Phật,**

**Vậy hãy trong sạch giới.**

614. *Giới, sức mạnh vô song,  
Giới, bình khí tối thượng,  
Giới, trang sức đệ nhất,  
Giới, áo giáp hy hữu.*

615. *Giới, đầu cầu cường đại,  
Giới, hương thơm vô thượng,  
Giới, hương thoa đệ nhất,  
Nhờ giới, bay bốn phương.*

616. *Giới, tư lương cao nhất,  
Giới, hành trang tối thượng,  
Giới, vận tải đệ nhất,  
Nhờ giới, đi bốn phương.*

617. *Đây, kẻ xấu bị trách,  
Sau chết sanh đọa xứ,  
Kẻ ngu không **định, giới,**  
Ưu tư khắp các chỗ.*

618. *Đây bậc tốt được khen,  
Sau chết sanh giải thoát,  
Kẻ trí khéo **định, giới,**  
Hân hoan, khắp các chỗ.*

619. Ở đây, giới tối cao,  
Nhưng trí tuệ, tối thượng,  
Giữa loài Người, loài Trời,  
Bậc giới tuệ thắng lợi.

## 50 Vua Asoka - Kinh Ekavihàriya hay Tissa Kumàra – Tiểu III, 316

Ekavihàriya hay Tissa Kumàra – *Tiểu III*, 316 (234)

Ngài sanh ra, sau khi đức Phật đã nhập Niết-bàn, là con trai nhỏ nhất của vua *Dhammàsoka*.

Vua *Asoka*, đến năm thứ 218 sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, đã thống nhất toàn thể Ấn Độ trong một đế quốc. Vua phong em trai thứ ngài là Tissa làm Phó vương, và vận động em ngài ủng hộ cho Giáo hội.

Còn ngài trong khi đi săn thấy Trưởng lão *Mahà Dhammarakkhita* ngồi dưới gốc cây, cảm xúc rất mạnh, tự mình muốn sống trong rừng. Khi ngài chứng kiến Trưởng lão hiện thần thông, ngài trở về lâu đài, và nói với vua *Asoka* ngài muốn từ bỏ cuộc đời thế tục. Vua *Asoka* không thể làm ngài thay đổi sự quyết định của mình. Tha thiết sống đời sống một ẩn sĩ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

537. *Khi trước mặt sau lưng,  
Không có một người nào,  
Như vậy an lạc lớn,  
Sống một mình trong rừng.*

538. Ta sẽ đi một mình,  
Đến ngôi rừng Phật khen,  
Hưởng an lạc đã được,  
Vị Tỷ-kheo thọ hưởng,  
Nhờ sống đời tinh tấn,  
Sống riêng chỉ một mình.

539. Ta sẽ gáp vào rừng,  
Một mình, sống lý tưởng,  
Ngôi rừng được loài voi,  
Cuồng loạn sống tự do,  
Trú xứ đem hoan hỷ,  
Cho ẩn sĩ thiền định.

540. Trong ngôi rừng Sì-ta,  
Với núi hang nước mát,  
Sau khi rửa tay chân,  
Ta kinh hành một mình.

541. Sống một, không sống hai,  
Trong rừng lớn đẹp đẽ,  
Ta sẽ sống tại đây,  
Việc xong, không lâu hoặc.

542. Như vậy, ta muốn làm,  
Mong ước nguyện thành tựu,  
Ta sẽ có lòng tin,

*Không ai làm ai được.*

543. *Ta cột áo giáp lại,  
Sẽ vào trong rừng sâu,  
Ta không ra khỏi rừng,  
Nếu chưa đạt lậu tận.*

544. *Trong khi gió nhẹ thổi,  
Mát lạnh, thơm mùi hương,  
Ta ngồi trên chỏm núi,  
Ta sẽ phá vô minh.*

545. *Trên tấm thảm hang động,  
Trái đầy những hoa rừng,  
Ta hưởng lạc giải thoát,  
Tại vòng đai núi rừng.*

546. *Chí nguyện ta viên mãn,  
Giống như mặt trăng rằm.  
Mọi lậu hoặc tận trừ,  
Nay không còn tái sanh.*

## 51 Vua Bimbisàra - Con của vua Bimbisàra - Kinh Abhaya – Tiểu III, 35

### Abhaya – Tiểu III, 35 (26)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là **con vua Bimbisàra** (Bình-sa). Giáo chủ Nàtaputta dạy ngài một mưu chước để đánh bại Sa-môn Gotama trong cuộc tranh luận, nhưng trong câu trả lời của Sa-môn Gotama, ngài thấy sự thất bại của giáo chủ phái Ni-kiền Tử và sự sáng suốt của Sa-môn Gotama. Do vậy, sau khi vua từ trần, Abhaya xuất gia.

**Nhờ nghe giảng kinh Ví dụ cái lỗ trong cây gỗ, ngài chứng quả Dự lưu.** Rồi với sự cố gắng tinh cần, ngài chứng quả A-la-hán.

Do vậy, phân khởi trước thành quả đạt được, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*26. Nghe được lời khéo giảng,  
Bậc bà con mặt trời,  
Ta đâm thủng tình vi,  
Như tên chẻ ngọn tóc.*

## 52 Vua Bimbisàra - Hoàng hậu Khema - Kinh Khema – Tiểu III, 613

### **Khema – Tiểu III, 613 (52)**

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh nước Magadha (Ma-kiệt-đà) ở Sàgala, thuộc gia đình hoàng tộc, tên là Khema. Nhan sắc đẹp đẽ, với da như vàng, nàng trở thành hoàng hậu Vua Bimbisàra.

Khi Thế Tôn ở tại Veluvana (Trúc Lâm), nàng không đi đến yết kiến đức Phật vì sợ Thế Tôn chỉ trích lỗi của mình. Vua muốn nàng đi thăm Trúc Lâm, nên nhờ người tán thán ngôi vườn này, và cuối cùng nàng bằng lòng cùng vua đi đến tinh xá, không thấy Thế Tôn, nhưng muốn nàng thấy cho được Thế Tôn, dầu phải bắt nàng ở lại. Khi nàng sắp sửa từ giả tinh xá nhưng không gặp được Thế Tôn, các người hầu cận giữ nàng ở lại và đưa nàng đến gặp đức Thế Tôn một cách miễn cưỡng.

Đức Thế Tôn dùng thần lực hóa hiện một tiên nữ rất đẹp đang đứng quạt cho Ngài, sắc đẹp thắng xa sắc đẹp của nàng rất nhiều. Rồi trước mắt nàng, nữ nhân được hóa hiện ấy lớn lên trở thành già yếu răng rụng, tóc bạc, da nhăn và ngồi ngã xuống đất với chiếc quạt. Khema thấy vậy, tự hỏi không biết thân mình

có chịu hoàn cảnh tương tự hay không. Thế Tôn biết được tâm trạng của nàng bèn nói lên bài kệ:

*Người đắm say các dục,  
Tự lao mình xuống dòng,  
Như nhện sa lưới dệt,  
Người trí cắt trừ nó,  
Bỏ mọi kế không màng.  
(Pháp cú, 347)*

Tập Sớ ghi chép, khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ. Nhưng theo tập Apadàna, nàng chỉ mới chứng quả, Dự lưu và sau khi được phép vua cho xuất gia, nàng xuất gia và trở thành A-la-hán.

Sau đó, nàng tu tập thiền quán, có danh tiếng về môn tu này, và đức Phật khi ở Jetavana (Kỳ Viên) đã đặt nàng vào hạng **thiền quán đệ nhất**.

Một ngày kia, nàng ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, **Ác ma** hiện lên, dưới hình thức một thanh niên và cám dỗ nàng với lòng dục như sau:

*139. Nàng vừa trẻ vừa đẹp,  
Ta vừa trẻ vừa xuân,  
Với cung đàn năm điệu,  
Hãy vui hưởng, Khemà.*

Nàng trả lời:

140. *Với thân hôi thối này,  
Bệnh hoạn và mong manh,  
Ta nhàm chán ghét bỏ,  
Dục ái đã nhỏ lên.*

141. *Dục ví như gươm giáo,  
Các uẩn đoạn đầu đài,  
Điều người nói dục lạc,  
Nay ta đã xa lìa.*

142. *Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,  
Khối si ám tan lành,  
Hãy biết vậy, Ác ma!  
Ngươi bị hại, Ma vương.*

143. *Ngươi đánh lễ vàng sao!  
Ngươi thờ lửa rừng sâu,  
Ngươi không biết như thật,  
Kẻ ngu nghĩ rằng tịnh.*

144. *Còn ta, ta đánh lễ,  
Bậc Giác ngộ, Thượng nhân,  
Giải thoát mọi khổ đau,  
Hành lời Đạo Sư dạy.*



## 53 Vua Bimbisàra - Kinh Mẹ Của Abhayà – Tiểu III, 560

### Mẹ Của Abhayà – Tiểu III, 560 (26)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh là một **hoa khôi** ở Ujjenì, tên là Badumavati.

Vua Bimbisàra ở Magadha nghe tiếng và muốn gặp nàng. Với sự giúp đỡ của vị giáo sĩ của vua, vua được gặp nàng và nàng có thai với vua. Vua bảo khi nào nó lớn thì đưa vào cung. Nàng sinh được một đứa con trai, đặt tên là Abhaya (Vô Úy).

Khi được bảy tuổi, nàng gửi con trai đến vua Bimbisàra và vua thương yêu nó và nuôi dưỡng nó với các người con khác của vua. Sau này đứa trẻ lớn lên tin theo đạo Phật, xuất gia, như đã được tường trình trong Trưởng lão Tăng Kệ.

Về sau, mẹ của Abhaya nghe Abhaya thuyết pháp, cũng xin xuất gia và sau một thời gian tu hành, chứng được quả A-la-hán, với pháp tín thọ, với nghĩa tín thọ. Nàng nhớ lại những câu kệ do con nàng giảng cho nàng và thêm vào những bài kệ của chính nàng:

**33. *Hồi thân mẫu thân yêu!  
Từ bàn chân trở lên,***

*Từ đầu tóc trở xuống,  
Hãy quán sát thân này,  
Thân này thật bất tịnh,  
Thật hôi hám thối tha.*

*34. Ta an trú như vậy,  
Mọi tham dục nhỏ sạch,  
Nhiệt não được đoạn trừ,  
Ta mát lạnh, tịch tịnh.*

## 54 Vua Bimbisàra - Kinh Vimala Kondanna – Tiểu III, 75

Vimala Kondanna – *Tiểu III*, 75 (64)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh là con của Ambapàli và thân phụ ngài là vua Bimbisàra. Ambapàli đặt tên con là Vimala và sau ngài được biết với tên là Vimala-Kondanna.

Ngài chịu ảnh hưởng bởi uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ này:

*64. Dưới cờ trắng ta sanh,  
Từ nàng tên một cây,  
Với cờ đánh đổ cờ,  
Lá cờ lớn hủy diệt.*

## 55 Vua Bimbisàra quên làm am thất cho Trưởng lão - Kinh Girimànanda – Tiểu III, 234

**Girimànanda** – *Tiểu III*, 234 (200)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) **con trai của vị cố vấn nghi lễ** cho vua Bimbisàra (Tần-bà-sa-la). Ngài thấy uy lực và uy nghi của đức Phật khi đức Phật dự hội ở Ràjagaha, và xin xuất gia.

Trong thời kỳ học tập, ngài sống trong một thời gian tại một ngôi làng rồi trở lui lại thành phố để đánh lễ Đức Phật. *Vua Bimbisàra* nghe tin ngài tới, đến yết kiến ngài và nói ngài hãy ở lại đây, vua xin lo liệu tất cả. Vì vua nhiều việc nên quên đi lời hứa, và ngài phải sống giữa trời. Và **thần mưa** không mưa, sợ làm ngài ướm. Rồi vua Bimbisàra, thấy trời hạn hán nên xây dựng một am thất cho ngài. Và ngài sống trong am thất ấy cố gắng tu hành tinh tấn, quyết tâm nỗ lực, tu tập **thiền định, thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Rồi hoan hỷ với sự kiện này, ngài nói lên lời chánh trí của ngài trong khi trời bắt đầu đổ mưa.

324. Trời mưa như bài ca,  
Khéo hát với nhạc điệu,  
Ta ngồi trong am thất,  
An lạc, được che chở,  
Tại đây ta an trú,  
**Thoải mái và an tịnh,**  
Thần mưa, nếu người muốn,  
Hãy mưa, hãy mưa đi.

325. Trời mưa như bài ca,  
Khéo hát với nhạc điệu,  
Ta ngồi trong am thất,  
An lạc, được che chở.  
Tại đây ta an trú,  
**Tâm tư thật tịnh chỉ,**  
Thần mưa, nếu người muốn,  
Hãy mưa, hãy mưa đi.

326. Trời mưa như bài ca,  
Khéo hát với nhạc điệu,  
Ta ngồi trong am thất,  
An lạc, được che chở.  
Tại đây ta an trú,  
**Tâm tư, ly tham ái,**  
Thần mưa nếu người muốn,  
Hãy mưa, hãy mưa đi.

327. Trời mưa như bài ca,  
Khéo hát với nhạc điệu,  
Ta ngồi trong am thất,  
An lạc được che chở.  
Tại đây ta an trú,  
**Tâm tư ly sân hận,**  
Thần mưa nếu người muốn,  
Hãy mưa, hãy mưa đi.

328. Trời mưa như bài ca,  
Khéo hát với nhạc điệu,  
Ta ngồi trong am thất,  
An lạc, được che chở.  
Tại đây ta an trú,  
**Tâm tư ly si mê,**  
Thần mưa nếu người muốn,  
Hãy mưa, hãy mưa đi.

## 56 Vua Bimbisàra quên xây thất cho 4 trưởng lão - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng.

Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển khai lòng từ**. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

*51. Trời mưa, như hát hay,  
Ta ở trong am thất,  
Được che kín khỏi gió,  
Ta sống thật an lạc,  
**Tâm ta khéo định tĩnh.**  
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

**Subàhu** nói lên bài kệ:

*52. Trời mưa, như hát hay,  
Ta ở trong am thất,  
Được che kín, khỏi gió,  
Ta sống thật an lạc,  
**Tâm khéo định trên thân,**  
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

**Vàlliya** nói lên bài kệ:

*53. Trời mưa, như hát hay,  
Ta ở trong am thất,*

*Được che kín, khỏi gió,  
Ta sống thật an lạc.  
Không phóng dật, ta sống,  
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

**Uttiya** nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,  
Ta ở trong am thất  
Được che kín, khỏi gió,  
Ta sống thật an lạc,  
Trong ấy, sống một mình,  
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

## 57 Vua Kosala - Chị của vua Kosala - Kinh Sumànà Xuất Gia Khi Tuổi Già – Tiểu III, 551

Sumànà Xuất Gia Khi Tuổi Già – *Tiểu III*, 551 (16)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Sàvatthi làm **chị của vua Kosala**. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, bắt đầu với bốn chữ: "Có bốn loại trẻ tuổi không nên khinh thường..." (S. I, 68), nàng khởi lên lòng tin, thọ tam quy và ngũ giới. Vì mắc hầu hạ bà ngoại, nàng không xuất gia được.

Sau khi bà ngoại mất, nàng cùng đi với vua tới tịnh xá, đem theo nhiều màn, nhiều vải cúng dường giáo hội. Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, nàng chứng được quả Bất hoàn và xin được xuất gia và **Thế Tôn thấy được sự trưởng thành trong trí tuệ của nàng nên nói lên bài kệ này:**

**16. *Hỡi này, lão Ni kia,  
Hãy an lạc nằm nghỉ,  
Đắp phủ trong tấm y,  
Chính tự mình làm lấy,  
Lòng tham người an tịnh,  
Người mát lạnh tịch tịnh.***

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được quả A-la-hán, với thấu triệt pháp, thấu triệt nghĩa. Trong sự sung sướng nội tâm, nàng lập lại những câu kệ này và chúng trở thành lời tuyên bố chánh trí của nàng. Rồi nàng được xuất gia ngay.

## 58 Vua Pasenadi - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 234

### Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 234 (Ud 64)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Đông Viên, lâu đài mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ Thế Tôn vào buổi chiều, từ độc cư thiên tịnh đứng dậy và đến ngồi tại một ngôi nhà nhỏ phía cửa ngoài.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị hỏa thiêu, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ, với nách đầy lông, với móng tay dài, mang các dụng cụ khát sĩ, đã đi ngang qua Thế Tôn không xa bao nhiêu.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chấp tay hướng về bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị hỏa thiêu, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy, nói lên ba lần tên của mình: "*Thưa chư Tôn giả, con là vua Pasenadi nước Kosala!*"

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị hỏa thiêu, bảy vị mặc một y, và bảy vị du sĩ ấy đã đi ngang qua

không bao lâu, liền đi đến Thệ Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thệ Tôn:

*- Bạch Thệ Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán?*

- Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ trong khi còn sống với gia đình, thọ hưởng dục lạc, bị vợ con trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kàsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, thọ hưởng vàng và bạc thời Đại vương **thật khó biết được** các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả.

- Thưa Đại vương, chính phải **cộng trú** mới biết được **giới đức** của một người và như vậy **phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý không phải không có tác ý; phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.**
- Thưa Đại vương, chính phải có **liên hệ** mới biết được **sự thanh liêm** của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.
- Thưa Đại vương, chính trong thời gian **bất hạnh** biết được **sự trung kiên** của một người, phải trong

một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý; phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

- Thừa Đại vương, chính phải **đàm luận** biết được **trí tuệ** của một người, và như vậy phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Thừa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... không phải với ác tuệ". Bạch Thế Tôn, có những trình thám này của con những người trinh sát sau khi đi trinh sát mặt nước, chúng đến con. Trước hết họ báo cáo rồi con mới đúc kết. Bạch Thế Tôn, ở đây những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớt, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, chúng được hầu hạ sẵn sóc và cho thọ hưởng năm dục công đức.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

2. *Phải siêng năng cố gắng,  
Tại bất cứ chỗ nào,  
Chớ trở thành là người  
Thuộc vào con người khác.*

*Chớ có sống y lại,  
Nương tựa vào người khác,  
Chớ sống nghề buôn bán,  
Đem pháp để kiếm lời.*

## 59 Vua Pasenadi - Thương mình nhiều nhất - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 200 (Ud 47)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala có mặt với hoàng hậu Mallikà trên lầu thượng của hoàng cung, rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với hoàng hậu Mallikà:

- Này Mallikà có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?

- Thừa Đại vương, không có khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thừa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

- Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pesenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng của hoàng cung với Hoàng hậu Mallikà và con nói với Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?"

Khi được nói như vậy, bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mallikà trả lời với con: "Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với Thiếp hơn là tự ngã của Thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?" Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta".

Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này:

1. *Tâm ta đi cùng khắp,  
Tất cả mọi phương trời,  
Cũng không tìm thấy được,  
Ai thân hơn tự ngã,  
Tự ngã đối mọi người,  
Quá thân ái như vậy,  
Vậy ai yêu tự ngã,  
Chớ hại tự ngã người.*

## 60 Vua Pasenadi - Trưởng lão Revata - Kinh Revata – Tiểu III, 352

### Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,  
Bỏ nhà, sống không nhà,  
Ta không biết tư duy,  
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,  
Hay làm khổ hữu tình,  
Ta không biết tư duy,*

*Trong thời gian dài này.*

647. Và ta biết **lòng từ**,  
*Vô lượng khéo tu tập,  
Ta thứ lớp tích lũy,  
Như lời đức Phật dạy.*

648. Là bạn thân tất cả,  
*Từ mẫn mọi hữu tình,  
Ta tu tập tâm từ,  
Luôn vui, không sân hận.*

649. **Ta thích thú với tâm,**  
**Không động, không dao động,**  
*Ta tu tập Phạm trú,  
Được bậc thiện hành trì.*

650. **Ta đạt được vô tâm,**  
**Đệ tử bậc Chánh giác,**  
**Với im lặng bậc Thánh,**  
**Ta trực diện đạt được.**

651. Như **núi đá** không động,  
*Đứng vững khéo an trú,  
Cũng vậy là Tỷ-kheo,  
Đạt được si mê diệt,  
Vị ấy như ngọn núi,*

*Không gì làm dao động.*

652. *Con người không uế nhiễm,  
Luôn tìm sự trong sạch,  
Tội nhẹ như đầu tóc,  
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,  
Phòng hộ cả trong ngoài,  
Hãy phòng hộ tự ngã,  
Sát-na không bỏ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,  
Ta không thích thú sống,  
Ta chờ thời gian đến,  
Như thợ làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,  
Ta không thích thú sống,  
Ta chờ thời gian đến,  
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hầu hạ,  
Lời Phật dạy làm xong,  
Gánh nặng, đặt xuống thấp,  
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

657. Vì đích gì xuất gia,  
Bỏ nhà, sống không nhà,  
Mục đích ấy, ta đạt,  
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,  
Đầy lời ta giáo giới,  
Ta sẽ nhập Niết-bàn,  
Ta thoát mọi sanh y.

## 61 Vua Tịnh Phạn - Kinh Mahàpajàpatì Gotamì – Tiểu III, 619

Mahàpajàpatì Gotamì – *Tiểu III*, 619 (55)

Trước khi bậc Đạo Sư ra đời, nàng được sanh ở Devadaha, trong gia đình Mahà-Supphabuddha. **Tên gia đình của nàng là Gotama, và nàng là em gái của Mahàmàyà.** Các thầy đoán tướng tiên đoán rằng các người con của hai chị em sẽ là vị chuyển luân vương. Vua Suddhodana, khi đến tuổi trưởng thành, cưới cả hai chị em.

Sau đó, bậc Đạo Sư đản sanh, và trong khi chuyển pháp luân, ngài đi đến Vesàli, và phụ vương được quả A-la-hán mệnh chung.

Rồi Mahàpajàpatì muốn xuất gia, xin phép bậc Đạo Sư nhưng không được chấp nhận. Rồi nàng cắt tóc, đắp y, và sau thời giảng kinh về tinh cần nỗ lực, **nàng ra đi với năm trăm Thích-ca nữ mà các người chồng đã xuất gia,** đi đến Vesàli, và xin bậc Đạo Sư cho xuất gia, với sự can thiệp của Tôn giả Ananda. Bậc Đạo Sư chấp nhận và dạy **Tám kinh pháp** cho các Tỷ-kheo-ni.

Sau khi xuất gia, Mahàpajàpatì đến yết kiến đức Phật và đứng một bên Ngài thuyết pháp cho nàng, và nàng

tinh cần tinh tấn chứng được quả A-la-hán với trí tuệ trực giác và phân tích. Năm trăm Tỷ-kheo-ni, sau khi nghe Nandaka giáo giới, chứng được **sáu thắng trí**.

Một ngày kia, khi bậc Đạo Sư ngồi giữa Thánh chúng tại tinh xá Jetavana (Kỳ Viên), Ngài xác nhận Mahàpajàpati là **vị có kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ hạnh phúc giải thoát, Niết-bàn**. Để nói lên lòng biết ơn của mình, Mahàpajàpati tuyên bố chánh trí của mình trước mặt Thế Tôn, tán thán hạnh đức của Ngài đã giúp đỡ hộ trì cho nàng mà trước đây nàng không được gặp:

157. *Bậc Giác ngộ anh hùng!*

*Con xin đánh lễ Ngài,  
Ngài là bậc Tối thượng,  
Giữa mọi loài chúng sanh,  
Ngài giải khổ cho con,  
Cùng rất nhiều người khác.*

158. *Liễu tri mọi đau khổ,*

*Gột sạch nhân khát ái,  
Con đường Thánh tám ngành,  
Đoạn diệt, ta chứng ngộ.*

159. *Trước ta sống là mẹ,*

*Là con, là cha, anh,*

Là ông nội, ông ngoại,  
Đời sống trước là vậy,  
Không rõ biết như thật,  
Luân hồi, tìm không gặp.

160. **Nay ta thấy Thế Tôn,**

**Thân này thân tối hậu,**

Sanh tử được đoạn tận,

Nay không còn tái sanh.

Siêng, tinh cần nỗ lực,

Thường, kiên trì tinh tấn,

Hãy thắng đệ tử Phật,

Hòa hợp, đánh lễ Ngài.

Vì hạnh phúc nhiều người,

Ma-yà sanh Cù-đàm,

Giải tỏa nhóm khổ đau,

Cho người bị bệnh chết.

## 62 Vua Tịnh Phạn Siddhodana - Kinh Nanda – Tiểu III, 148

**Nanda – Tiểu III, 148 (139)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Siddhodana (Tịnh Phạn) và bà Mahàpajàpati,** vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu.**

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu,** rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai.**

Ngày thứ ba khi đi khát thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng.**

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi

Nanda, **nhờ thiền định, phát triển thiền quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "**Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đăm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn**". Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,  
Ta chuyên trang sức ngoài,  
Ta thô tháo dao động,  
Say đắm trong tham **dục**.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,  
Ta, bà con mặt trời,  
Được hướng về chánh lý,  
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

## 63 Vua Udena - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 263

### Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 263 (Ud 79)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, vua Udena đang đi ngoài vườn, thì nội cung bị cháy và năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sàravati.

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Kosambi để khát thực. Các Tỷ-kheo ấy khát thực ở Kosambi xong, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi vua Udena đi ra ngoài vườn, nội cung bị cháy, năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sàravati. Các nữ cư sĩ ấy, sanh thú họ là gì? Tương lai họ thế nào?

- Nay các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ là bậc Dư lưu, có nhất bậc Nhất lai, có bậc Bất Lai. Nay các Tỷ-kheo, **tất cả các nữ cư sĩ ấy mạng chung không phải không có kết quả.**

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Đời bị si trói buộc,  
Được thấy bị tái sanh,  
**Bị trói bởi sanh y,**  
Kẻ ngu bị mù mây,  
Tự thấy mình thường còn,  
Nhưng với ai thấy được,  
Sẽ không có vật gì.*

## 64 Vui - Nay vui, đời sau vui, Làm phước, hai đời vui - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32

Phẩm Song Yếu – *Tiểu I*, 32

1. "Ý dẫn đầu các pháp,  
Ý làm chủ, ý tạo;  
Nếu với ý ô nhiễm,  
Nói lên hay hành động,  
**Khổ não** bước theo sau,  
Như xe, chân vật kéo".

2. "Ý dẫn đầu các pháp,  
Ý làm chủ, ý tạo,  
Nếu với ý thanh tịnh,  
Nói lên hay hành động,  
**An lạc** bước theo sau,  
Như bóng, không rời hình".

3. "Nó mắng tôi, đánh tôi,  
Nó thắng tôi, cướp tôi"  
**Ai ôm hiềm hận ấy,  
Hận thù không thể nguôi.**

4. "Nó mắng tôi, đánh tôi,  
Nó thắng tôi, cướp tôi,"

Không ôm hiềm hận ấy,  
Hận thù được tự nguôi.

5. "Vớ hận diệt hận thù,  
Đời này không có được.  
Không hận diệt hận thù,  
Là định luật ngàn thu".

6. "Người khác không hiểu biết,  
Chúng ta đây bị hại.  
Chỗ ấy, ai biết được  
Tranh luận được lắng êm."

7. "Ai sống nhìn tịnh tướng,  
Không hộ trì các căn,  
Ăn uống thiếu tiết độ,  
Biếng nhác, chẳng tinh cần.  
Ma uy hiếp kẻ ấy,  
Như cây yếu trước gió".

8. "Ai sống quán bất tịnh,  
Khéo hộ trì các căn,  
Ăn uống có tiết độ,  
Có lòng tin, tinh cần,  
Ma không uy hiếp được,  
Như núi đá, trước gió"

9. "Ai mặc áo cà sa,  
Tâm chưa rời uế trước,  
Không tự chế, không thực,  
Không xứng áo cà sa ".

10. "Ai rời bỏ uế trước,  
Giới luật khéo nghiêm trì,  
Tự chế, sống chơn thực,  
Thật xứng áo cà sa."

11. "Không chân, tưởng chân thật,  
Chân thật, thấy không chân  
Họ không đạt chân thật  
Do tà tư tà hạnh.

12. "Chân thật, biết chân thật,  
Không chân, biết không chân.  
Chúng đạt được chân thật,  
Do chánh tư, chánh hạnh."

13. "Nhu ngôi nhà vụng lợp,  
Mưa liền xâm nhập vào.  
Cũng vậy tâm không tu,  
Tham dục liền xâm nhập."

14. "Nhu ngôi nhà khéo lợp,  
Mưa không xâm nhập vào.

Cũng vậy tâm khéo tu,  
Tham dục không xâm nhập."

15. "Nay **sầu**, đòi sau sầu,  
Kẻ ác, hai đời sầu;  
Nó sầu, nó ưu não,  
Thấy nghiệp uế mình làm."

16. "Nay **vui**, đòi sau vui,  
Làm phước, hai đời vui.  
Người ấy vui, an vui,  
Thấy nghiệp tịnh mình làm."

17. "Nay **than**, đòi sau than,  
Kẻ ác, hai đời than,  
Than rằng: "Ta làm ác "  
Đọa cõi dữ, than hơn."

18. "Nay **sướng**, đòi sauướng,  
Làm phước, hai đờiướng.  
Mừng rằng: "Ta làm thiện ",  
Sanh cõi lành,ướng hơn."

19. "Nếu người nói nhiều kinh,  
Không hành trì, phóng dật;  
Như kẻ chăn bò người,  
Không phân Sa môn hạnh."

20. "Dầu nói ít kinh điển,  
Nhưng hành pháp, tùy pháp,  
Từ bỏ tham, sân, si,  
Tỉnh giác, tâm giải thoát,  
Không chấp thủ hai đời,  
Dự phần Sa môn hạnh."

## 65 Vui - Nhờ từ bỏ lạc nhỏ, Thấy được lạc lớn hơn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89

Phẩm Tạp Lục – *Tiểu I*, 89

290. Nhờ từ bỏ lạc nhỏ,  
Thấy được lạc lớn hơn,  
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,  
Thấy được lạc lớn hơn.

291. Gieo khổ đau cho người,  
Mong cầu lạc cho mình,  
Bị hận thù buộc ràng,  
Không sao thoát hận thù.

292. Việc đáng làm, không làm,  
Không đáng làm, lại làm,  
Người ngạo mạn, phóng dật,  
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. Người siêng năng cần mẫn,  
Thường thường quán thân niệm,  
Không làm việc không đáng,  
Gắng làm việc đáng làm,  
Người tư niệm giác tỉnh,  
Lậu hoặc được tiêu trừ.

294. Sau khi giết mẹ cha,  
Giết hai Vua Sát ly,  
Giết vương quốc, quần thần,  
Vô ưu, Phạm chí sống.

295. Sau khi giết mẹ cha,  
Hai vua Bà-la-môn,  
Giết hổ tướng thứ năm,  
Vô ưu, Phạm chí sống.

296. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tướng Phật Đà** thường niệm.

297. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tướng Chánh Pháp** thường niệm.

298. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tướng Tăng Già** thường niệm.

299. Đệ tử Gotama,

Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tưởng sắc thân** thường niệm.

300. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Ý vui niềm bất hại.**

301. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Ý vui tu thiền quán.**

302. Vui hạnh xuất gia, khó,  
Tại gia sinh hoạt, khó,  
Sống bạn không đồng, khó,  
Trôi lăn luân hồi, khổ,  
Vậy chớ sống **luân hồi**,  
Chớ chạy theo đau khổ.

303. Tín tâm, sống giới hạnh,  
Ủ danh xưng tài sản,  
Chỗ nào người ấy đến,  
Chỗ ấy được cung kính.

304. Người lành dầu ở xa

Sáng tỏ như núi tuyết,  
Người ác dầu ở gần,  
Như tên bắn đêm đen.

305. Ai ngồi nằm một mình.  
Độc hành, không buồn chán,  
Tự điều phục một mình,  
Sống thoải mái rừng sâu.

## 66 Vui hạnh xuất gia khó, Tại gia sinh hoạt khó - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89

Phẩm Tạp Lục – *Tiểu I*, 89

290. Nhờ từ bỏ lạc nhỏ,  
Thấy được lạc lớn hơn,  
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,  
Thấy được lạc lớn hơn.

291. Gieo khổ đau cho người,  
Mong cầu lạc cho mình,  
Bị hận thù buộc ràng,  
Không sao thoát hận thù.

292. Việc đáng làm, không làm,  
Không đáng làm, lại làm,  
Người ngạo mạn, phóng dật,  
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. Người siêng năng cần mẫn,  
Thường thường quán thân niệm,  
Không làm việc không đáng,  
Gắng làm việc đáng làm,  
Người tư niệm giác tỉnh,  
Lậu hoặc được tiêu trừ.

294. Sau khi giết mẹ cha,  
Giết hai Vua Sát ly,  
Giết vương quốc, quần thần,  
Vô ưu, Phạm chí sống.

295. Sau khi giết mẹ cha,  
Hai vua Bà-la-môn,  
Giết hổ tướng thứ năm,  
Vô ưu, Phạm chí sống.

296. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tướng Phật Đà** thường niệm.

297. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tướng Chánh Pháp** thường niệm.

298. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tướng Tăng Già** thường niệm.

299. Đệ tử Gotama,

Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Tưởng sắc thân** thường niệm.

300. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Ý vui niềm bất hại.**

301. Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
**Ý vui tu thiền quán.**

302. Vui hạnh xuất gia, khó,  
Tại gia sinh hoạt, khó,  
Sống bận không đồng, khổ,  
Trôi lăn luân hồi, khổ,  
Vậy chớ sống **luân hồi**,  
Chớ chạy theo đau khổ.

303. Tín tâm, sống giới hạnh,  
Đủ danh xưng tài sản,  
Chỗ nào người ấy đến,  
Chỗ ấy được cung kính.

304. Người lành dầu ở xa

Sáng tỏ như núi tuyết,  
Người ác dầu ở gần,  
Như tên bắn đêm đen.

305. Ai ngồi nằm một mình.  
Độc hành, không buồn chán,  
Tự điều phục một mình,  
Sống thoải mái rừng sâu.

## 67 Vui thay chúng ta sống, Không gì gọi của ta - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không hận**, giữa hận thù,  
Giữa những người thù hận,  
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không bệnh**, giữa ốm đau.  
Giữa những người bệnh hoạn,  
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không rộn** giữa rộn rang.  
Giữa những người rộn ràng,  
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,  
**Không gì** gọi của ta.  
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,  
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,  
Thất bại chịu khổ đau,  
Sống tịch tịnh an lạc.  
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

**Ác** nào bằng sân hận?

**Khổ** nào sánh khổ uẩn?

**Lạc** nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thương,  
Các hành, khổ tối thương,  
Hiểu như thực là vậy,  
Niết Bàn, lạc tối thương.

204. Không bệnh, lợi tối thương,  
**Biết đủ**, tiền tối thương,  
**Thành tín** đối với nhau,  
Là bà con tối thương,  
Niết Bàn, lạc tối thương.

205. Đã nếm vị độc cư,  
Được hưởng vị nhàn tịnh,  
Không sợ hải, không ác,  
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,

Sống chung thường hưởng lạc,  
Không thấy những người ngu,  
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,  
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,  
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,  
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,  
Bạc nghe nhiều, trì giới,  
Bạc tự chế, Thánh nhân,  
Hãy gần gũi, thân cận,  
Thiện nhân, trí giả ấy,  
Như trăng theo đường sao.

## 68 Vui thay gần người trí, Như chung sống bà con - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không hận**, giữa hận thù,  
Giữa những người thù hận,  
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không bệnh**, giữa ốm đau.  
Giữa những người bệnh hoạn,  
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không rộn** giữa rộn rang.  
Giữa những người rộn ràng,  
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,  
**Không gì** gọi của ta.  
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,  
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,  
Thất bại chịu khổ đau,  
Sống tịch tịnh an lạc.  
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?  
**Ác** nào bằng sân hận?  
**Khổ** nào sánh khổ uẩn?  
**Lạc** nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,  
Các hành, khổ tối thượng,  
Hiếu như thực là vậy,  
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,  
Biết đủ, tiền tối thượng,  
Thành tín đối với nhau,  
Là bà con tối thượng,  
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,  
Được hưởng vị nhàn tịnh,  
Không sợ hải, không ác,  
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,  
Sống chung thường hưởng lạc,  
Không thấy những người ngu,  
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,  
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,  
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,  
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,  
Bạc nghe nhiều, trì giới,  
Bạc tự chế, Thánh nhân,  
Hãy gần gũi, thân cận,  
Thiện nhân, trí giả ấy,  
Như trăng theo đường sao.

## 69 Vui thay, Phật ra đời, Vui thay, Pháp được giảng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phật Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,  
Vị bước đi trên đời,  
Không dấu tích chiến thắng,  
**Phật giới** rộng mênh mông,  
Ai dùng chân theo dõi,  
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,  
**Ái** phược hết dắt dẫn,  
**Phật giới** rộng mênh mông,  
Ai dùng chân theo dõi,  
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,  
Thích an tịnh viễn ly,  
Chư thiên đều ái kính,  
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,  
Khó thay, được sống còn,

Khó thay, nghe diệu pháp,  
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.  
Thành tựu các hạnh lành,  
Tâm ý giữ trong sạch,  
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;  
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.  
Niết bàn - quả tối thượng;  
Xuất gia không phá người;  
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,  
Hộ trì giới căn bản,  
Ăn uống có tiết độ,  
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh  
Chuyên chú tăng thượng tâm,  
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,  
Các **dục** khó thỏa mãn.  
Dục đáng nhiều, ngọt ít,  
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,

Không tìm cầu dục lạc,  
Dầu là dục chư thiên,  
**Chỉ ưa thích ái diệt.**

188. Loài người sợ hoảng hốt,  
Tìm nhiều chỗ quy y,  
Hoặc rừng rậm, núi non,  
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,  
Không quy y tối thượng.  
Quy y các chỗ ấy,  
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,  
Chánh pháp và chư tăng,  
Ai dùng chánh tri kiến,  
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,  
Thấy sự khổ vượt qua,  
Thấy **đường Thánh tám ngành**,  
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,  
Thật quy y tối thượng,  
Có quy y như vậy,

Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,  
Không phải đâu cũng có,  
Chỗ nào bậc trí sanh,  
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!  
Vui thay, **Pháp** được giảng!  
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!  
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,  
Chư Phật hoặc đệ tử,  
Các bậc vượt hý luận,  
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,  
Tịch tịnh, không sợ hãi,  
Các công đức như vậy,  
Không ai ước lường được.

## 70 Vui thay, bạn lúc cần! Vui thay, sống biết đủ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,  
Hứng chịu cung tên rơi,  
**Chịu đựng mọi phỉ báng,**  
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,  
Ngựa luyện, được vua cưới,  
**Người luyện, bậc tối thượng,**  
**Chịu đựng mọi phỉ báng.**

322. Tốt thay, con la thuần,  
Thuần chủng loài ngựa Sind.  
Đại tượng, voi có ngà,  
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,  
Đưa người đến Niết-Bàn,  
Chỉ có người tự điều,  
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,

Phát dục, khó điều phục,  
Trói buộc, không ăn uống,  
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,  
Nằm lẫn lóc qua lại,  
Chẳng khác heo no bụng,  
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. *Trước tâm này buông lung,  
Chạy theo ái, dục, lạc,  
Nay Ta chánh chế ngự,  
Như cầm móc điều voi.*

327. Hãy vui không phóng dật,  
Khéo phòng hộ tâm ý,  
Kéo mình khỏi ác đạo,  
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,  
Đáng sống chung, hạnh lành,  
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,  
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,  
Đáng sống chung, hạnh lành,  
Như vua bỏ nước bại,

Hãy sống riêng cô độc,  
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,  
Không kết bạn người ngu,  
Độc thân, không ác hạnh,  
Sống vô tư vô lự,  
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!  
Vui thay, **sống** biết đủ!  
Vui thay, **chết** có đức!  
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!  
Vui thay, hiếu kính cha!  
Vui thay, **kính** Sa môn!  
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!  
Vui thay, **tín** an trú!  
Vui thay, được trí **tuệ**!  
Vui thay, ác **không** làm!

## 71 Vui thay, chúng ta sống, Không bệnh, giữa ốm đau - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không hận**, giữa hận thù,  
Giữa những người thù hận,  
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không bệnh**, giữa ốm đau.  
Giữa những người bệnh hoạn,  
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không rộn** giữa rộn rang.  
Giữa những người rộn ràng,  
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,  
**Không gì** gọi của ta.  
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,  
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,  
Thất bại chịu khổ đau,  
Sống tịch tịnh an lạc.  
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?  
**Ác** nào bằng sân hận?  
**Khổ** nào sánh khổ uẩn?  
**Lạc** nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,  
Các hành, khổ tối thượng,  
Hiếu như thực là vậy,  
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,  
Biết đủ, tiền tối thượng,  
Thành tín đối với nhau,  
Là bà con tối thượng,  
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,  
Được hưởng vị nhàn tịnh,  
Không sợ hải, không ác,  
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,  
Sống chung thường hưởng lạc,  
Không thấy những người ngu,  
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,  
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,  
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,  
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,  
Bạc nghe nhiều, trì giới,  
Bạc tự chế, Thánh nhân,  
Hãy gần gũi, thân cận,  
Thiện nhân, trí giả ấy,  
Như trăng theo đường sao.

## 72 Vui thay, chúng ta sống, Không hận, giữa hận thù - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không hận**, giữa hận thù,  
Giữa những người thù hận,  
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không bệnh**, giữa ốm đau.  
Giữa những người bệnh hoạn,  
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không rộn** giữa rộn rang.  
Giữa những người rộn ràng,  
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,  
**Không gì** gọi của ta.  
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,  
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,  
Thất bại chịu khổ đau,  
Sống tịch tịnh an lạc.  
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

**Ác** nào bằng sân hận?

**Khổ** nào sánh khổ uẩn?

**Lạc** nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,  
Các hành, khổ tối thượng,  
Hiếu như thực là vậy,  
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,  
Biết đủ, tiền tối thượng,  
Thành tín đối với nhau,  
Là bà con tối thượng,  
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,  
Được hưởng vị nhàn tịnh,  
Không sợ hải, không ác,  
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,  
Sống chung thường hưởng lạc,  
Không thấy những người ngu,  
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,  
Lâu dài bị lo buồn.

Khổ thay gần người ngu,  
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,  
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,  
Bạc nghe nhiều, trì giới,  
Bạc tự chế, Thánh nhân,  
Hãy gần gũi, thân cận,  
Thiện nhân, trí giả ấy,  
Như trăng theo đường sao.

## 73 Vui thay, chúng ta sống, Không rộn giữa rộn ràng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không hận**, giữa hận thù,  
Giữa những người thù hận,  
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không bệnh**, giữa ốm đau.  
Giữa những người bệnh hoạn,  
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,  
**Không rộn** giữa rộn rang.  
Giữa những người rộn ràng,  
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,  
**Không gì** gọi của ta.  
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,  
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,  
Thất bại chịu khổ đau,  
Sống tịch tịnh an lạc.  
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

**Ác** nào bằng sân hận?

**Khổ** nào sánh khổ uẩn?

**Lạc** nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,  
Các hành, khổ tối thượng,  
Hiếu như thực là vậy,  
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,  
Biết đủ, tiền tối thượng,  
Thành tín đối với nhau,  
Là bà con tối thượng,  
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,  
Được hưởng vị nhàn tịnh,  
Không sợ hải, không ác,  
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,  
Sống chung thường hưởng lạc,  
Không thấy những người ngu,  
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,  
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,  
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,  
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,  
Bạc nghe nhiều, trì giới,  
Bạc tự chế, Thánh nhân,  
Hãy gần gũi, thân cận,  
Thiện nhân, trí giả ấy,  
Như trăng theo đường sao.

## 74 Vui thay, già có giới! Vui thay, tín an trú - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,  
Hứng chịu cung tên rơi,  
**Chịu đựng mọi phỉ báng,**  
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,  
Ngựa luyện, được vua cưới,  
**Người luyện, bậc tối thượng,**  
**Chịu đựng mọi phỉ báng.**

322. Tốt thay, con la thuần,  
Thuần chủng loài ngựa Sind.  
Đại tượng, voi có ngà,  
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,  
Đưa người đến Niết-Bàn,  
Chỉ có người tự điều,  
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,

Phát dục, khó điều phục,  
Trói buộc, không ăn uống,  
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,  
Nằm lẫn lóc qua lại,  
Chẳng khác heo no bụng,  
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. *Trước tâm này buông lung,  
Chạy theo ái, dục, lạc,  
Nay Ta chánh chế ngự,  
Như cầm móc điều voi.*

327. Hãy vui không phóng dật,  
Khéo phòng hộ tâm ý,  
Kéo mình khỏi ác đạo,  
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,  
Đáng sống chung, hạnh lành,  
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,  
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,  
Đáng sống chung, hạnh lành,  
Như vua bỏ nước bại,

Hãy sống riêng cô độc,  
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,  
Không kết bạn người ngu,  
Độc thân, không ác hạnh,  
Sống vô tư vô lự,  
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!  
Vui thay, **sống** biết đủ!  
Vui thay, **chết** có đức!  
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!  
Vui thay, hiếu kính cha!  
Vui thay, **kính** Sa môn!  
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!  
Vui thay, **tín** an trú!  
Vui thay, được trí **tuệ**!  
Vui thay, ác **không** làm!

## 75 Vui thay, hiếu kính mẹ! Vui thay, hiếu kính cha - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,  
Hứng chịu cung tên rơi,  
**Chịu đựng mọi phỉ báng,**  
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,  
Ngựa luyện, được vua cưới,  
**Người luyện, bậc tối thượng,**  
**Chịu đựng mọi phỉ báng.**

322. Tốt thay, con la thuần,  
Thuần chủng loài ngựa Sind.  
Đại tượng, voi có ngà,  
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,  
Đưa người đến Niết-Bàn,  
Chỉ có người tự điều,  
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,

Phát dục, khó điều phục,  
Trói buộc, không ăn uống,  
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,  
Nằm lẫn lóc qua lại,  
Chẳng khác heo no bụng,  
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. *Trước tâm này buông lung,  
Chạy theo ái, dục, lạc,  
Nay Ta chánh chế ngự,  
Như cầm móc điều voi.*

327. Hãy vui không phóng dật,  
Khéo phòng hộ tâm ý,  
Kéo mình khỏi ác đạo,  
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,  
Đáng sống chung, hạnh lành,  
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,  
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,  
Đáng sống chung, hạnh lành,  
Như vua bỏ nước bại,

Hãy sống riêng cô độc,  
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,  
Không kết bạn người ngu,  
Độc thân, không ác hạnh,  
Sống vô tư vô lự,  
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!  
Vui thay, **sống** biết đủ!  
Vui thay, **chết** có đức!  
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!  
Vui thay, hiếu kính cha!  
Vui thay, **kính** Sa môn!  
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!  
Vui thay, **tín** an trú!  
Vui thay, được trí **tuệ**!  
Vui thay, ác **không** làm!

## 76 Vui thích không phóng dật, Tỷ kheo sợ phóng dật - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36

Phẩm Không Phóng Dật – *Tiểu I*, 36

21. "**Không phóng dật**, đường sống,  
**Phóng dật** là đường chết.  
Không phóng dật, không chết,  
Phóng dật như chết rồi."

22. "Biết rõ sai biệt ấy,  
Người trí không phóng dật,  
Hoan hỷ, không phóng dật,  
An vui **hạnh bậc Thánh**."

23. "Người hăng tu thiền định,  
Thường kiên trì tinh tấn,  
Bậc trí hưởng Niết Bàn,  
Ách an tịnh vô thượng."

24. "Nỗ lực, giữ chánh niệm,  
Tịnh hạnh, hành thận trọng  
Tự điều, sống theo pháp,  
Ai sống không phóng dật,  
Tiếng lành ngày tăng trưởng."

25. "Nỗ lực, không phóng dật,  
Tự điều, khéo chế ngự.  
Bậc trí xây hòn đảo,  
Nước lụt khó ngập tràn."

26. "Họ ngu si thiếu trí,  
Chuyên sống đời phóng dật.  
Người trí, không phóng dật,  
Như giữ tài sản quý."

27. "Chớ sống đời phóng dật,  
Chớ mê say dục lạc.  
Không phóng dật, thiên định,  
Đạt được an lạc lớn."

28. "Người trí đẹp phóng dật,  
Vội hạnh không phóng dật,  
Leo lên cao trí tuệ,  
Không sầu, nhìn khổ sầu,  
Bậc trí đứng núi cao,  
Nhìn kẻ ngu, đất bằng."

29. "**Tinh cần** giữa phóng dật,  
**Tỉnh thức** giữa quần mê.  
**Người trí** như ngựa phi,  
**Bỏ sau** con ngựa hèn."

30. "Đế Thích không phóng dật,  
Đạt ngôi vị Thiên chủ.  
Không phóng dật, được khen;  
Phóng dật, thường bị trách."

31. "Vui thích không phóng dật,  
Tỷ kheo sợ phóng dật,  
Bước tới như lửa hừng,  
Thieu kiết sử lớn nhỏ."

32. "Vui thích không phóng dật,  
Tỷ kheo sợ phóng dật,  
Không thể bị thôi đoạ,  
Nhất định gần Niết Bàn."

## 77 Vui đời sống xuất gia - Kinh Bhaddiya Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407

Bhaddiya Kàligodhàyaputta – *Tiểu III, 407* (254)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Kapilavatthu, trong một **dòng họ Sàkya**, ngài được đặt tên là *Bhaddiya*.

Khi đã trưởng thành, ngài từ bỏ gia đình, **cùng với Anuruddha và bốn vị hoàng tộc** khác, khi bậc Đạo Sư đang ở trong vườn xoài, tại Anupiy. Khi xuất gia, ngài chứng được quả A-la-hán. Ngài được đức Phật xác chứng là **đệ nhất trong những Tỷ-kheo thuộc về hoàng tộc**.

Mỗi khi ngài hưởng lạc giải thoát, lạc Niết-bàn trong lúc ở trong rừng, dưới một gốc cây, trong cảnh rừng tịch tịnh, ngài thường thốt ra lời: "**Ôi hạnh phúc làm sao! Ôi, hạnh phúc làm sao!**"

Được đức Phật hỏi vì sao ngài thốt ra lời ấy, ngài trả lời khi ngài trị vì quốc độ của ngài, dầu ngài được bảo vệ chặt chẽ, ngài vẫn cảm thấy sợ hãi, hoảng hốt. Nhưng nay ngài đã từ bỏ tất cả, ngài không còn trong trạng thái sợ hãi nữa. Rồi trước mặt Thế Tôn, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

842. Khi ta ngồi cổ voi,  
Mang đồ mặc tể nhị,  
Ăn gạo thật ngon thơm,  
Với món thịt khéo nấu.

843. Nay hiền thiện, kiên trì,  
Vui đồ ăn đặt bát,  
**Thiền tư, không chấp trước,**  
Là con của Gô-dha.

844. Áo lượm rác, kiên trì,  
Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.

845. Thường khát thực, kiên trì,  
Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.

846. Mặc ba y, kiên trì,  
Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.

847. Đi từng nhà, kiên trì,  
Vui đồ ăn đặt bát,

*Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.*

848. **Ăn một bữa**, kiên trì,  
*Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.*

849. **Ăn trong bát**, kiên trì,  
*Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.*

850. **Không ăn thêm**, kiên trì,  
*Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.*

851. **Sống trong rừng**, kiên trì,  
*Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.*

852. **Ngồi gốc cây**, kiên trì,  
*Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.*

853. **Sống ngoài trời**, kiên trì,  
Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.

854. **Trú nghĩa địa**, kiên trì,  
Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.

855. **Tùy xứ trú**, kiên trì,  
Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.

856. **Sống thường ngôi**, kiên trì,  
Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.

857. **Ham muốn ít**, kiên trì,  
Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.

858. **Sống biết đủ**, kiên trì,

*Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.*

859. **Hạnh viên ly**, kiên trì,  
*Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.*

860. **Không giao du**, kiên trì,  
*Vui đồ ăn đặt bát,  
Thiền tư, không chấp trước,  
Là con của Gô-dha.*

861. **Sống tinh cần**, kiên trì,  
*Vui đồ ăn đặt bát,  
**Thiền tư, không chấp trước,**  
Là con của Gô-dha.*

862. Từ bỏ bát quý giá,  
Bằng vàng, bằng nhựa quý,  
Ta lấy bát bằng đất,  
Đây **quán đảnh thứ hai**.

863. Vòng thành cao bảo vệ,  
Vọng lâu, cửa kiên cố,  
Với lính tay cầm gươm,

*Ta đã sống sợ hãi.*

864. Nay hiền thiện, không sợ,  
Bỏ run sợ kinh hãi,  
Thiền tư, vào rừng sâu,  
Là con của Gô-dha.

865. An trú trên **giới uẩn**,  
**Chánh niệm, tu tuệ quán**,  
Thứ lớp ta đạt được,  
Mọi kiết sử đoạn diệt.

## 78      **Và nghiệp làm chánh thiện, Làm rồi không ăn năn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43**

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,  
Đường dài cho kẻ mệt,  
Luân hồi dài, kẻ ngu,  
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,  
Hơn mình hay bằng mình,  
Thà quyết sống một mình,  
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,  
Người ngu sanh ưu não,  
Tự ta, ta không có,  
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,  
Nhờ vậy thành có trí.  
Người ngu tưởng có trí,  
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,  
Thân cận người có trí,  
Không biết được Chánh pháp,  
Như muông với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,  
Thân cận người có trí,  
Biết ngay chân diệu pháp,  
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,  
Tự ngã thành kẻ thù.  
Làm các nghiệp không thiện,  
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,  
Làm rồi sanh ăn năn,  
Mặt nhuốm lệ, khóc than,  
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,  
Làm rồi không ăn năn,  
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,  
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,  
Khi ác chưa chín muối;

Ác nghiệp chín muối rồi,  
Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,  
Người ngu có ăn uống  
Không bằng phần mười sáu  
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiệp ác đã được làm,  
Như sữa, không đông ngay,  
Cháy ngấm theo kẻ ngu,  
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,  
Khi danh đến kẻ ngu.  
Vận may bị tổn hại,  
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,  
Muốn ngồi trước tỷ kheo,  
Ưu quyền tại tịnh xá,  
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,  
Nghĩ rằng: “chính ta làm”.  
Trong mọi việc lớn nhỏ,  
Phải theo mệnh lệnh ta"

Người ngu nghĩ như vậy  
**Dục** và **mạn** tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,  
Khác thay đường Niết Bàn.  
Tỷ kheo, đệ tử Phật,  
Hãy như vậy thắng tri.  
Chớ ưa thích cung kính,  
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

## 79 Vàng - Như thợ vàng lọc bụi, Trừ cầu uế nơi mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Cầu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,  
Diêm sứ đang chờ Người,  
Người đứng trước cửa chết,  
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo**,  
Tinh cần gấp, sáng suốt.  
Trừ cầu uế, thanh tịnh,  
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,  
Tiền gần đến Diêm Vương.  
Giữa đường không nơi nghỉ,  
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,  
Tinh cần gấp, sáng suốt,  
Trừ cầu uế, thanh tịnh,  
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**  
**Tùng sát na trừ dần.**

**Như thợ vàng lọc bụi**  
**Trừ cầu uế nơi mình.**

240. Như sét từ sắt sanh,  
Sắt sanh lại ăn sắt,  
Cũng vậy, quá lợi dưỡng  
Tự nghiệp dẫn cỏi ác.

241. **Không tụng** làm nhóp kinh,  
**Không đứng dậy**, bản nhà,  
**Biếng nhác** làm nhơ sắc,  
**Phóng dật** uế người canh.

242. **Tà hạnh** nhơ đàn bà,  
**Xan tham** nhóp kẻ thí,  
**Ác pháp** là vết nhơ,  
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,  
**Vô minh**, nhơ tối thượng,  
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,  
Thành bậc không uế nhiễm.

244. **Đễ thay, sống không hô,**  
**Sống lỗ mẫn như quạ,**

Sống công kích huênh hoang,  
Sống liêu lĩnh, nhiệm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,  
Thường thường cầu thanh tịnh,  
Sống vô tư, khiêm tốn,  
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,  
Nói láo không chân thật,  
Ở đời lấy không cho,  
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,  
Người sống đam mê vậy,  
Chính ngay tại đời này,  
**Tự đào bới gốc mình.**

248. Vậy người, hãy nên biết,  
**Không chế ngự là ác,**  
Chớ để tham phi pháp,  
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm  
Loài người mới bố thí.  
Ở đây ai bất mãn  
Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,  
Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,  
Tận gốc nhỏ tâm ấy.  
Người ấy ngày hoặc đêm,  
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,  
**Chấp** nào bằng **sân hận**,  
**Lưới** nào bằng lưới **si**,  
**Sông** nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,  
Lỗi mình thấy mới khó,  
Lỗi người ta phanh tùm,  
Như sàng trấu trong gạo,  
Còn lỗi mình, che đậy,  
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,  
**Thường** sanh lòng **chỉ trích**,  
**Người** ấy **lậu hoặc tăng**,  
**Rất xa lậu hoặc diệt**.

254. Hư không, không dấu chân,  
Ngoài đây, không Sa môn,

Chúng sanh thích hý luận,  
Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,  
Ngoài đây, không Sa môn.  
Các hành không thường trú,  
Chư Phật không giao động.

## 80 Vàng - Thấy đục như lửa hừng, Thấy vàng như dao đâm - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

### **Ratthapàla** – *Tiểu III*, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước  
những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,  
Nhóm vết thương tích tụ,  
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,  
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,  
Với châu báu, vòng tai,  
Bộ xương, da bao phủ,  
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,  
Mặt thoa với phấn bột,  
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,  
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,  
Mắt xoa với thuốc son,  
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,  
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,  
Uế thân được trang điểm,  
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,  
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,  
Nai khôn không chạm lưới,  
Ăn mỗi xong, ta đi,  
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,  
Nai khôn không chạm lưới,  
Ăn mỗi xong, ta đi,  
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,  
Được tiền, si không cho,  
Vì tham, cất chứa tiền,  
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,  
Chiếm ở đến bờ biên,  
Biên bên này chưa thỏa,  
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,  
**Aí** chưa hết, đã chết,  
Tái sanh, bị thiếu thốn,  
Chúng từ bỏ thân này,  
*Nhưng ở đời lòng **dục**,  
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,  
Tóc xõa, rối tơ vò,  
Chúng nói: Ôi chúng ta,  
Không có được bất tử,  
**Thân** trùm vãi, chúng mang,  
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,  
Chỉ với một tấm vải,  
Từ bỏ mọi tài sản,  
**Kẻ chết không nương tựa,  
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,  
Tài sản gia nghiệp nó.  
Riêng con người phải đi,  
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,  
Tài sản không có đi,  
Đi theo người đã chết,  
Không con trai, không vợ,  
Không tài sản, quốc độ.*

782. ***Tài sản** không làm sao,  
Mua được **tuổi trường thọ**;  
Phú quý nào có thể,  
Tránh khỏi được **già suy**.  
Bạc có trí nói rằng:  
Mạng sống này ít ỏi,  
Thật sự là vô thường,  
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,  
Ngu, trí đồng cảm thọ,  
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.  
Còn bậc trí không sợ,  
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,  
Nhờ tuệ đạt viên mãn,  
Chưa đạt được cứu cánh,  
Đối với hữu, phi hữu,  
Kẻ ngu làm các nghiệp,  
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,  
**Luân hồi**, tiếp tục sanh,  
Kẻ ít trí, tin tưởng,  
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*  
*Quả tang, khi ăn trộm,*  
*Do **nghiệp** tự chính nó,*  
*Bị hại theo ác tội,*  
*Cũng vậy sau khi chết,*  
*Quần chúng trong đời sau,*  
*Do nghiệp tự chính nó,*  
*Bị hại theo ác tội.*

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,  
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,  
Vớ sắc và phi sắc,  
**Do thấy sự nguy hiểm,**  
**Trong các đục công đức,**  
**Do vậy tôi xuất gia,**  
**Như vậy thừa Đại vương,**

788. **Như trái cây rụng xuống,**  
**Cũng vậy tuổi thanh niên,**  
**Lớn lên và già yếu,**  
**Rồi thân hoại mạng chung,**  
Thấy vậy tôi xuất gia,  
Như vậy thừa Đại vương,  
Đời sống Sa-môn hạnh,  
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,  
Vào giáo hội bậc Thánh,  
Tôi xuất gia không tội,  
**Không nợ, tôi thọ thực.**

790. **Thấy đục như lửa hừng,**  
**Thấy vàng như dao đâm,**  
**Xem nhập thai là khổ,**  
**Họa lớn trong địa ngục.**

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,  
Khi bị đâm, bị thương,  
Ta đạt được tịch tịnh,  
Và ta tận diệt được,  
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,  
Lời Phật dạy, làm xong,  
Gánh nặng, đặt xuống thấp,  
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,  
Bỏ nhà, sống không nhà,  
Mục đích ấy ta đạt,  
Mọi kiết sử tận diệt.*

## 81 Vàng - Vì sao có thân hình bằng vàng mịn\_ - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

### Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lầu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng **không thể định tâm** vì có liên lạc với đông người khi

sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành, nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt được quả chứng. Ngài nghĩ: "*Ta không thể thành đạt con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt hơn ta hoàn tục và làm các công đức!*".

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập **tịnh chi**. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,  
Phục vụ vua Ấng-ga,  
Nay lại cao trong pháp,  
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,  
Năm thượng pháp tu tập,  
Tỷ-kheo vượt năm gút,  
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,*

Phóng dật, ưa vị ngoài,  
**Giới, thiền định, trí tuệ,**  
Không đi đến viên mãn.

635. Việc phải làm, quăng bỏ,  
Không phải việc, lại làm,  
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,  
Lậu hoặc được tăng trưởng.

636. **Những ai khéo tinh cần,**  
**Thường tu tập niệm thân,**  
**Không phải việc, không làm,**  
**Kiên trì việc nên làm.**  
**Bậc chánh niệm tỉnh giác,**  
**Lậu hoặc đi đến diệt.**

637. **Trên đường thẳng được thuyết,**  
**Hãy bước, chớ quanh co,**  
**Hãy tự mình trách mình,**  
**Hãy đem Niết-bàn lại,**

638. Khi tinh cần nỗ lực,  
Căng thẳng, vượt mức độ,  
Thế gian, Vô Thượng Sư,  
Dùng **ví dụ chiếc đàn,**  
Bậc pháp nhãn, có mắt,  
Ngài thuyết pháp cho ta.

639. Ta nghe lời Ngài giảng,  
Lạc trú lời giảng dạy,  
Bình tĩnh, ta thực hành,  
Để đạt đích tối thượng,  
**Ba mình** ta đạt được,  
Lời Phật dạy làm xong.

640. *Ai chuyên nhất xuất ly,*  
*Tâm tư hướng viễn ly,*  
*Ai chuyên nhất vô sân,*  
*Diệt trừ các chấp thủ.*

641. *Ai chuyên nhất ái diệt,*  
*Tâm tư không si mê,*  
*Thấy sanh khởi các xứ,*  
**Tâm** *được khéo giải thoát.*

642. *Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,*  
*Được giải thoát chơn chánh,*  
*Không chất chứa việc làm,*  
*Điều phải làm không có.*

643. *Như một hòn đá tảng,*  
*Không bị gió lay động,*  
*Cũng vậy toàn bộ phận,*  
*Sắc, vị, thanh, hương, xúc.*

644. *Pháp ái, bất khả ái,  
Không động, người như vậy,  
Tâm trú, không hệ lụy,  
Tùy quán, sự hoại diệt.*

## 82 Vàng bạc - Sự nguy hiểm của vàng bạc - Kinh Subhà Con Người Thợ Vàng – Tiểu III, 684

Subhà Con Người Thợ Vàng – *Tiểu III*, 684 (70)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con gái một người thợ vàng. Vì nàng rất đẹp, nên được gọi là Subhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở tại Ràjagaha, nàng đến yết kiến Ngài, khởi lòng tin tưởng, đánh lễ ngài rồi ngồi xuống một bên. Bạc Đạo Sư biết được căn cơ tâm tư thuần thực của nàng, tùy theo ý nguyện của nàng, Ngài thuyết pháp cho nàng về **Bốn sự thật** và nàng chứng được **quả Dự lưu**.

Về sau, nàng nhận thấy sự khó khăn sống trong gia đình, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của bà Mahàpajàpati Gotamì, hướng tâm đến con đường siêu thoát.

Thỉnh thoảng, các bà con của nàng mời nàng trở lại với đời, nói lên sự hấp dẫn của đời. Một hôm nàng thuyết pháp cho bà con của nàng, nói lên những nguy hiểm của đời sống cư sĩ, và ở đời, thuyết pháp cho họ với hai mươi bốn bài kệ như sau và chữa cho họ thoát khỏi **bệnh tham vọng**.

Rồi nàng **phát triển thiền quán**, gột sạch các căn cuối cùng nàng chứng được quả A-la-hán. Khi đã chứng quả A-la-hán, nàng nói như sau:

338. *Ta trước mặc áo trắng,  
Được nghe giảng Chánh pháp,  
Do ta không phóng dật,  
Chứng tri được chân lý.*

339. *Nhờ vậy đối mọi dục,  
Không còn tham muốn lớn,  
Thấy sợ hãi thân kiến,  
Ta mong muốn viễn ly.*

340. *Ta bỏ chúng bà con,  
Bỏ lao công, nô tỳ,  
Làng ruộng đất phì nhiêu,  
Khiến người thích hân hoan,  
Tì bỏ, ta xuất gia,  
Gia sản đâu có ít.*

341. *Nhờ diệu pháp khéo thuyết,  
Ra đi, với lòng tin,  
Ta không thể hy cầu,  
Vật gì thuận gia sản,  
Vàng bạc ta đã bỏ,  
Sao lại đi đến chúng?*

342. Vàng bạc không giác ngộ,  
Không làm người an tịnh,  
Không hợp hạnh Sa-môn,  
Không phải tài sản Thánh.

343. Chính vàng hay bạc này,  
Làm tham ái, đắm say,  
Làm con người ngu si,  
Làm tăng trưởng bụi trần,  
Nguy hiểm nhiều ưu não,  
Đây, không gì trường cửu.

344. Đây, loài Người tham đắm,  
Phóng dật, tâm uế nhiễm,  
Chống đối thù địch nhau,  
Rộng đường đấu tranh nhau.

345. Giết hại, trói, tra tấn,  
Hao tài sản, ưu tư,  
Những ai chìm trong dục,  
Gặp phải nhiều tai họa.

346. Vì sao bà con ta,  
Giống như kẻ thù ta,  
Lại trói buộc ta vào,  
Trong vòng các dục lạc,

**Hãy biết ta xuất gia,  
Vì thấy dục đáng sợ.**

347. Bạc, vàng không có thể,  
Đoạn được các lậu hoặc,  
Các dục là thù địch,  
Sát nhân, chuyên giết hại,  
Chúng là kẻ oán thù,  
Là mũi tên, dây trói.

348. Vì sao bà con ta,  
Giống như kẻ thù ta,  
Lại trói buộc ta vào,  
Trong vòng các dục lạc,  
Hãy biết ta xuất gia,  
Cạo tóc đắp đại y.

349. Nuôi sống bằng đồ ăn,  
Tích lũy nhờ khát thực,  
Y áo được tác thành,  
Vói miếng vải lượm lặt,  
Sống vậy, thích hợp ta,  
Cơ bản, sống không nhà.

350. Dục, đại sĩ từ bỏ,  
Dục loài Trời, loài Người,  
Trú an ổn, giải thoát,

*Không dao động an lạc.*

351. **Chớ để ta đến dục,  
Trong dục, không an toàn,  
Dục, thù địch sát nhân,  
Gây khổ, dụ đồng lửa.**

352. *Đường hiểm, đầy sợ hãi,  
Đầy khổ hoạn, gai góc,  
Tham ái đường gập ghềnh,  
Hoang si mê rộng lớn.*

353. **Tai họa đầy hãi hùng,  
Các dục dụ đầu rắn,  
Kẻ ngu thích thú dục,  
Kẻ mù lòa phàm phu.**

354. **Chúng sanh chìm bùn dục,  
Những kẻ không thấy đời,  
Họ không có rõ biết,  
Sự chấm dứt sanh tử.**

355. **Loài Người vì nhân dục,  
Con đường đến ác thú,  
Phản nhiều đi đường ấy,  
Khiến tự ngã bệnh hoạn.**

356. Như vậy dục sanh thù,  
Nung nấu, làm uế nhiễm,  
Dục thuộc về thể vật,  
Trói người vào tử vong.

357. Dục làm cho điên cuồng,  
Loạn ngôn tâm thác loạn,  
Làm uế nhiễm chúng sanh,  
Sắp rơi bẫy Ác ma.

358. Dục nguy hiểm không cùng,  
Nhiều khổ, thuốc độc lớn,  
Ngọt ít, tạo đấu tranh,  
Héo tàn ngày tươi sáng.

359. **Ta quyết định như vậy,  
Không trở lui dục nhân,  
Tác thành điều bất hạnh,  
Luôn vui hưởng Niết-bàn.**

360. Quyết đấu tranh với dục,  
Chờ đợi, mát, lắng dịu,  
Sẽ sống không phóng dật,  
Đoạn diệt kiết sử dục.

361. Ta đi theo đường ấy,  
Đường đại sĩ đi qua,

Không sâu, không cầu uế,  
*An ổn, thẳng, Tám ngành.*

362. *Hãy xem Subhà này,  
An trú trên Chánh pháp,  
Con gái một thợ vàng,  
Đạt được không tham dục,  
Ngồi hành trì thiền định,  
Ở dưới một gốc cây.*

363. *Hôm nay, ngày mồng tám,  
Từ khi nàng xuất gia,  
Với lòng đầy tin tưởng,  
Sáng chói chân Diệu pháp,  
Up-pa-la-van-na,  
Huân luyện giảng dạy nàng,  
Nàng chứng được Ba minh,  
Vượt qua được thân chết.*

364. *Nàng tự mình giải thoát,  
Không còn có nợ nần.  
Là vị Tỷ-kheo-ni,  
Các căn được tu tập,  
Ly hệ mọi khổ ách,  
Việc cần làm làm xong,  
Đối với các lậu hoặc,  
Nàng đoạn diệt hoàn toàn.*

365. *Sakka đến với nàng,  
Cùng với chúng chư Thiên,  
Với thần thông diệu dụng,  
Chúng đánh lễ Subhà,  
Nàng chỉ là con gái,  
Con một người thợ vàng,  
Nhưng nay là **hội chủ**,  
Của mọi loài chúng sanh.*

Vào ngày thứ **tám**, khi nàng đã thọ giới, nàng chứng quả A-la-hán. Thế Tôn ngồi dưới một cành cây, nói lên bài kệ (362-364) để tán dương nàng và chỉ nàng cho các Tỷ-kheo biết. Câu kệ cuối cùng do các Tỷ-kheo thêm vào để tán dương **Sakka đã đến đánh lễ nàng**.

## 83 Vārana – Tiểu III, 198

### Vārana – Tiểu III, 198 (176)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, trong gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vārana.

Khi đến tuổi trưởng thành, vị ấy nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp trong một ngôi rừng, và với lòng tin, xuất gia.

Một ngày kia đi đến hầu hạ đức Phật, ngài chứng kiến một cuộc ẩu đả trong gia đình và có nhiều người bị giết. Hốt hoảng, bị dao động, ngài đi gấp đến Thế Tôn và tường thuật sự việc. Thế Tôn thấy sự tiến bộ trong tâm tư của ngài, nên nói lên bài kệ khích lệ ngài:

236. Ai ở đời, giữa người,  
Làm hại chúng sanh khác,  
Vị ấy tự hại mình,  
Đời này và đời sau.

237. Ai với **tâm từ bi**,  
**Thương tưởng mọi hữu tình**,  
Một người làm như vậy,  
Gặt phước đức thật nhiều.

238. *Hãy học tập khéo nói,  
Hãy hầu hạ Sa-môn,  
Sống một mình kín đáo,  
Với tâm tư tịnh chỉ.*

## 84 Vàsitthi – Tiểu III, 611

### Vàsitthi – Tiểu III, 611 (51)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng được sanh làm con một nhà quyền quý ở Vesàli. Khi nàng lớn, nàng được gả cho một người chồng tương xứng và nàng sống vui vẻ với người chồng.**

Khi có được đứa con, mới tập chạy, **nó chết đi** và nàng quá đau khổ vì đứa con chết. Khi các người bà con chữa bệnh cho chồng, **nàng bỏ trốn** và lang thang khắp đó đây cho đến khi nàng đến Mithilà.

**Tại đây, nàng thấy đức Phật đang đi trên đường, tự tại, tự chế, làm chủ các căn. Khi thấy bậc Đạo Sư và nhờ Phật lực nàng lấy lại được sự bình tĩnh.** Rồi bậc Đạo Sư thuyết pháp vắn tắt cho nàng, và nàng xin được xuất gia và bậc Đạo Sư chấp nhận. Làm tất cả các bốn phận của mình, nàng an trú vào **thiền quán**, và với sự cố gắng vượt bậc, với trí tuệ chín muồi, nàng chứng quả A-la-hán, với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng sung sướng nói lên niềm hân hoan của mình:

133. **Ta sáu muộn vì con,**

Khổ, tâm cuồng tưởng loạn,  
Lỗa thể, tóc rối ren,  
Đời sống vậy, ta sống.

134. Lang thang đường, đống rác,  
Nghĩa địa, đường xe đi,  
Ba năm ta đã sống,  
Kham khổ, chịu đói khát.

135. Rồi ta thấy Thiện Thệ,  
Đến thành Mi-thi-la,  
Điều ngự kẻ chưa điều,  
Bậc Giác Ngộ, vô úy.

136. Lấy lui tâm bình tĩnh,  
Ta đánh lễ đến gần.  
Thương ta, Gotama,  
Ngài thuyết pháp cho ta.

137. Nghe Ngài thuyết pháp xong,  
Ta xuất gia, không nhà,  
Tùy hành lời Đạo Sư,  
**Ta chứng đạo an ổn.**

138. Mọi sâu muộn chặt đứt,  
Đoạn tận, được chấm dứt,  
**Ta liễu tri nền gốc,**

*Từ đáy sâu muộn sanh.*

## 85 Vì lời phát nguyện trước các Đức Phật quá khứ - Kinh Tissa – Tiểu III, 105

**Tissa – Tiểu III, 105 (97)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại thành phố Roguva trong một gia đình vua chúa. Khi phụ vương mất, ngài tiếp nối sự nghiệp của **vua** cha.

Như một đồng minh với vua Bimbisàra, ngài gửi vua các tặng vật châu báu, ngọc và y áo. Vua gửi ngài **đời sống của đức Phật** vẽ trên tám tranh và **lý duyên khởi** được khắc trên một đĩa bằng vàng.

Khi ngài thấy vật này, vì lời phát nguyện trước các đức Phật quá khứ, vì nhân duyên **đời sống cuối cùng**, ngài suy tư định lý ấy, quán sát qua lại nhiều lần, học thuộc lòng nhiều lần, cho đến khi ngài cảm thấy dao động và đi đến kết luận: "*Nay ta đã được thấy hình dung của Thế Tôn cùng với quá trình giáo lý của Ngài. Các **đục** đầy những đau khổ, vậy ta sống đời sống gia đình làm gì?*"

Rồi ngài thoái vị, xuất gia, cầm bát bằng đất và với một số quần chúng đi theo và khóc than, như Hoàng tử Pukkusàti, ngài từ bỏ hoàng cung, đi đến Rajagaha (Vương Xá). Tại đây, ngài ở tại hang Sabhasondika

và yết kiến Thế Tôn. Nhờ Thế Tôn thuyết pháp, ngài chứng quả A-la-hán.

Nói đến kinh nghiệm bản thân, ngài nói lên bài kệ:

*97. Từ bỏ trăm bình bát,  
Bằng đồng, vàng quý giá,  
Ta cầm lấy bình bát,  
Làm bằng đất sét thường,  
Đây là lần thứ hai,  
Ta làm lễ quán đảnh.*

## 86 Vira – Tiểu III, 18

### Vira – Tiểu III, 18 (8)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình vị bộ trưởng vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), và được gọi là **Vira**.

Ngài rất giỏi về thể thao và võ nghệ, và trở thành một chiến sĩ. Sau khi lập gia đình với sự bằng lòng của mẹ cha, ngài có một đứa con trai. Thấy sự khổ lụy, tiếp tục tái sanh, ngài xuất gia và nhiệt tâm tinh cần, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi đã thành vị A-la-hán và sống thọ hưởng an lạc giải thoát, **vợ của ngài muốn cám dỗ** ngài trở về với gia đình bằng nhiều hình thức. Nhưng Tôn giả nói rằng: *"Người đàn bà này muốn cám dỗ ta, không khác gì người muốn xô ngã núi Sineru với cánh một con ruồi"*. Và ngài thuyết lên bài kệ này để nói rằng sự cám dỗ của vợ cũ của ngài thật là vô ích:

**8. Ai thật khó nhiếp phục,  
Nay đã được nhiếp phục,  
Vira tự thỏa mãn,  
Nghỉ ngơi được vượt qua,  
Thắng trận, không kinh hoàng,**

## ***Vừa trú tịch tịnh.***

Người đàn bà nghe ngài nói rất lấy làm xúc động và nghĩ rằng: "*Chồng ta đã thành đạt thù thắng như vậy. Vậy đời sống gia đình có gì là tốt đẹp cho ta*". Rồi đi đến tinh xá các Tỷ-kheo-ni xin được xuất gia và chúng được **ba minh**.

## 87 Ví dụ - Hãy sống riêng một mình, Như tê ngư một sùng - Kinh Con Tê Ngư Một Sùng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngư Một Sùng – *Tiểu I*, 471

35. Đối với các hữu tình,  
Từ bỏ gây và trượng,  
Chớ làm hại một ai,  
Trong chúng hữu tình ấy.  
Con trai không ước muốn,  
Còn nói gì bạn bè,  
*Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngư một sùng.*

36. **Do thân cận giao thiệp,**  
Thân ái từ đây sanh,  
Tùy thuận theo **thân ái,**  
Khổ này có thể sanh.  
Nhìn thấy những nguy hại,  
Do thân ái sanh khởi,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngư một sùng.

37. **Do lòng từ thương mến,**  
**Đối bạn bè thân hữu,**

**Mục đích bị bỏ quên,**

**Tâm tư bị buộc ràng,**

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

**Hãy sống riêng một mình,**

**Như tê ngu ru một sừng.**

39. **Như nai trong núi rừng,**

**Không gì bị trời buộc,**

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa **bạn bè** thân hữu,**

**Bị gọi lên gọi xuống,**

Tại chỗ ở trú xứ,  
Hay trên đường bộ hành.  
Thấy tự do giải thoát,  
Không có gì tham luyến,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,  
Ưa thích, vui cười đùa,  
Đối với con, với cháu,  
**Ái** luyến thật lớn thay,  
Nhàm chán sự hệ lụy,  
Với những người thân ái,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,  
Không sân hận với ai,  
Tự mình **biết vừa đủ**,  
Với vật này vật khác,  
Vững chịu các hiểm nguy,  
Không run sợ dao động,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

43. Có số người xuất gia,  
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,  
Ở tại các cửa nhà,  
Sống vô tư vô lự,  
Giữa con cháu người khác,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,  
Mọi biểu dương gia đình,  
Như loại cây san hô,  
Tước bỏ mọi lá cây,  
Bạc anh hùng cắt đứt,  
Mọi trói buộc gia đình.  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,  
Thận trọng và sáng suốt,  
Bạn đồng hành chung sống,  
Bạn thiện trú Hiền trí.  
Cùng nhau đồng nhiếp phục,  
Tất cả mọi hiểm nạn,  
Hãy sống với bạn ấy,  
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,  
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,  
Bạn thiện trú Hiền trí.  
Hãy như vua từ bỏ,  
Đất nước bị bại vong,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*  
*Các bằng hữu chu toàn,*  
Bác hơn ta, bằng ta,  
*Nên sống gần thân cận.*  
Nếu không gặp bạn này.  
Những bậc không làm lỗi,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*  
*Lấp lánh và sáng chói,*  
*Được con người thợ vàng,*  
*Khéo làm, khéo tay làm,*  
Hai chúng chạm vào nhau,  
Trên hai tay đeo chúng,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*  
*Với một người thứ hai,*

Tranh luận cãi vã nhau,  
Sân hận, gây hấn nhau,  
Nhìn thấy trong tương lai,  
Sợ hãi hiểm nguy này,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,  
Ngọt thơm và đẹp ý,  
Dưới hình sắc, phi sắc,  
Làm mê loạn tâm tư,  
Thấy sự nguy hiểm này,  
Trong các **dục trưởng dưỡng**,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,  
Và cũng là tai họa,  
Một tật bệnh, mũi tên,  
Là sợ hãi cho ta,  
Thấy sự nguy hiểm này,  
Trong các **dục trưởng dưỡng**,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,  
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.  
Muối lặn và rắn rết.  
Tất cả xúc chạm này,  
Đều chịu đựng vượt qua,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,  
Từ bỏ cả bầy đàn,  
Thân thể được sanh ra,  
To lớn tựa hoa sen,  
Tùy theo sự thích thú,  
Sống tại chỗ rừng núi,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,  
Sự kiện không xảy ra,  
Người ấy có thể chứng,  
Cảm thọ **thời giải thoát**.  
Cân nhắc lời giảng dạy,  
Đáng bà con mặt trời,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,  
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,  
Chứng đắc được con đường.  
Nơi ta trí được sanh,  
Không cần nhờ người khác,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,  
Không khát dục, gièm pha,  
Mọi si mê ác trược,  
Được gạn sạch, quạt sạch.  
Trong tất cả thế giới,  
Không tham ái ước vọng,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,  
Hãy từ bỏ lánh xa,  
Bạn không thấy mục đích,  
Quen nếp sống quanh co,  
Chớ tự mình thân cận,  
Kẻ đam mê phóng dật,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

58. Bạc nghe nhiều trì pháp,  
Hãy gần gũi người ấy,

*Bạn người tâm rộng lớn,  
Người thông minh biện tài,  
Biết điều không nên làm,  
Nhiếp phục được nghi hoặc,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,  
Và dục lạc ở đời,  
Không điểm trang bày biện,  
Không ước vọng mong cầu,  
Từ bỏ mọi hào nhoáng,  
Nói lên lời chân thật,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,  
Với cha và với mẹ,  
Tài sản cùng lúa gạo,  
Những trói buộc bà con,  
Hãy từ bỏ buộc ràng,  
Các dục vọng như vậy,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,  
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,  
Khổ đau lại nhiều hơn,  
Chúng đều là câu móc,  
Bạc trí biết như vậy,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,  
Các kiết sử trói buộc,*  
Như các loài thủy tộc,  
Phá hoại các mạng lưới.  
Như lửa đã cháy xong,  
Không còn trở lui lại,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,  
Chân đi không lưu luyến,  
Các căn được hộ trì,  
Tâm ý khéo chế ngự.*  
Không đầy ứ, rỉ chảy,  
Không cháy đỏ bừng lên,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,  
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,  
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,  
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,  
Không tác động, không tham,  
Không nhờ ai nuôi dưỡng,  
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,  
Tâm không bị trói buộc,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

*Che đậy trói buộc tâm,*

*Đối với mọi kiết sử,*

*Hãy trừ khử, dứt sạch,*

*Không y cứ nương tựa,*

*Chặt đứt ái sân hận,*

*Hãy sống riêng một mình,*

*Như tê ngưu một sừng.*

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,  
Cả đối với **hỷ ưu**,  
Được cảm thọ từ trước,  
Hãy chứng cho được xả,  
An chỉ và thanh tịnh,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,  
Đạt được **lý chân đế**,  
Tâm không còn thụ động,  
Không còn có biếng nhác,  
Kiên trì trong cố gắng,  
Đồng lực được sanh khởi,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,  
**Hạnh viễn ly** thiền định,  
Thường thường sống hành trì,  
Tùy pháp trong các pháp.  
Chơn chánh nhận thức rõ,  
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,  
Không đàn độn tâm ngong,  
*Nghe nhiều, giữ chánh niệm.*  
*Các pháp được giác sát,*  
Quyết định, chánh tinh cần.  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

71. Như *sư tử* không động,  
An tịnh giữa các tiếng,  
Như *gió* không vướng mắc,  
Khi thổi qua màn lưới.  
Như *hoa sen* không dính,  
Không bị nước thấm ướt,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

72. Giống như con sư tử,  
Vội quai hàm hùng mạnh,  
Bậc chúa của loài thú,  
*Sống chinh phục chế ngự.*  
Hãy sống các trú xứ,  
Nhàn tịnh và xa vắng,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

**Bi** tâm, hạnh giải thoát,  
Sống hành trì thực hiện,  
**Hỷ** tâm, cho đúng thời,  
Không chống đối va chạm,  
Vội một ai ở đời.  
Hãy sống riêng một mình,  
*Như tê ngu ru một sừng.*

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,  
**Sân** hận và **si** mê,  
Chặt đứt và cắt đoạn,  
Các kiết sử lớn nhỏ,  
Không có gì sợ hãi,  
Khi mạng sống gần chung,  
Hãy sống riêng một mình,  
*Như tê ngu ru một sừng.*

75. Có những bạn vì lợi,  
Thân cận và chung sống,  
Những bạn không mưu lợi,  
Nay khó tìm ở đời.  
Người sáng suốt lợi mình,  
Không phải người trong sạch,  
**Hãy sống riêng một mình,**  
*Như tê ngu ru một sừng.*

## 88 Ví dụ - Ta cũng cày và gieo - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484

Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng – *Tiểu I*, 484

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại núi Dakkhinàgini, trong một làng Bà-la-môn tên Ekanàlà. Lúc bảy giờ, Bà-la-môn Kasibhàradvāja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến chỗ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang làm việc. Lúc bảy giờ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên, Bà-la-môn Kasibhàradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên đề khát thực, liền nói với Thế Tôn:

- *Này Sa-môn, ta cày và ta gieo, sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo. Sau khi cày và gieo, hãy ăn!*

- *Này Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.*

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, hay cái cày, hay lưỡi cày, hay gậy thúc trâu bò, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama nói: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn".

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja nói lên với Thế Tôn bài kệ:

Bhàradvāja:

76. *Người tự nhận Người cày,  
Ta không thấy Người cày,  
Hãy trả lời chúng tôi,  
Đã hỏi về Người cày,  
Chúng tôi muốn rõ biết,  
Người cày như thế nào?*

Thế Tôn:

77. **Lòng tin** là **hột giống**,  
**Khổ hạnh** là **con mưa**,  
**Trí tuệ** đối với Ta  
Là **ách** và **lưỡi cày**,  
**Xấu hổ** là **cán cày**,  
**Ý** là **sợi dây buộc**,  
Và **niệm** đối với Ta  
Là **lưỡi cày, gậy thúc**.

78. Với **thân** khéo phòng hộ,

Với **lời** khéo phòng hộ,  
Với món **ăn** trong bụng,  
Biết **tiết độ**, chế ngự,  
**Ta tác thành chơn thực,**  
**Để cắt dọn cỏ rác,**  
**Sự giải thoát của Ta,**  
**Thật hiền lành nhu thuận.**

79. Với tình cần tình **tấn**,  
Ta gánh chịu trách nhiệm,  
Ta tự mình đem lại,  
An ổn khỏi khổ ách.  
Như vậy, Ta đi tới,  
Không trở ngại thối lui,  
Chỗ nào Ta đi tới,  
Chỗ ấy không sâu muộn.

80. **Cày bừa là như vậy,**  
**Được quả là **bất tử**,**  
**Sau cày bừa như vậy,**  
**Mọi **khổ** được giải thoát.**

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đồ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

- Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, **Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử!**

Thế Tôn:

81. Ta **không** hưởng vật dụng,  
Do tụng kệ đem lại,  
Đây không phải là pháp,  
Của bậc có chánh kiến,  
Chư Phật đều bác bỏ,  
Tụng hát các bài kệ,  
Khi pháp có hiện hữu,  
Truyền thống là như vậy.

82. Hỡi này Bà-la-môn,  
Người cần phải cúng dường,  
Đồ ăn, vật uống khác,  
**Bậc đại sĩ** toàn diện,  
Đã đoạn các lậu hoặc,  
Đã lắng dịu dao động,  
Ta chính là thừa ruộng,  
Cho những ai cầu phước.

- Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?

- Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai.

Vậy, này Bà-la-môn, Ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một người dừng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con xin qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp, qui y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja được xuất gia với Samôn Gotama, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, do vì mục đích gì, bậc thiên nam tử chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". ***Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán.***

## 89 Ví dụ Người có mắt đứng trên bờ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 448

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 448** (Cat. 10) (It. 113)

Này các Tỷ-kheo, ví như có người bị dòng sông cuốn trôi, dòng sông đẹp đẽ, dễ thương. Có người có mắt, đứng trên bờ thấy người ấy, nói rằng: *"Này người kia, tuy người bị cuốn trôi bởi dòng sông đẹp đẽ dễ thương nhưng ở dưới kia có một cái hồ, đầy sóng và nước xoáy, đầy cá sấu và quỷ Dạ-xoa, nếu Ông đến chỗ ấy, Ông sẽ bị chết, hay đau khổ gần như chết"*. Rồi người ấy, sau khi nghe tiếng của người kia, liền với tay và với chân, **bơi ngược dòng**.

Này các Tỷ-kheo, Ta ví dụ này là để giải thích ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa là như sau:

- **Dòng sông**, là đồng nghĩa với **ái**.
- **Sắc khả ái** dễ thương, là đồng nghĩa với **sáu nội xứ**.
- **Cái hồ** ở dưới, là đồng nghĩa với **năm hạ phần kiết sử**.
- **Sóng**, là đồng nghĩa với **phân nộ, ưu não**.

- Nước xoáy, là đồng nghĩa với *năm dục tăng trưởng*.
- Cá sấu, với quỷ Dạ-xoa, là đồng nghĩa với *đàn bà*.
- Ngược dòng, là đồng nghĩa *xuất ly*.
- Tinh tấn với tay với chân, là đồng nghĩa với *tinh cần tinh tấn*.
- Người có mắt đứng trên bờ, là *Như Lai, bậc A-la-hán*, Chánh Đẳng Giác.

*Cùng với sự đau khổ,  
 Hãy từ bỏ các dục,  
 Mong cầu trong tương lai,  
 An ổn khỏi khó ách,  
 Chơn chánh hiểu biết rõ,  
 Tâm khéo được giải thoát,  
 Tại đây, ở tại đây,  
 Cảm xúc được giải thoát,  
 Vị ấy đạt hiểu biết,  
 Phạm hạnh được thành tựu,  
 Đến tận cùng thế giới,  
 Đến được bờ bên kia.  
 Vị ấy được gọi vậy.*

## 90 Ví dụ con bò bị ngã - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56

Ramaniya Vihàrim – *Tiểu III*, 56 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống **tuổi trẻ trác táng**.

Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dân, **ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia**.

Là Tỷ-kheo, ngài **vẫn còn những ái dục về thân**, ngài sắp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là Ramaniyavihàrim (người sống trong lạc dục).

Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy **không** xứng đáng để nhận đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành **lang thang đó đây**.

Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một **con bò** vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cởi dây cho con bò, cho nó rơm và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài **suy nghĩ: "Con**

*bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh nặng của mình. Vậy ta phải tinh tấn, sau khi rơi vào rừng nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bốn phận của người tu hành".*

Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão Upàli và được Upàli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

*45. Như con thú hiền thiện,  
Giống tốt, huấn luyện khéo,  
Sau khi đã vấp ngã,  
Lại đứng lên, an trú,  
Ta đầy đủ chánh kiến,  
Đệ tử bậc Chánh giác.*

## 91 Ví dụ người mù sờ voi - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 238

**Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 238** (Ud 66)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ một số đông các ngoại đạo sai khác. Các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sàvatthi để khát thực. Họ có quan điểm khác nhau, có kham nhẫn khác nhau, có sở thích khác nhau, y cứ nương tựa vào quan điểm khác nhau.

- Một số Sa-môn, Bà-la-môn, luận thuyết như sau: "Thế giới là thường còn, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là có biên tế, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".

- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là một, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là khác, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".

→ Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: "Như thế này là pháp. Như thế này là pháp. Như thế này không phải pháp. Như thế này không phải pháp".

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Sàvatthi, để khát thực, Khất thực ở Sàvatthi xong sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, một số đông ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sàvatthi để khát thực..."... như thế này không phải pháp, như thế này là pháp".

- Đây các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo **là những người mù, không có mắt**, không biết mục đích, không biết phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi:" Như thế này là pháp...Như thế này không phải pháp".

*Này các Tỷ-kheo, thưở xưa tại thành Sàvatthi này, có một ông vua. Này các Tỷ-kheo, ông vua ấy bảo một người:*

- "Này người kia, phàm có bao nhiêu **những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi** hãy nhóm lại một chỗ tất cả "

- "Thưa vâng, Đại vương". Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi, người ấy giữ lại tất cả, rồi đi đến ông vua ấy, sau khi đến thưa với vị vua: "Thưa Đại vương, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi đã được tụ tập lại".

- Này khanh, **hãy đưa ra một con voi cho những người mù.**

- Thưa vâng, Đại vương.

Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, đưa ra một con voi cho những người mù: "Này các người mù, đây là con voi".

Với một số người mù, ông ta đưa cái đầu và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lỗ tai con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa các ngà con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái vòi con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái thân con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái chân...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lưng...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái đuôi...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lông đuôi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Này các Tỷ-kheo, rồi người ấy sau khi đưa con voi cho các người mù, đi đến ông vua ấy, sau khi đến tâu với vua: "Thưa Đại vương, con voi đã được các người mù thấy, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời!"

Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua đi đến các người mù ấy, sau khi đến nói với họ:

- "*Này các người mù, các ông đã thấy con voi chưa?*"

- "Thưa Đại vương, chúng tôi đã thấy con voi".

- "*Này các người mù, hãy nói con voi là như thế nào?*"

- Này các Tỷ-kheo, những ai thấy **đầu** con voi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái **ghè**!"

- Những ai được thấy cái **tai** con voi... như cái **rổ sàng gạo**."

- Những ai được thấy cái **ngà** con voi... như cái lưỡi cây."
- Những ai được thấy cái **vòi**... như cái cày".
- Những ai được thấy cái **thân**... như cái kho chứa."
- Những ai được thấy cái **chân**... như cái cột."
- Những ai được thấy cái **lưng**... như cái cối."
- Những ai được thấy cái **đuôi**... như cái chày".
- Những ai được thấy cái **nhóm lông đuôi** con voi, chúng nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái chổi"
- "Con voi các ông nói như vậy không phải là con voi. Con voi không phải như vậy. Con voi không phải vậy. Như thế này là con voi". Cho đến khi họ đánh lộn nhau bằng tay. Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua ấy hoan hỷ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, *các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi:* "Như thế này là pháp...Như thế này không phải pháp".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng***:

4. *Có một số Sa-môn,  
Cùng với Bà-la-môn,  
Họ chấp trước, giành giật,  
Trong các luận thuyết này,  
Họ tranh luận tranh chấp,  
**Họ nhìn chỉ một phía.***

## 92 Ví dụ que lửa cháy đổ hai đầu, ở giữa lại dính phân - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 419

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 419** (Tik. V, 2) (It. 89)

Này các Tỷ-kheo, nghĩa này là **nghề tận cùng trong các nghề nuôi sống, tức là đi bát khất thực**. Này các Tỷ-kheo, danh từ nhiếc mắng ở trong đời là nói rằng: "Ông là kẻ đi bát, với bát cầm tay, ông đi khắp mọi nơi". Tuy vậy chính nghề nuôi sống này được các thiện gia nam tử chấp nhận, những người sống vì lý tưởng, vì duyên sống với lý tưởng, không bị thúc đẩy làm nghề ấy vì sợ vua, vì sợ ăn trộm, vì mắc nợ, vì sợ hãi, không phải vì mất nghề nuôi sống; **nhưng vì nghĩ rằng**: "Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị khổ tràn đầy, bị khổ chinh phục. Rất có thể, một số phương pháp chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này có thể trình bày".

Này các Tỷ-kheo, thiện nam tử này xuất gia như vậy, **tham** ái trong các dục, với lòng tham sắc xảo, với tâm **sân** hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại.

Này các Tỷ-kheo, như một que lửa lấy từ chỗ thiêu xác, cả hai đầu đều cháy đỏ, ở giữa lại lấm phân, không hoàn thành được mục đích làm que củi ở trong làng hay ở trong rừng. Này các Tỷ-kheo, **Ta nói người này như ví dụ như vậy, dầu cho bỏ tài sản gia đình nhưng không làm viên mãn mục đích Sa-môn hạnh.**

Tài sản ở gia đình,  
Được đoạn tận từ bỏ,  
Nhưng khó dự phần được,  
Mục đích Sa-môn hạnh,  
Tự đưa đến tổn hại,  
Và đưa đến tán loạn,  
Giống que lửa thiêu xác,  
Đi đến chỗ hoại vong.  
Tốt hơn nuốt hòn sắt,  
Chảy đỏ, một cục lửa,  
Nếu kẻ hành ác giới,  
Ăn đồ ăn quốc độ,  
Không biết có chế ngự.

## 93 Vòng luân hồi sanh tử - Kinh Sisupacàlà – Tiểu III, 633

### Sisupacàlà – Tiểu III, 633 (61)

Câu chuyện giống như hai câu chuyện trước. Nàng theo gương người anh, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Hưởng thọ sự an lạc, nàng suy tư đến quả chứng, đã làm những điều cần làm và nói lên sự sung sướng của nàng:

196. *Tỷ-kheo-ni giữ giới,  
Khéo hộ trì các căn,  
Đạt được đạo an tịnh,  
Nước cam lồ thuần tịnh.*

Ác ma:

197. *Chư Thiên cõi Ba mươi,  
Dạ-ma và Đâu-suất,  
Chư Thiên trời Hóa Lạc,  
Chư Thiên cõi Tự Tại.  
Hãy hướng tâm chỗ ấy,  
Chỗ xưa kia nàng sống.*

Khi Trưởng lão ni nghe vậy, liền nói: "**Hãy dừng lại, Ác ma! Dục giới mà ngươi nói đến, cho đến cả thế giới vũ trụ đều bị lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cháy. Tại chỗ ấy, người có trí không ưa thích**". Nêu rõ cho Ác ma thấy tâm của mình đã xa lìa Ma giới, nàng trách mắng Ác ma như sau:

198. *Chư Thiên cõi Ba mươi,  
Dạ-ma và Đâu-suất,  
Chư Thiên trời Hóa Lạc,  
Chư Thiên cõi Tự Tại.*

199. *Thời này đến thời khác,  
Hữu này đến hữu khác,  
**Chúng đều bị thân kiến,**  
**Lãnh đạo và chi phối,**  
*Chúng không vượt thân kiến,  
Luân chuyển vòng sanh tử.**

200. *Toàn thế giới bốc cháy,  
Toàn thế giới đồng cháy,  
Toàn thế giới bùng cháy,  
Toàn thế giới rung động.*

201. *Phật thuyết pháp cho ta,  
**Pháp bất động** vô tỷ,  
Được bậc không phạm phu,*

*Phục vụ và nhiệt hành,  
Chỗ ấy, tâm ý ta,  
Hân hoan và ưa thích.*

*202. Ta nghe lời vị ấy,  
Sống vui trong giáo pháp,  
**Ba minh** đã đạt được,  
Lời Phật dạy làm xong.*

*203. Mọi chỗ, hỷ diệt đoạn,  
Khởi si ám tan tàn,  
Hãy biết vậy, Ác ma!  
Người bị bại, Ma Vương.*

## 94 Vòng sanh tử đoạn nhờ rõ biết năm uẩn - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98

### Sàmidatta – Tiểu III, 98 (90)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn, được đặt tên là Sàmidatta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật, và đi đến tinh xá với những cư sĩ để nghe bậc Thế Tôn thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Nhưng vì **thiếu kinh nghiệm trong một thời gian, ngài không có nhiệt tâm tu tập**, cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng thực quả A-la-hán.

Về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "Làm sao Hiền giả chứng được pháp Thượng nhân?" Và ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ như sau:

*90. Năm uẩn được rõ biết,  
Tồn tại sẽ cắt đứt,  
Vòng sanh tử đoạn tận,  
Nay không còn tái sanh.*



## 95 Vòng sanh tử đoạn tận, Nay không còn tái sanh - Kinh Jentì hay Jentà – Tiểu III, 555

Jentì hay Jentà – *Tiểu III*, 555 (20)

Câu chuyện về đời sống quá khứ, về hiện tại của nàng giống như câu chuyện của Nandà đẹp. Nhưng nàng sanh ở Vesàli, tại một gia đình hoàng tộc Licchavi. Nàng chứng quả A-la-hán khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp.

Và khi suy nghĩ đến sự biến đổi, trên tự thân, nàng sung sướng nói lên bài kệ này:

21. Chính **Bảy giác chi** này,  
*Là đường đạt Niết-bàn,*  
Tất cả, ta tu tập,  
*Như lời đức Phật dạy.*

22. *Ta thấy được Thế Tôn,*  
*Đây thân tụ cuối cùng,*  
*Vòng sanh tử đoạn tận,*  
*Nay không còn tái sanh.*

## 96 Vô Thượng Sư - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510

**Kinh Hemavata – Tiểu I, 510** (Sn 27)

Sàtàgira:

153. *Nay đứng vào ngày rằm,  
Ngày trai giới, bố-tát,  
Nói vậy là dạ-xoa,  
Tên Sàtàgira,  
Đêm đã được an trú,  
Đêm đẹp như cỏi trời,  
Hãy gặp Gotama,  
Bậc Đạo Sư vô thượng.*

Hemavata:

154. *Có phải ý vị ấy,  
Tâm nguyện thật khéo phát?  
Nói vậy là dạ-xoa,  
Tên Hemavata,  
Có phải đối sanh loại,  
Có tâm tư như vậy?  
Có phải các tư duy,  
Được khéo léo điều phục  
Đối với các pháp khả ái,  
Và pháp không khả ái?*

Sàtàngira:

155. Ý *vị ấy là vậy,*  
*Tâm nguyện thật khéo phát,*  
Nói vậy là dạ-xoa,  
Tên Sàtàngira,  
Đối với mọi sanh loại,  
Có tâm tư như vậy,  
Như vậy là **tư duy,**  
*Được khéo léo điều phục.*

Hemavata:

156. Có phải là vị ấy,  
**Không lấy vật không cho?**  
Nói vậy là dạ-xoa,  
Tên Hemavata,  
**Có phải với hữu tình,**  
**Vị ấy khéo chế ngự?**  
**Có phải với phóng dật,**  
**Vị ấy khéo viễn ly?**  
**Có phải đối thiên đình,**  
**Vị ấy không từ bỏ?**

Sàtàngira:

157. *Vị ấy không có lấy,*  
*Những vật không được cho,*  
Nói vậy là dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,  
Vị ấy với hữu tình,  
Rất **khéo léo chế ngự**,  
Vị ấy với phóng dật,  
Thật sự **sống viễn ly**,  
Đức Phật đối thiền định,  
**Không từ bỏ**, sao lãng.

Hemavata:

158. Có phải là vị ấy,  
**Không nói lời nói láo?**  
Nói vậy là Dạ-xoa,  
Tên Hemavata,  
Có phải là vị ấy,  
**Đoạn tận các trách nhiệm?**  
Có phải là vị ấy,  
**Không nói lời vu khống?**  
Có phải là vị ấy,  
**Không nói lời phù phiếm?**

Sàtàgira:

159. Và thật sự vị ấy,  
Không nói lời nói láo,  
Nói vậy là Dạ-xoa,  
Tên Sàtàgira,  
**Đoạn tận đường ác ngữ,**  
**Không nói lời vu khống,**

*Vị ấy nói những lời,  
Sáng suốt, có nghĩa lý.*

Hemavata:

160. Có phải đối các dục,

Vị ấy không tham ái?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải tâm vị ấy,

Không có bị dao động?

Có phải tâm vị ấy,

Vượt khỏi sự si ám?

Có phải thật vị ấy,

Có mắt đối các pháp?

Sàtàgira:

161. Vị ấy không tham ái,

Đối với các dục vọng,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,

Tâm không có dao động,

Vượt khỏi mọi si ám,

Đức Phật thật có mắt,

Đối với tất cả pháp.

Hemavata:

162. Có phải là vị ấy,

*Đầy đủ về các mình?*

*Đây là lời Dạ-xoa,*

*Tên Hemavata,*

*Có phải là vị ấy,*

*Sở hành thật thanh tịnh?*

*Có phải là vị ấy,*

*Các lậu hoặc đoạn tận?*

*Có phải là vị ấy,*

*Không còn có tái sanh?*

Sàtàgira:

163. *Sự thật là vị ấy,*

*Đầy đủ với các mình,*

*Đây là lời Dạ-xoa,*

*Tên Sàtàgira*

*Sở hành thật thanh tịnh,*

*Mọi lậu hoặc đoạn tận,*

*Thật sự đối vị ấy,*

***Không còn có tái sanh.***

Hemavata:

163. (a) *Có phải vị ẩn sĩ,*

*Với tâm được viên mãn,*

*Mọi việc làm vị ấy,*

*Được làm khéo hoàn mãn,*

*Có phải người tán thán,*

*Một cách đúng Chánh pháp,*

*Vị đầy đủ trí đức,  
Đầy đủ cả hạnh đức?*

Sàtàgira:

163. (b) *Thật sự vị ẩn sĩ,  
Vói tâm được viên mãn,  
Mọi việc làm vị ấy,  
Được làm khéo hoàn mãn.  
Thật sự Ông tùy hỉ,  
Một cách đúng Chánh pháp,  
Vị đầy đủ trí đức,  
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Cả hai:

164. *Thật sự vị ẩn sĩ,  
Vói tâm được viên mãn,  
Mọi việc làm vị ấy  
Được làm khéo hoàn mãn.  
Chúng ta hãy yết kiến,  
Tôn giả Gotama,  
Vị đầy đủ trí đức,  
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Hemavata:

165. *Bắp chân giống như nai,  
Thon vững chắc, bền bỉ,  
Giản dị ít nhu cầu,*

*Không tham đắm vật gì.  
Hãy đi đến yết kiến  
Ấn sĩ Gotama,  
Vị hành trì thiền định,  
Trong rừng núi xa vắng.*

*166. Sống cô độc một mình,  
Như sư tử, như voi,  
Ngài không có tham đắm,  
Không cầu mong các dục.  
Chúng ta hãy đi đến,  
Và hỏi thăm vị ấy,  
Về con đường giải thoát,  
Khỏi cạm bẫy Ác ma.*

Cả hai:

*167. Vị tuyên bố giải thích,  
Vị đạt đến mọi pháp,  
Bậc giác ngộ vượt khỏi,  
Hận thù và sợ hãi,  
Chúng ta hãy đến học,  
Sa-môn Gotama.*

**Hemavata:**

*168. Do pháp nào có mặt,  
Thế giới được sanh khởi?  
Nói vậy là dạy-xoa,*

Tên Hemavata.

Do pháp nào có mặt,

**Tác thành sự giao hợp?**

Sự chấp thủ ở đời,

**Là chấp thủ cái gì?**

Do pháp nào có mặt,

**Thế giới bị tàn hại?**

**Thế Tôn:**

169. Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới được sanh khởi,

Này Hemavata,

Thế Tôn nói như vậy.

Do **sáu pháp** có mặt,

Tác thành sự giao hợp,

Sự chấp thủ ở đời,

**Là chấp thủ sáu pháp,**

Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới bị tàn hại.

Hemavata:

170. Do chấp thủ cái gì,

**Đây thế giới bị hại?**

Được hỏi, hãy nói lên,

Về con đường thoát đời.

**Làm thế nào đau khổ,**

**Được giải thoát hoàn toàn?**

Thế Tôn:

171. Đây, ***năm dục trưởng dưỡng,***  
***Ý*** được gọi thứ sáu,  
***Bỏ ước muốn ở đây,***  
***Như vậy, thoát đau khổ.***

172. Đây, con đường thoát đời.  
Như thật nói Ông rõ,  
Đường này Ta nói Ông,  
Như vậy, thoát đau khổ.

Hemavata:

173. Đây, ai vượt bực lưu?  
Đây, ai vượt biển lớn?  
Không chân đứng bám víu,  
Ai không chìm vực sâu?

Thế Tôn:

174. Ai luôn luôn đủ ***giới,***  
Có ***tuệ,*** khéo thiền ***định,***  
***Tâm hướng nội, chánh niệm,***  
***Vượt bực lưu khó vượt.***

175. ***Ai từ bỏ dục tướng,***  
***Vượt khỏi mọi kiết sử,***  
***Ai, hỷ, hữu đoạn tận,***

*Không chìm vào vực sâu.*

Hemavata:

176. Vị trí tuệ thâm sâu,  
Thấy được đích tế nhị,  
Vị không có sở hữu,  
Không tham đắm dục hữu.  
Hãy yết kiến vị ấy,  
Vị luôn luôn giải thoát,  
**Bậc đại sĩ** tiến bước,  
Trên con đường Thiên đạo.

177. Bậc danh xưng vô thượng,  
Bậc thấy đích tế nhị,  
Bậc ban bố trí tuệ,  
Không tham đắm dục tạng.  
Hãy yết kiến vị ấy,  
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,  
Bậc Đại sĩ tiến bước,  
Trên con đường Thánh đạo.

178. Hôm nay thật chúng con,  
Được thấy điềm tốt lành,  
Được hào quang chói sáng,  
Của bình minh tốt lành.  
Vì chúng con được thấy,  
**Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,**

**Bậc đã vượt bậc lưu,  
Bậc đã đoạn lậu hoặc.**

179. Ngàn vị dạ-xoa này,  
Có thần lực danh xưng,  
Tất cả xin đi đến,  
Y tựa quy ngưỡng Ngài,  
**Ngài là bậc Đạo Sư,  
Vô thượng của chúng con.**

180. Chúng con sẽ bộ hành,  
Làng này qua làng khác,  
Thành này qua thành khác,  
Đảnh lễ bậc Chánh giác,  
Đảnh lễ **thiện pháp tánh,**  
**Của Chánh pháp vi diệu.**

## 97 Vô học Giới uẩn, Vô học Định uẩn... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 363

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 363** (Tik. I, 10) (It. 50).

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác ma, và chói sáng như mặt trời. Thế nào là ba?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn.***

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác-ma, và chói sáng như mặt trời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Giới, định và trí tuệ,  
Với ai khéo tu tập,  
Vị ấy vượt qua khỏi,  
Thế lực của Ác ma,*

*Và chói sáng rực sáng,  
Như mặt trời chói sáng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

## 98 Vô lễ - Không được công nhận là đệ tử của Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 447** (Cat. 9)  
It. 112)

Này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo nào lừa đảo, ngoan cố, lấm mồm**, lấm miệng, buông thả, hỗn hào, vô lễ, không định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo ấy không phải đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy roi khỏi Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào **không** lừa đảo, không lấm mồm, lấm miệng, nghiêm trang, không ngoan cố, khéo định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo ấy là đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không rời khỏi Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

**Lừa đảo và ngoan cố,  
Lấm mồm và buông thả,  
Hỗn hào, không định tĩnh,  
Những hạng người như vậy,**

*Không lớn mạnh trong Pháp,  
Được bậc Chánh giác giảng.*

*Không lừa đảo lắm mồm,  
Nghiêm trang và bình tĩnh,  
Không ngoan cố, khéo định,  
Họ lớn mạnh trong Pháp,  
Được bậc Chánh giác giảng.*

## 99 Vô minh - Bị bao phủ bởi Vô minh triền cái - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 302** (Ek II, 4) (It. 7)

Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một triền cái nào khác, do bị bao trùm bởi triền cái ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, lưu chuyển. Này các Tỷ-kheo, tức là **Vô minh triền cái**.*

*Này các Tỷ-kheo, bị bao trùm bởi Vô minh triền cái, chúng sanh trong một thời gian dài chạy dài, lưu chuyển.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Không có một pháp khác,  
Quần sanh bị bao phủ,  
Ngày đêm chạy lưu chuyển,  
Như bao phủ bởi **si**.*

*Và ai đoạn diệt si,  
Đâm thủng khối u ám,*

*Họ không lưu chuyển nữa,*

## 100 Vô minh - Trong hàng cầu uế ấy, Vô minh, như tối thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Cầu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,  
Diêm sứ đang chờ Người,  
Người đứng trước cửa chết,  
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo,**  
Tinh cần gấp, sáng suốt.  
Trừ cầu uế, thanh tịnh,  
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,  
Tiền gần đến Diêm Vương.  
Giữa đường không nơi nghỉ,  
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,  
Tinh cần gấp, sáng suốt,  
Trừ cầu uế, thanh tịnh,  
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**  
**Tùng sát na trừ dần.**

**Như thợ vàng lọc bụi**  
**Trừ cầu uế nơi mình.**

240. Như sét từ sắt sanh,  
Sắt sanh lại ăn sắt,  
Cũng vậy, quá lợi dưỡng  
Tự nghiệp dẫn cỏi ác.

241. **Không tụng** làm nhóp kinh,  
**Không đứng dậy**, bản nhà,  
**Biếng nhác** làm nhơ sắc,  
**Phóng dật** uế người canh.

242. **Tà hạnh** nhơ đàn bà,  
**Xan tham** nhóp kẻ thí,  
**Ác pháp** là vết nhơ,  
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,  
**Vô minh**, nhơ tối thượng,  
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,  
Thành bậc không uế nhiễm.

244. **Đễ thay, sống không hô,**  
**Sống lỗ mẫn như quạ,**

Sống công kích huênh hoang,  
Sống liêu lĩnh, nhiệm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,  
Thường thường cầu thanh tịnh,  
Sống vô tư, khiêm tốn,  
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,  
Nói láo không chân thật,  
Ở đời lấy không cho,  
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,  
Người sống đam mê vậy,  
Chính ngay tại đời này,  
**Tự đào bới gốc mình.**

248. Vậy người, hãy nên biết,  
**Không chế ngự là ác,**  
Chớ để tham phi pháp,  
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm  
Loài người mới bố thí.  
Ở đây ai bất mãn  
Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,  
Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,  
Tận gốc nhỏ tâm ấy.  
Người ấy ngày hoặc đêm,  
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,  
**Chấp** nào bằng **sân hận**,  
**Lưới** nào bằng lưới **si**,  
**Sông** nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,  
Lỗi mình thấy mới khó,  
Lỗi người ta phanh tùm,  
Như sàng trấu trong gạo,  
Còn lỗi mình, che đậy,  
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,  
**Thường** sanh lòng **chỉ trích**,  
**Người** ấy **lậu hoặc tăng**,  
**Rất xa lậu hoặc diệt**.

254. Hư không, không dấu chân,  
Ngoài đây, không Sa môn,

Chúng sanh thích hý luận,  
Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,  
Ngoài đây, không Sa môn.  
Các hành không thường trú,  
Chư Phật không giao động.

## 101 Vô minh - Trí giải thoát để phá hoại vô minh là gì\_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – *Tiểu I*, 806

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:

*Con đến với câu hỏi,*

*Về tất cả mọi pháp,*

*Để hỏi bậc tu thiền,*

*Bậc an tọa không bụi,*

*Trách nhiệm đã làm xong,*

*Bậc không có lậu hoặc,*

*Đã đạt bờ bên kia,*

**Hãy nói trí giải thoát**

**Để phá hoại vô minh.**

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

*Hỡi này U-đa-ya,*

***Đoạn ước muốn, dục vọng,***

***Và cả hai loại ưu,***

***Và trừ bỏ hôn trầm,***

***Ngăn chặn mọi hối hận.***

1107. Ta nói trí giải thoát,  
Để phá hoại vô minh,  
**Thanh tịnh nhờ xả niệm**,  
**Suy tư pháp đi trước.**

Udaya:

1108. Đòi cái gì trói buộc,  
Cái gì, đòi vận hành?  
Do đoạn được cái gì,  
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trói buộc,  
**Suy tâm** là sở hành,  
Do **đoạn được khát ái**,  
Được gọi là **Niết-bàn**.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,  
**Thức** được diệt thế nào?  
Con đến hỏi Thế Tôn,  
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ**,  
**Với nội và ngoại **thọ****,

*Sở hành chánh niệm vậy,  
**Thức** đạt được hoại diệt.*

## 102 Vô minh - Vô minh tác thành các sanh y - Kinh Câu hỏi của thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I, 783

Câu hỏi của thanh niên 4 – Mettagu – *Tiểu I*, 783

***Mettagu:***

1049. *Tôn giả Mêt-ta-gu:*

*Con xin hỏi Thế Tôn,  
Mong Thế Tôn trả lời,*

*Vấn đề con đã hỏi,  
Con nghĩ Ngài hiền trí,*

*Tự ngã đã tu tập,*

*Từ đâu ở trong đời,*

*Đau khổ này khởi lên,*

*Với nhiều loại như vậy?*

Thế Tôn:

1050. *Thế Tôn trả lời rằng:*

*Hỡi này Mêt-ta-gu,*

*Ông hỏi ta vấn đề,*

*Sanh khởi của khổ đau,*

*Ta sẽ nói cho Ông,*

*Như Ta đã được biết,*

*Chính do duyên **sanh** y,*

*Nên khổ được khởi lên,*

Với nhiều loại như vậy,  
Khác biệt ở trong đời.

1051. *Những ai vì vô minh,  
Tác thành các sanh y,  
Kẻ ngu tạo đau khổ,  
Tiếp tục được sanh khởi.  
Do vậy kẻ hiểu biết,  
Không nên tạo sanh y,  
Vì thấy sự sanh khởi,  
Của sanh và đau khổ.*

**Mettaḡu:**

1052. *Điều chúng con đã hỏi,  
Ngài đã đáp chúng rồi,  
Nay xin hỏi câu khác,  
Mong Ngài giải đáp cho,  
Thế nào bậc Hiền trí,  
Vượt khỏi dòng nước mạnh,  
Vượt khỏi sanh và già,  
Cùng sầu muộn than khóc?  
Mong rằng bậc ẩn sĩ,  
Hãy khéo trả lời con,  
Đúng như Ngài đã biết,  
Pháp nhĩ là như vậy?*

Thế Tôn:

1053. Thế Tôn trả lời rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Ta sẽ nói cho Ông,

**Pháp thiết thực hiện tại,**

**Không do trao truyền lại,**

Sau khi biết pháp ấy,

Vị ấy sống chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

**Mettaḡu:**

1054. Thừa bậc Đại ẩn sĩ,

Con hết sức hoan hỷ,

Chánh pháp vô thượng ấy,

Sau khi biết pháp ấy,

Sống gìn giữ chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1055. Thế Tôn đáp lại rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

**Phàm Ông rõ biết gì,**

**Trên, dưới, ngang, ở giữa,**

**Hãy từ bỏ hoan hỷ,**

**Hãy từ bỏ trú xứ,**

**Chớ để cho ý thức,**

**An trú trên sanh hữu.**

1056. *An trú vậy, chánh niệm,  
Tỷ-kheo không phóng dật,  
Sau khi bỏ sở hành,  
Đưa đến ngã, sở hữu.  
Đối với sanh và già,  
Sầu muộn và than khóc,  
Ở đây, biết được vậy,  
Hãy từ bỏ đau khổ.*

**Mettaḡu:**

1057. *Con cảm thấy hoan hỷ,  
Lời nói bậc Đại sĩ;  
Đoạn tận được sanh y,  
Được Ngài khéo tuyên thuyết.  
Chắc chắn đức Thế Tôn,  
Đã đoạn tận đau khổ,  
Vì pháp này được Ngài,  
Rõ biết là như vậy.*

1058. *Những vị ấy hãy đoạn,  
Hãy từ bỏ đau khổ,  
Những người ấy được Ngài,  
Thường thường dạy, giáo hóa.  
Con xin đánh lễ Ngài,  
Hãy đến, bậc Long tượng,  
Mong Thế Tôn thường hằng,  
Giáo hóa dạy dỗ con.*

Thế Tôn:

1059. Vị Bà-la-môn nào,  
*Được thắng tri, có trí,*  
*Không có sở hữu gì,*  
*Không ái luyến đục hữu,*  
*Chắc chắn vị như vậy,*  
*Vượt qua bực lưu này,*  
*Đã đến được bờ kia,*  
*Không cứng cõi, không nghi.*

1060. Người ấy sau khi biết,  
*Thông suốt được Thánh điển,*  
*Không dính ái triền này,*  
*Về hữu và phi hữu,*  
*Vị ấy ly tham ái,*  
*Không phiền lụy, không cầu,*  
*Ta nói rằng vị ấy,*  
*Đã vượt khỏi sanh già.*

## 103 Vô minh - Vô minh đi trước, làm cho... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 339

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 339** (Duk.  
II, 3) (It. 34)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, **vô minh** đi trước, làm cho đạt được các pháp bất thiện, tiếp theo là không xấu hổ, không sợ hãi.*
- *Này các Tỷ-kheo, **minh** đi trước, làm cho đạt được các pháp thiện, tiếp theo là xấu hổ và sợ hãi.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Phàm có ác thú gì,  
Đời này và đời sau,  
Tất cả do **vô minh**,  
Làm gốc, làm cội rễ,  
**Dục tham** được cất chứa,  
Vì rằng kẻ ác dục,  
Không xấu hổ, không kính,*

*Từ đó nó khởi ác,  
Do vậy đi đọa xứ.*

*Vậy hãy nên từ bỏ,  
Dục tham và vô minh,  
Muốn **minh** được sanh khởi,  
Tỷ-kheo cần từ bỏ  
Tất cả mọi ác thú.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

## 104 Vô ngã - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 176* (Ud 34)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà Lúc bấy giờ Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi **Tôn giả Meghiya** đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khát thực.

- Nay Meghiya, hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, khi khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàkà, sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy Tôn giả Meghiya suy nghĩ: *"Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì"*. Rồi Tôn giả Meghiya đi

đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở Jantu xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà, sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay là rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần". Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi, này Meghiya. **Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến!**

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi này Meghiya! Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến.

Lần thưa ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi để rừng xoài này để tinh cần tu hành.

- **Này Meghiya, khi Thầy nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!**

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, **phần lớn ba tâm ác, không thiện, hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.**

Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hi hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm". Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay... hại tâm".

- **Này Meghiya, khi tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến sự thuần thực.**

Thế nào là năm?

- Ở đây thiện bạn hữu, **thiện thân hữu** là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, phàm có những **câu chuyện nào nghiêm túc**, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định,

câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát trí kiến. Những câu chuyện như vậy có thể được không có khó khăn, có thể được không có mệt nhọc, có thể được không có phí sức. Đây là giải pháp thứ ba, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, **tinh tấn**, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo **có trí tuệ**, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với **Thánh thể nhập** đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là pháp thứ năm. Này Meghiya, khiến tâm thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Này Meghiya, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- ➔ Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi

chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp.

- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự... tu tập trong các học pháp, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có thể có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân bằng hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí đi đến thăm sát sanh diệt với thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, **bốn pháp** cần phải tu tập thêm:

- **Bất tịnh** cần phải tu tập để đoạn tận **tham**;
- **Tù** cần phải tu tập để đoạn tận **sân**;
- **Niệm hơi thở** vô hơi thở ra cần phải tu tập để trừ khử **tâm tư**;
- **Vô thường tưởng** cần phải tu tập để **nhỏ lên kiêu mạn**, tôi là.

Này Meghiya,

- Với ai có **tưởng vô thường**, thời **tưởng vô ngã** được an trú.
- Với ai có tưởng vô ngã, vị ấy đạt được sự **nhỏ lên kiêu mạn**: tôi là, Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*1. Các tâm nhỏ tế nhị,  
Hiện hành ý hoan hỷ,  
Do không biết đến chúng,  
Tâm động chạy nhiều đời.  
Nếu biết chúng **tâm tư**,  
**Nhiệt tâm và chánh niệm,***

**Chế ngự được tư tưởng,**  
*Khi ý không hoan hỷ,  
Bậc Chánh giác bỏ chúng,  
Không còn chút dư tàn.*

## 105 Vô ngã - Khó thấy là vô ngã, Không dễ thấy sự thật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 266

**Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 266 (Ud 81)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

1. *Khó thấy là vô ngã,  
Không dễ thấy sự thật,  
Với bậc có hiểu biết,  
Khéo xâm nhập được ái,  
Với vị ấy thấy rõ,  
Đâu còn có vật gì.*

-----

## Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I 266 (Ud 82)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoai liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

*- Nay các Tỷ-kheo, **có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi.***

*Nay các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thì ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.*

*Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, **có** cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, **nên có trình bày** sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.*

## 106 Vô ngã - Thuyết pháp cho bà con - Kinh Gotama – Tiểu III, 207

**Gotama** – *Tiểu III*, 207 (183)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học **thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được.

Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,  
Liên tục đến nga quỷ,  
Ta sống trải nhiều ngày,  
Trong đau khổ bàng sanh.*

258. *Và sống vui làm Người,  
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,  
Trú Giới sắc, Vô sắc,  
Phi tưởng, Phi phi tưởng.*

259. *Ta khéo biết **sinh hữu**,  
Không cốt tử, duyên thành,  
Dao động thường biến chuyển,  
Tác thành **tự ngã** ta,  
Ta đạt được tịnh tịch,  
Chánh niệm tâm an trú.*

## 107 Vô ngại giải - Trưởng lão Anuruddha chứng vô ngại giải - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

**Anuruddha** – *Tiểu III, 422* (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,  
Bỏ anh em, chị em,  
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,  
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,  
Dạy với tiếng xập xỏ,  
Sống vậy không đạt được,  
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,  
Vì **rằng ta ưa thích**,  
**Trong giới vực của Ma.***

894. *Và ta vượt tất cả,  
Vui thích lời Phật dạy,  
Vượt mọi loại bực lưu,  
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,  
Hấp dẫn, rất thích ý,  
Vượt qua tất cả chúng,  
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,  
Đơn độc, vị ẩn sĩ,  
Tìm vãi từ đống rác,  
A-na-luật đạt được,  
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,  
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,  
Các vãi từ đống rác,  
Sáng suốt, A-na-luật,  
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,  
Ưa giao du, tháo động,  
Những pháp này có mặt,  
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,  
Biết đủ, không nã loạn,  
Thích viễn ly, hân hoan,  
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,  
Thuần thiện **Bồ đề phần,**  
Vị ấy không lậu hoặc,  
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,  
Thế gian Vô Thương Sư,  
Với **thân do ý tạo**,  
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,  
Ngài thuyết rõ tất cả,  
Phật **không ra hý luận**,  
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,  
Trú trong giáo pháp Ngài,  
**Ba minh** chứng đạt được,  
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,  
**Ta không bao giờ nằm**,  
Trong **hai mươi lăm năm**,  
**Đoạn dứt được ngủ nghỉ**.

905. Không thở vô, thở ra,  
Bạc như vậy trú tâm,  
Không tham dục, tịch tịnh,  
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,  
**Sống cảm thọ cuối cùng**,

*Như ngọn lửa diệt tắt,  
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,  
Là những pháp cuối cùng,  
Những cảm xúc thứ năm,  
Của bậc Đại Mâu-ni,  
Sẽ không còn pháp khác,  
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,  
Trong thế giới chư Thiên,  
Này kẻ gieo cạm bẫy.  
Dòng sanh tử, đoạn tận,  
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,  
Biết thế giới ngàn cõi,  
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,  
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,  
Đầy đủ thần thông lực,  
Thấy được thời gian nào,  
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,  
Tên Annabhara,  
Bản cùng, phải làm lưng,  
Lo nuôi sống tự thân,  
Rồi ta đến cúng dường,  
Bậc Sa-môn danh tiếng,  
Sa-môn với xưng danh,  
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,  
Trong dòng họ Thích-ca,  
Ta được biết với tên,  
Là Anuruddha,  
Sống hệ lụy múa ca,  
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,  
Bậc Đạo Sư vô úy,  
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,  
Trước ta sống chỗ nào,  
Giữa cõi **Ba mươi ba**,  
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần** làm **Nhân chủ**,  
Ta trị vì quốc độ,  
Ta chinh phục bốn phương,  
Làm chúa châu Diêm phù,  
Không dùng gậy dùng gươm,  
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,  
Mười bốn lần luân hồi,  
Ta biết được đời sống,  
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,  
Tâm an tịnh nhất tâm,  
Tâm ta được khinh an,  
***Thiên nhãn*** ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,  
Chỗ đến đi hữu tình,  
Đời này và đời khác,

*Ta trú thiền năm chi.*

918. Ta hầu hạ Đạo Sư,  
Lời Phật dạy làm xong,  
Gánh nặng đã đặt xuống,  
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

919. Tại làng Vô-lu-và,  
Giữa dân tộc Vajji,  
Ta đi đến đoạn diệt,  
Chấm dứt dòng sanh tử,  
Dưới bóng của khóm trúc,  
Ta sẽ nhập Niết-bàn,  
Không còn có lậu hoặc.

## 108 Vô sắc - Đoạn diệt giới tốt hơn Vô sắc giới - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 381

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 381** (Tik. III, 4) (It. 61)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, các **pháp vô sắc an tịnh** tốt hơn các **sắc pháp**, **đoạn diệt an tịnh** tốt hơn các **pháp vô sắc**.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Chúng sanh đi đến sắc,  
Có chúng trú vô sắc,  
Không quán tri đoạn diệt,  
Họ đi đến tái sanh.*

*Những ai liễu tri sắc,  
Không an trú vô sắc,  
Chính trong sự đoạn diệt,  
Họ đạt được giải thoát,  
Các hạng người như vậy,  
Họ bỏ rơi thân chết.*

Với thân cảm xúc được,  
Bất tử không sanh y,  
Sanh y được xả ly,  
Chứng được, không lậu hoặc,  
Vị Chánh đẳng Chánh giác,  
Thuyết giảng về con đường,  
Con đường không sâu muộn,  
Con đường không cầu uế.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

## 109 Vô sắc hữu - Đi quá trốn và Chấp chặt - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 352

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 352** (Duk.  
II, 12) (It. 43)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, chư Thiên và loài Người **bị xâm chiếm bởi hai tà kiến**, một số người chấp chặt, một số người đi quá trốn, một số người có mắt thấy được.*

*Này các Tỷ-kheo, thế nào là một số **người chấp chặt**?*

Này các Tỷ-kheo, có chư Thiên và loài Người ưa muốn sanh hữu, khi các pháp đoạn diệt sanh hữu được giảng cho họ, tâm họ không có phần khởi, không có tín thành, không có an trú, không có bị lôi cuốn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là một số người chấp chặt.

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là một số **người đi quá trốn**?*

Nhưng có một số người lo âu, xấu hổ, nhàm chán với sanh hữu, hoan hỷ, phi sanh hữu. Họ nói: "Vì rằng

khi thân hoại mạng chung, tự ngã này bị chặt đứt, bị hoại diệt, không có tồn tại sau khi chết. Quan điểm này là thiết thực, là thù thắng, là chân thật". Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là một số người đi quá trớn.

*Và này các Tỷ Kheo, thế nào là một số có mắt được thấy?*

Ở đây, Tỷ-kheo thấy sự sanh hữu là sanh hữu, sau khi thấy sự sanh hữu, vì ấy hướng đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là những người có mắt được thấy.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Những ai đã thấy được  
Sanh hữu là sanh hữu,  
Thấy được sự vượt qua  
Của sự sanh hữu ấy.  
Những vị ấy giải thoát,  
Đối như thật hiện hữu,  
Vì nhờ đoạn diệt được  
Tham ái đối sanh hữu.  
Nếu vị ấy liễu tri,  
Sanh hữu là sanh hữu,  
Vị ấy ly tham ái  
Đối hữu và phi hữu,  
Tỷ-kheo quyết phi hữu,  
Đối với chính sanh hữu,*

*Sẽ không còn đi đến  
Sanh đi rồi sanh lại.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

## 110 Vô thường - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 176* (Ud 34)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà Lúc bấy giờ Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi **Tôn giả Meghiya** đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khát thực.

- Nay Meghiya, hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, khi khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàkà, sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy Tôn giả Meghiya suy nghĩ: *"Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì"*. Rồi Tôn giả Meghiya đi

đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở Jantu xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà, sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay là rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần". Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi, này Meghiya. **Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến!**

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi này Meghiya! Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến.

Lần thưa ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi để rừng xoài này để tinh cần tu hành.

- **Này Meghiya, khi Thầy nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!**

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, **phần lớn ba tâm ác, không thiện, hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.**

Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hi hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm". Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay... hại tâm".

- **Này Meghiya, khi tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến sự thuần thực.**

Thế nào là năm?

- Ở đây thiện bạn hữu, **thiện thân hữu** là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, phàm có những **câu chuyện nào nghiêm túc**, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định,

câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát trí kiến. Những câu chuyện như vậy có thể được không có khó khăn, có thể được không có mệt nhọc, có thể được không có phí sức. Đây là giải pháp thứ ba, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, **tinh tấn**, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo **có trí tuệ**, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với **Thánh thể nhập** đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là pháp thứ năm. Này Meghiya, khiến tâm thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Này Meghiya, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- ➔ Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi

chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp.

- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự... tu tập trong các học pháp, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có thể có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân bằng hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí đi đến thăm sát sanh diệt với thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, **bốn pháp** cần phải tu tập thêm:

- **Bất tịnh** cần phải tu tập để đoạn tận **tham**;
- **Tù** cần phải tu tập để đoạn tận **sân**;
- **Niệm hơi thở** vô hơi thở ra cần phải tu tập để trừ khử **tâm tư**;
- **Vô thường tưởng** cần phải tu tập để **nhỏ lên kiêu mạn**, tôi là.

Này Meghiya,

- Với ai có **tưởng vô thường**, thời **tưởng vô ngã** được an trú.
- Với ai có tưởng vô ngã, vị ấy đạt được sự **nhỏ lên kiêu mạn**: tôi là, Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*1. Các tâm nhỏ tế nhị,  
Hiện hành ý hoan hỷ,  
Do không biết đến chúng,  
Tâm động chạy nhiều đời.  
Nếu biết chúng **tâm tư**,  
**Nhiệt tâm và chánh niệm,***

**Chế ngự được tư tưởng,**  
*Khi ý không hoan hỷ,  
Bậc Chánh giác bỏ chúng,  
Không còn chút dư tàn.*

## 111 Vô thường - Khuyến không nên phóng dật - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280

**Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bốn Pàtimokkha đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "**Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!**". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,  
Trên **tội** được che giấu.  
Mưa không có nặng nề,  
Trên tội được **phát lộ**,  
Đâu có phát lộ tội,*

*Như vậy, mưa không nặng.*

448. **Đời bị chết áp đảo,**  
Bị giải tỏa, bao vây,  
Bị mũi tên **ái** đâm,  
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**  
Và bị **già** bao vây,  
Thường bị hại, không yên,  
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đóng lửa,*  
*Cả ba, chết, bệnh, già,*  
*Không sức nào địch nổi,*  
*Không nhanh nào chạy thoát.*

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**  
**Hãy làm ít hoặc nhiều,**  
Đêm càng bị bỏ phí,  
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*  
*Hoặc ngồi, hay nằm xuống,*  
*Đêm cuối đi đến gần,*  
*Người không thời phóng dật.*

## 112 Vô thường - Không có gì có mặt, Lại thường còn mãi mãi - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

### Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakāra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của **người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sāriputta**.

Một hôm, Tôn giả Sāriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một **người ăn trộm**, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. **Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền**

**bất ngài** đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. **Không có gì có mặt,  
Lại thường còn mãi mãi,**

Không có các hành gì,  
Lại thường hằng thường trú.  
**Các uẩn** được khởi lên,  
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**  
**Ta không muốn sanh hữu,**  
**Từ bỏ tất cả dục,**  
**Ta chứng lậu hoặc tận.**

## 113 Vô thường - Quán vô thường, vô ngã đối với thân - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145

**Mahākàla – Tiểu III, 145 (136)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahākàla*.

Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo.

Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn **nghĩa địa** làm **đề tài thiền quán**, ngài sống ở trong nghĩa địa.

Một hôm, *một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể*, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán và ngồi xuống một bên.

Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đây đà,  
Dung sắc như quạ đen,  
Bẻ gãy một bắp vế,  
Lại bẻ bắp vế nữa,  
Bẻ gãy một cánh tay,  
Lại bẻ cánh tay nữa,  
Lại bẻ gãy cái đầu,  
Như bát đựng sữa đông.  
Này Kàlì ngồi xuống,  
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,  
Lại tác thành sanh y,  
Kẻ ngu bước đi đến,  
Chịu khổ đau liên tục,  
Do vậy ai hiểu biết,  
Không tạo nên sanh y,  
**Ta sẽ không nằm xuống,**  
**Với đầu bị bẻ nát.**

## 114 Vô thường - Thấy vô thường sanh diệt thì ráng tu - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 202

**Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 202 (Ud 48)**

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, chỗ khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

*- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn. Thật hi hữu thay, bạch Thế Tôn. Thọ mạng ít thay, bạch Thế Tôn, là mẹ của Thế Tôn! Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu suất".*

- Chính là như vậy, này Ananda! Thọ mạng ít thay là mẹ vị Bồ Tát. Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu suất! Thọ mạng ít thay là các bà mẹ của các Bồ Tát. Sau khi sanh bảy ngày, các bà mẹ của các Bồ-tát mệnh chung, và được sanh lên cõi trời Đâu suất.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời kệ:

**2. *Tất cả hữu tình nào,  
Sẽ có mặt ở đời,  
Tất cả chúng sẽ đi,  
Sau khi bỏ sắc thân.***

*Hiểu tất cả là vậy,  
Bậc thiện sanh nhiệt tâm,  
Sống đời sống Phạm hạnh.*

## 115 Vô thường tướng - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 176 (Ud 34)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà Lúc bấy giờ Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi **Tôn giả Meghiya** đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khát thực.

- Nay Meghiya, hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, khi khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàkà, sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy Tôn giả Meghiya suy nghĩ: *"Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì"*. Rồi Tôn giả Meghiya đi

đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở Jantu xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà, sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay là rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần". Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi, này Meghiya. **Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến!**

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi này Meghiya! Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến.

Lần thưa ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi để rừng xoài này để tinh cần tu hành.

- **Này Meghiya, khi Thầy nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!**

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, **phần lớn ba tâm ác, không thiện, hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.**

Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hi hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm". Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay... hại tâm".

- **Này Meghiya, khi tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến sự thuần thực.**

Thế nào là năm?

- Ở đây thiện bạn hữu, **thiện thân hữu** là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, phàm có những **câu chuyện nào nghiêm túc**, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định,

câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát trí kiến. Những câu chuyện như vậy có thể được không có khó khăn, có thể được không có mệt nhọc, có thể được không có phí sức. Đây là giải pháp thứ ba, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, **tinh tấn**, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo **có trí tuệ**, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với **Thánh thể nhập** đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là pháp thứ năm. Này Meghiya, khiến tâm thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Này Meghiya, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- ➔ Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi

chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp.

- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự... tu tập trong các học pháp, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có thể có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân bằng hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí đi đến thâm sát sanh diệt với thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, **bốn pháp cần phải tu tập thêm**:

- **Bất tịnh** cần phải tu tập để đoạn tận **tham**;
- **Tù** cần phải tu tập để đoạn tận **sân**;
- **Niệm hơi thở** vô hơi thở ra cần phải tu tập để trừ khử **tâm tư**;
- **Vô thường tưởng** cần phải tu tập để **nhỏ lên kiêu mạn**, tôi là.

Này Meghiya,

- Với ai có **tưởng vô thường**, thời **tưởng vô ngã** được an trú.
- Với ai có tưởng vô ngã, vị ấy đạt được sự **nhỏ lên kiêu mạn**: tôi là, Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*1. Các tâm nhỏ tế nhị,  
Hiện hành ý hoan hỷ,  
Do không biết đến chúng,  
Tâm động chạy nhiều đời.  
Nếu biết chúng **tâm tư**,  
**Nhiệt tâm và chánh niệm**,*

**Chế ngự được tư tưởng,**  
*Khi ý không hoan hỷ,  
Bậc Chánh giác bỏ chúng,  
Không còn chút dư tàn.*

## 116 Vô thường, những ngôi nhà, Đây đó lại dựng lên - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165

**Sivàka** – *Tiểu III*, 165 (152)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka.

Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của mình:

183. *Vô thường, những ngôi nhà,  
Đây đó lại dựng lên,  
Tìm kiếm người làm nhà,  
Tái sanh là đau khổ.*

184. *Hỡi kẻ làm nhà kia!  
Ngươi đã bị thấy rồi,  
Từ nay, ngươi không thể,  
Lại dựng nhà lên nữa,  
Mọi tường vách đổ vỡ,*

*Nóc nhà bị tan hoang,  
**Tâm** bị đẩy khỏi dòng,  
Ở đây, bị thổi nát.*

## 117 Vô thượng y sĩ, y sĩ giải phẫu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 435

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 435** (Cat. I)  
(It. 101)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta là Bà-la-môn, người được đến yêu cầu, tay luôn luôn thanh tịnh, mang thân cuối cùng, **vô thượng y sĩ** chữa trị, **y sĩ giải phẫu**. Các Thầy thật là con của Ta từ miệng sanh, từ Pháp sanh, từ Pháp tạo thành, thừa tự Pháp, không thừa tự tài vật.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại bồ thí: Bồ thí tài vật và bồ thí Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai bồ thí này, tức là bồ thí Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại phân phát này, phân phát tài vật và phân phát Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai phân phát này, tức là phân phát Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai nhiều ích này, nhiều ích tài vật và nhiều ích Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai nhiều ích này, tức là nhiều ích Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại tế tự này. Tế tự tài vật và tế tự Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai tế tự này, tức là tế tự Pháp.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai tế tự Chánh pháp,  
Tế tự, không xan tham,  
Như Lai có lòng từ,  
Đối tất cả sinh vật,  
Bậc tối thắng như vậy,  
Giữa chư Thiên loài Người,  
Chúng sanh kính đánh lễ,  
Vị đã vượt qua được,  
Vượt qua dòng sanh hữu,  
Đến được bờ bên kia.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

## 118 Vô tướng - Hãy tu tập vô tướng, Bỏ đi mạn tùy miên - Kinh Ràhula - Tiểu I, 571

**Kinh Ràhula – Tiểu I, 571 (Sn 58)**

Thế Tôn:

335. *Thường chung sống người hiền,  
Thầy có khinh miệt không?  
Người cầm đuốc loài Người,  
Được Thầy tôn trọng không?*

Ràhula:

336. *Thường chung sống người hiền,  
Con không có khinh miệt.  
Người cầm đuốc loài Người,  
Thường được con tôn trọng.*

Thế Tôn:

337. *Bỏ năm dục trưởng dưỡng,  
Khả ái và đẹp ý,  
Với lòng tin xuất gia,  
Hãy trở thành con người,*

**Làm chắm dứt khổ đau.**

338. Thân cận với **bạn lành**,  
Sống trú xứ xa vắng,  
Viễn ly không ồn ào,  
Hãy tiết độ ăn uống.

339. Y áo, đồ khát thực,  
Vật dụng và sàng tọa,  
Chớ có tham ái chúng,  
Chớ trở lui đời này.

330. Chế ngự trong giới bốn,  
Phòng hộ trong năm căn,  
Hãy tu tập **niệm thân**,  
Sống với nhiều nhàm chán.

341. Hãy từ bỏ tịnh tướng,  
Hệ lụy với tham ái,  
**Tu tập tâm bất tịnh**,  
Nhất tâm, khéo định tĩnh.

342. Hãy tu tập **vô tướng**,  
Bỏ đi **mạn** tùy miên,  
Do nhiếp phục kiêu mạn,  
Ngươi sẽ sống an tịnh.

Như vậy, Thế Tôn thường giáo giới Tôn giả Ràhula với những bài kệ này.

## 119 Vô tướng - Hãy tu tập vô tướng, Hãy bỏ mạn tùy miên - Kinh Abhirùpa Nandà – Tiểu III, 554

### Abhirùpa Nandà – Tiểu III, 554 (19)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Kapilavatthu, con gái vợ chính của vua Khemaka, dòng họ Thích-ca (Sakya), tên là Nandà. Vì nàng rất đẹp nên được tên là Abhirùpa Nandà (Nandà đẹp). Ngày nàng lựa Carabhùta làm chồng, thời Carabhùta mệnh chung và cha mẹ cưỡng bức nàng xuất gia.

Sau khi đã xuất gia, nàng vẫn tự kiêu với sắc đẹp của nàng, và sợ bậc Đạo Sư quở trách, nàng lần tránh Ngài. Thế Tôn biết được hạnh nàng đã thuận thực nên bảo Mahàpajàpati quy tụ mọi Tỷ-kheo-ni lại để Ngài dạy bảo, nàng nhờ người khác đi thế. Đức Phật không chấp nhận nên nàng phải đến dự. Đức Phật hóa sanh một nữ nhân rất đẹp, nhưng dần dần bị già nua, yếu hèn và nàng bị xúc động mạnh.

Rồi đức Phật nói với nàng những bài kệ như sau:

**19. *Này Nandà, hãy nhìn,  
Tám thân chỗ quy tụ,  
Nhiều bệnh hoạn, bất tịnh,***

*Đầy hơi hám thổi nát,  
Tâm nàng hãy tu tập,  
Quán tri tánh bất tịnh,  
Đạt cho được nhất tâm,  
Tâm tư khéo thiền định.*

*20. Hãy tu tập vô tướng,  
Hãy bỏ mạn tùy miên,  
Do thắng tri được mạn,  
Nàng sẽ sống an tịnh.*

Khi Thế Tôn nói xong, nàng chứng quả A-la-hán.  
Nói lại cho nàng những bài kệ này, nàng xem các bài  
kệ là lời tuyên bố chánh trí của nàng.

## 120 Vô tướng - Ta tu pháp vô tướng, Nhất tâm khéo thiền tịnh - Kinh Sonà – Tiểu III, 591

**Sonà – Tiểu III, 591 (45)**

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được **sinh trong một gia đình quý tộc ở Sàvatthi**. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được **muròi** người con trai, con gái và được biệt danh là "người nhiều con".

Khi người **chồng xuất gia**, nàng giao lại cho các con trai, con gái cai quản gia đình và giao cả gia sản cho các con trai, không giữ gì cho thân mình. **Các con trai và con dâu nuôi dưỡng nàng, không bao lâu trở mặt khinh rẻ nàng**.

Nàng buồn cho thái độ các dâu con, xuất gia trở thành Tỷ-kheo-ni. Nàng suy nghĩ, nàng đã lớn tuổi mới xuất gia, nên hết sức tinh cần, tinh tấn. Trong khi hầu hạ các Trưởng lão Ni, nàng thức đêm tu học, **nàng kiên trì học tập, không biếng nhác, không xao nhãng, như người chụp nắm các cột trong mái hiên, hay chụp nắm cành cây trong đêm tối để tránh đầu khỏi va chạm**.

**Hạnh tinh tấn** của nàng được mọi người biết, và **bậc Đạo Sư biết được trí tuệ của nàng đã chín muồi, nên**

phóng hào quang, hóa hiện trước mặt nàng và nói lên bài kệ:

*Ai sống một trăm năm,  
Không thấy câu bất tử,  
Tốt hơn sống một ngày,  
Thấy được câu bất tử.*  
(Pháp cú. 114)

Khi đức Phật nói câu này xong, nàng chứng được quả A-la-hán. Thế Tôn tán thán là "Tỷ-kheo-ni **tinh tấn đệ nhất**".

Một hôm, suy tư đến quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên những bài kệ:

*102. Ta sanh được mười con,  
Trong thân chất chứa này,  
Do vậy ta già yếu,  
Ta đến Tỷ-kheo-ni.*

*103. Nàng thuyết pháp cho ta,  
Về **uẩn, xứ và giới**,  
Nghe pháp nàng thuyết giảng.  
Cắt tóc ta xuất gia.*

*104. Ta học lời nàng dạy,*

*Thiên nhãn ta thanh tịnh,  
Ta biết các đời trước,  
Chỗ ta sống đời trước.*

*105. Ta tu pháp vô tướng,  
Nhất tâm khéo thiền tịnh,  
Tức thời ta giải thoát,  
Không chấp thủ tịch tịnh.*

*106. Năm uẩn được liễu tri,  
Đứng lại, gốc bị cắt,  
Tham dục, ta không có,  
Căn cứ địa kiên trì?  
Từ nay ta không còn,  
Vấn đề phải tái sanh.*

## 121 Vô tướng, không - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100

### Vijaya – Tiểu III, 100 (92)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vijaya.

Khi được học giáo lý Bà-la-môn, ngài xuất gia, đời sống một vị ẩn sĩ, sống trong rừng, thực hành thiền định. Ngài nghe đến sứ mệnh của đức Phật, hoan hỷ đến kính chào Thế Tôn và nghe pháp. Rồi ngài xuất gia trong giới luật của đức Phật, **không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Ngài nói lên chánh trí của ngài trong bài kệ sau đây:

*92. Với ai, lậu hoặc đoạn,  
Không y tựa đồ ăn,  
Hành xứ, không, vô tướng,  
Giải thoát cũng như vậy,  
Như chim trên hư không,  
Dấu chân thật khó tìm.*

## 122 Vô vi - Bạc vô vi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,  
Hãy tinh tấn đoạn dòng,  
Từ bỏ các dục lạc,  
Biết được hành đoạn diệt,  
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,  
Đến được bờ bên kia,  
Bà-la-môn có trí,  
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,  
Cả hai bờ không có,  
Lìa khổ, không trói buộc,  
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,  
Phận sự xong, vô lậu,  
Đạt được đích tối thượng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,  
*Mặt trăng* sáng ban đêm,  
*Khí giới* sáng Sát ly,  
*Thiền định* sáng Phạm chí,  
**Còn hào quang đức Phật,**  
**Chói sáng cả ngày đêm.**

388. **Dứt ác** gọi Phạm chí,  
**Tinh hạnh** gọi Sa môn,  
**Tự mình xuất cầu uế,**  
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,  
Phạm chí chớ đập lại,  
Xấu thay đập Phạm chí,  
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,  
Đây không lợi ích nhỏ,  
**Khi ý không ái luyến,**  
**Tâm hại được chận đứng,**  
**Chỉ khi ấy khổ diệt.**

391. Với người thân miệng ý,  
Không làm các ác hạnh,  
Ba nghiệp được phòng hộ,  
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,  
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,  
Hãy kính lễ vị ấy,  
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,  
Không vì đầu bện tóc,  
Không chủng tộc, thọ sanh,  
Ai thật chân, chánh, tịnh,  
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,  
Bện tóc với da dê,  
Nội tâm toàn phiền não,  
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,  
Gầy ốm, lộ mạch gân,  
Độc thân thiền trong rừng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,  
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,  
Chỉ được gọi tên suông,  
Nếu tâm còn phiền não,  
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,  
Không còn gì lo sợ,  
Không đả trước buộc ràng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,  
Bỏ dây, đồ sở thuộc,  
Bỏ then chốt, sáng suốt,  
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,  
Phỉ báng, đánh, phạt hình,  
Lấy **nhẫn** làm quân lực,  
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,  
Trì giới, không tham ái,  
Nhiếp phục, thân cuối cùng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,  
Như hột cải đầu kim,  
**Người không nhiễm ái dục,**  
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,  
Giác khổ, diệt trừ khổ,  
Bỏ gánh nặng, giải thoát,  
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,  
Khéo biết đạo, phi đạo,  
Chứng đạt đích vô thượng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,  
Xuất gia và thế tục,  
Sống độc thân, ít dục,  
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,  
Yếu kém hay kiên cường,  
Không giết, không bảo giết,  
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,  
Ôn hòa giữa hung hăng,  
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,  
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,  
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,  
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,  
Lợi ích và chân thật,  
Không mất lòng một ai,  
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,  
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,  
Phàm không cho không lấy,  
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,  
Đời này và đời sau,  
Không hy cầu, giải thoát,  
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,  
Có trí, không nghi hoặc,  
**Thể nhập vào bất tử,**  
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,  
Không nhiễm cả thiện ác,  
Không sâu, sạch, không bụi,  
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,  
Sáng trong và tĩnh lặng,  
Hữu ái, được đoạn tận,  
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,  
Nhiếp phục luân hồi, si,  
Đến bờ kia thiên định,  
Không dục ái, không nghi,  
Không chấp trước, tịch tịnh,  
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,  
Bỏ nhà, sống xuất gia,  
**Dục hữu** được đoạn tận,  
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,  
Bỏ nhà, sống xuất gia,  
**Ái hữu** được đoạn tận,  
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,  
Vượt trói buộc cõi trời,  
Giải thoát mọi buộc ràng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,  
Mát lạnh, diệt sanh y,  
Bậc anh hùng chiến thắng,  
Nhiếp phục mọi thế giới,  
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn  
Sanh tử các chúng sanh,  
Không nhiễm, khéo vượt qua,  
Sáng suốt chân giác ngộ,  
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,  
Cùng với Càn thất bà,  
Không biết chỗ thọ sanh,  
Lậu tận bậc La hán,  
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,  
Không một sở hữu gì,  
Không sở hữu không nắm,  
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,  
Bậc anh hùng, đại sĩ,  
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,  
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,  
Thấy thiên giới, đọa xứ,  
Đạt được sanh diệt tận,  
Thắng trí, tự viên thành,  
Bạc mâu ni đạo sĩ,  
Viên mãn mọi thành tựu,  
Ta gọi Bà-la-môn.

## 123 Vĩ đại - Thế Tôn, Bạc vĩ đại không sanh hữu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 453** (Cat. 13) (It. 121)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo,

- **Thế giới được Như Lai Chánh đẳng giác.** Như Lai **không hệ lụy** đối với đời.
- **Thế giới tập khởi** được Như Lai Chánh đẳng giác, thế giới tập khởi được Như Lai **đoạn tận**.
- **Thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, thế giới đoạn diệt được Như Lai **giác ngộ**.
- **Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt Như Lai đã **tu tập**.
- Này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cái gì được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu,

được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là **Như Lai**.

- Nay các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm Ngài nhập Niết-bàn không có dư y trong thời gian ấy, điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy Ngài được gọi là Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên Ngài được gọi Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, do vậy Ngài được gọi là **Như Lai**.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến:

*Thắng tri mọi thế giới,  
Mọi thế giới như thật,  
Ly hệ mọi thế giới,  
Không giống mọi thế giới.*

*Thắng tất cả bậc trí,  
Giải thoát mọi buộc ràng.  
Cảm thọ tối thắng tịnh,*

Niết-bàn, không sợ hãi,  
Vị này đoạn lậu hoặc,  
**Bậc giác ngộ trí giả,**  
Không dao động, nhiều loạn,  
Nghỉ ngơi được chặt đứt,  
Đạt diệt tận mọi nghiệp,  
**Giải thoát diệt sanh y,**  
**Là Thế Tôn, là Phật,**  
Bậc Sư tử vô thượng,  
Trong thế giới thiên giới,  
Chuyển bánh xe Phạm luân.

Như vậy loài Trời, Người,  
Đến quy y đức Phật,  
**Gặp nhau, đánh lễ Ngài,**  
**Vĩ đại không sanh hữu,**  
Điều phục, bậc Tối thượng,  
Trong người được điều phục,  
An tịnh, bậc ẩn sĩ,  
Những người được an tịnh.  
Giải thoát bậc tối thượng,  
Những người được giải thoát,  
Vượt qua bậc tối thắng,  
Những người được vượt qua.  
**Như vậy họ lễ Ngài**  
**Vĩ đại, không sanh hữu,**  
Thiên giới, thế giới này,  
Không ai được bằng Ngài.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

## 124    **Vũ nữ - Gieo bầy mối thần chết - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211**

**Nàgasamàla – Tiểu III, 211 (186)**

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

*267. Trang điểm, mặc áo đẹp,  
Đeo vòng hoa, thơm nức,  
Mùi thơm gỗ chiên đàn,  
Giữa đám đông, đường lớn,  
Một **vũ nữ** đang múa,  
Múa lượn theo nhạc khí.*

*268. Ta vào thành, khát thực,  
Đi ngang, ta thấy nàng,  
Trang điểm, mặc áo đẹp,  
Gieo bầy mối **thần chết**.*

*269. Rồi ta **tự tác ý**,*

*Như lý khởi tư duy,  
Các hiểm nguy hiển lộ,  
Nhàm chán, ta an trú.*

270. Và tâm ta giải thoát,  
Thấy pháp nhĩ là vậy,  
**Ba minh** chứng đạt được,  
Lời Phật dạy làm xong.

## 125 Vượt khỏi các bùn nhơ, Từ vực thăm trở về - Kinh Devasabha – Tiểu III, 97

### Devasabha – Tiểu III, 97 (89)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài là con của một hoàng tộc, lên ngôi **vua** khi còn trẻ. Nhưng khi tỉnh ngộ, ngài đi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, từ bỏ ngôi vua, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài hân hoan khi nghĩ đến những uế nhiễm ngài đã từ bỏ, và nói lên bài kệ này:

89. *Vượt khỏi các bùn nhơ,  
Từ vực thăm trở về,  
Thoát bọc lưu trói buộc,  
Mọi kiêu mạn tiêu trừ.*

## 126 Vượt khỏi sanh già chết - Kinh Câu hỏi của thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I, 783

Câu hỏi của thanh niên 4 – Mettagu – *Tiểu I*, 783

***Mettagu:***

1049. *Tôn giả Mêt-ta-gu:*

*Con xin hỏi Thế Tôn,  
Mong Thế Tôn trả lời,  
Vấn đề con đã hỏi,  
Con nghĩ Ngài hiền trí,  
Tự ngã đã tu tập,  
Từ đâu ở trong đời,  
Đau khổ này khởi lên,  
Với nhiều loại như vậy?*

Thế Tôn:

1050. *Thế Tôn trả lời rằng:*

*Hỡi này Mêt-ta-gu,  
Ông hỏi ta vấn đề,  
Sanh khởi của khổ đau,  
Ta sẽ nói cho Ông,  
Như Ta đã được biết,  
Chính do duyên **sanh** y,  
Nên khổ được khởi lên,*

Với nhiều loại như vậy,  
Khác biệt ở trong đời.

1051. *Những ai vì vô minh,  
Tác thành các sanh y,  
Kẻ ngu tạo đau khổ,  
Tiếp tục được sanh khởi.  
Do vậy kẻ hiểu biết,  
Không nên tạo sanh y,  
Vì thấy sự sanh khởi,  
Của sanh và đau khổ.*

**Mettaḡu:**

1052. *Điều chúng con đã hỏi,  
Ngài đã đáp chúng rồi,  
Nay xin hỏi câu khác,  
Mong Ngài giải đáp cho,  
Thế nào bậc Hiền trí,  
Vượt khỏi dòng nước mạnh,  
Vượt khỏi sanh và già,  
Cùng sầu muộn than khóc?  
Mong rằng bậc ẩn sĩ,  
Hãy khéo trả lời con,  
Đúng như Ngài đã biết,  
Pháp nhĩ là như vậy?*

Thế Tôn:

1053. Thế Tôn trả lời rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Ta sẽ nói cho Ông,

**Pháp thiết thực hiện tại,**

**Không do trao truyền lại,**

Sau khi biết pháp ấy,

Vị ấy sống chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

**Mettaḡu:**

1054. Thừa bậc Đại ẩn sĩ,

Con hết sức hoan hỷ,

Chánh pháp vô thượng ấy,

Sau khi biết pháp ấy,

Sống gìn giữ chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1055. Thế Tôn đáp lại rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

**Phàm Ông rõ biết gì,**

**Trên, dưới, ngang, ở giữa,**

**Hãy từ bỏ hoan hỷ,**

**Hãy từ bỏ trú xứ,**

**Chớ để cho ý thức,**

**An trú trên sanh hữu.**

1056. *An trú vậy, chánh niệm,  
Tỷ-kheo không phóng dật,  
Sau khi bỏ sở hành,  
Đưa đến ngã, sở hữu.  
Đối với sanh và già,  
Sầu muộn và than khóc,  
Ở đây, biết được vậy,  
Hãy từ bỏ đau khổ.*

**Mettaḡu:**

1057. *Con cảm thấy hoan hỷ,  
Lời nói bậc Đại sĩ;  
Đoạn tận được sanh y,  
Được Ngài khéo tuyên thuyết.  
Chắc chắn đức Thế Tôn,  
Đã đoạn tận đau khổ,  
Vì pháp này được Ngài,  
Rõ biết là như vậy.*

1058. *Những vị ấy hãy đoạn,  
Hãy từ bỏ đau khổ,  
Những người ấy được Ngài,  
Thường thường dạy, giáo hóa.  
Con xin đánh lễ Ngài,  
Hãy đến, bậc Long tượng,  
Mong Thế Tôn thường hằng,  
Giáo hóa dạy dỗ con.*

Thế Tôn:

1059. Vị Bà-la-môn nào,  
*Được thắng tri, có trí,*  
*Không có sở hữu gì,*  
*Không ái luyến đục hữu,*  
*Chắc chắn vị như vậy,*  
*Vượt qua bực lưu này,*  
*Đã đến được bờ kia,*  
*Không cứng cõi, không nghi.*

1060. Người ấy sau khi biết,  
*Thông suốt được Thánh điển,*  
*Không dính ái triền này,*  
*Về hữu và phi hữu,*  
*Vị ấy ly tham ái,*  
*Không phiền lụy, không cầu,*  
*Ta nói rằng vị ấy,*  
*Đã vượt khỏi sanh già.*

## 127 Vượt qua được già chết - Kinh Câu hỏi của thanh niên 3 Punnaka - Tiểu I, 780

Câu hỏi của thanh niên 3 – Punnaka – *Tiểu I*, 780

***Punnaka:***

1043. *Tôn giả Pun-na-ka:*

*Với ai không dao động,*

*Thấy rõ được cội gốc,*

*Con đến với câu hỏi,*

*Liên hệ đến mục đích,*

*Bạc ấn sĩ, loài Người,*

*Sát-đế-ly, Phạm chí,*

*Do họ y chỉ gì,*

*Tế đàn cho chư Thiên.*

*Đã tổ chức rộng lớn?*

*Con hỏi bậc Thế Tôn,*

*Hãy trả lời cho con.*

***Thế Tôn:***

1044. *Thế Tôn bèn đáp rằng:*

*Hỡi này Pun-na-ka,*

*Bạc ấn sĩ loài Người,*

*Sát-đế-ly, Phạm chí,*

*Đã tổ chức rộng lớn,*

*Tế đàn cho chư Thiên.*

Khi họ thành già yếu,  
Họ tổ chức tế đàn,  
Vì rằng họ hy vọng,  
Được sanh ở đời này,  
Hồi này Pun-na-ka!

Punnaka:

1045. Tôn giả Pun-na-ka:

Bạc ấn sĩ loài Người,  
Sát-đế-ly, Phạm chí,  
Đã tổ chức rộng lớn,  
Tế đàn cho chư Thiên.

Thế Tôn nghĩ thế nào,  
Họ không có phóng dật,  
Trên con đường tế đàn,  
Họ vượt qua già chết,  
Được hay không, thưa Ngài?  
Con hỏi đức Thế Tôn,  
Con mong Ngài trả lời.

Thế Tôn:

1046. Thế Tôn trả lời rằng:

Hồi này Pun-na-ka,  
Họ hy vọng, tán thán,  
Họ cầu nguyện, cúng lễ,  
Họ cầu nguyện các dục,  
Do duyên vì lợi dưỡng,

*Chuyên tâm lo tế đàn,  
Ưa thích, tham sanh hữu,  
Họ không vượt già chết,  
Ta nói lên như vậy.*

Punnaka:

1047. Tôn giả Pun-na-ka:  
Nếu chúng chuyên tế đàn,  
Nhưng không thể vượt qua,  
Già chết với tế đàn,  
Thời ai sống ở đời,  
Trong thế giới Nhơn, Thiên,  
Đã vượt qua già chết,  
Ai được vậy, thưa Ngài?  
Con hỏi đức Thế Tôn,  
Ngài trả lời cho con.

Thế Tôn:

1048. Thế Tôn trả lời rằng:  
Hỡi này Pun-na-ka,  
Ai tính toán cao thấp,  
Ước lượng vậy ở đời,  
**Ai không bị dao động,**  
**Bất cứ đâu ở đời,**  
**An tịnh, không phun khói,**  
**Không phiền não, không cầu,**  
**Vị ấy vượt già chết,**

*Ta nói lên như vậy.*

## 128 Vượt đường nguy hiểm này, Nhiếp phục luân hồi, si - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,  
Hãy tỉnh tấn đoạn dòng,  
Từ bỏ các dục lạc,  
Biết được hành đoạn diệt,  
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,  
Đến được bờ bên kia,  
Bà-la-môn có trí,  
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,  
Cả hai bờ không có,  
Lìa khổ, không trói buộc,  
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,  
Phận sự xong, vô lậu,  
Đạt được đích tối thượng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời sáng ban ngày,  
Mặt trăng sáng ban đêm,  
Khí giới sáng Sát ly,  
Thiền định sáng Phạm chí,  
Còn hào quang đức Phật,  
Chói sáng cả ngày đêm.*

388. Dứt ác gọi Phạm chí,  
Tinh hạnh gọi Sa môn,  
**Tự mình xuất cầu uế,**  
Nên gọi **bạc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,  
Phạm chí chớ đập lại,  
Xấu thay đập Phạm chí,  
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,  
Đây không lợi ích nhỏ,  
**Khi ý không ái luyến,**  
**Tâm hại được chận đứng,**  
**Chỉ khi ấy khổ diệt.**

391. Với người thân miệng ý,  
Không làm các ác hạnh,  
Ba nghiệp được phòng hộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,  
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,  
Hãy kính lễ vị ấy,  
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,  
Không vì đầu bện tóc,  
Không chủng tộc, thọ sanh,  
Ai thật chân, chánh, tịnh,  
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,  
Bện tóc với da dê,  
Nội tâm toàn phiền não,  
Ngoài mặt đánh bóng sông.

395. Người mặc áo đông rác,  
Gầy ốm, lộ mạch gân,  
Độc thân thiền trong rừng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,  
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,  
Chỉ được gọi tên sông,  
Nếu tâm còn phiền não,

Không phiền não, chấp trước,  
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,  
Không còn gì lo sợ,  
Không đắm trước buộ̣c ràng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đ̣ai da, bỏ cương,  
Bỏ dây, đồ sở thuộ̣c,  
Bỏ then chốt, sáng suốt,  
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,  
Phỉ báng, đánh, phạt hình,  
Lấy **nhẫn** làm quân lự̣c,  
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phậ̣n,  
Trì giới, không tham ái,  
Nhiếp phục, thân cuối cùng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,  
Như hột cải đầu kim,  
**Người không nhiễm ái dục**,  
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,  
Giác khổ, diệt trừ khổ,  
Bỏ gánh nặng, giải thoát,  
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,  
Khéo biết đạo, phi đạo,  
Chúng đạt đích vô thượng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,  
Xuất gia và thế tục,  
Sống độc thân, ít dục,  
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đổi chúng sanh,  
Yếu kém hay kiên cường,  
Không giết, không bảo giết,  
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,  
Ôn hòa giữa hung hăng,  
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,  
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,

Không mạn, không ganh tị,  
Như hột cải đầu kim,  
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,  
Lợi ích và chân thật,  
Không mất lòng một ai,  
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,  
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,  
Phàm không cho không lấy,  
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,  
Đời này và đời sau,  
Không hy cầu, giải thoát,  
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,  
Có trí, không nghi hoặc,  
**Thể nhập vào bất tử,**  
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,  
Không nhiễm cả thiện ác,  
Không sâu, sạch, không bụi,

Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,  
Sáng trong và tĩnh lặng,  
Hữu ái, được đoạn tận,  
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,  
Nhiếp phục luân hồi, si,  
Đến bờ kia thiên định,  
Không dục ái, không nghi,  
Không chấp trước, tịch tịnh,  
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,  
Bỏ nhà, sống xuất gia,  
**Dục hữu** được đoạn tận,  
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,  
Bỏ nhà, sống xuất gia,  
**Ái hữu** được đoạn tận,  
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,  
Vượt trói buộc cõi trời,  
Giải thoát mọi buộc ràng,

Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,  
Mát lạnh, diệt sanh y,  
Bậc anh hùng chiến thắng,  
Nhiếp phục mọi thế giới,  
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn  
Sanh tử các chúng sanh,  
Không nhiễm, khéo vượt qua,  
Sáng suốt chân giác ngộ,  
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,  
Cùng với Càn thất bà,  
Không biết chỗ tho sanh,  
Lậu tận bậc La hán,  
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,  
Không một sở hữu gì,  
Không sở hữu không nắm,  
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,  
Bậc anh hùng, đại sĩ,

Bậc chiến thắng, không nhiễm,  
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,  
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,  
Thấy thiên giới, đọa xứ,  
Đạt được sanh diệt tận,  
Thắng trí, tự viên thành,  
Bậc mâu ni đạo sĩ,  
Viên mãn mọi thành tựu,  
Ta gọi Bà-la-môn.

## 129 Vậy ai yêu tự ngã, Chớ hại tự ngã người - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200

**Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 200 (Ud 47)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala có mặt với hoàng hậu Mallikà trên lầu thượng của hoàng cung, rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với hoàng hậu Mallikà:

- Này Mallikà có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?

- Thừa Đại vương, không có khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thừa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

- Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pesenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng của hoàng cung với Hoàng hậu Mallikà và con nói với Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?"

Khi được nói như vậy, bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mallikà trả lời với con: "Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với Thiếp hơn là tự ngã của Thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?" Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta".

Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này:

1. *Tâm ta đi cùng khắp,  
Tất cả mọi phương trời,  
Cũng không tìm thấy được,  
Ai thân hơn tự ngã,  
Tự ngã đối mọi người,  
Quá thân ái như vậy,  
Vậy ai yêu tự ngã,  
Chớ hại tự ngã người.*

## 130 Vậy người, hãy nên biết, Không chê ngự là ác - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Cầu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,  
Diêm sứ đang chờ Người,  
Người đứng trước cửa chết,  
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo**,  
Tinh cần gấp, sáng suốt.  
Trừ cầu ế, thanh tịnh,  
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,  
Tiền gần đến Diêm Vương.  
Giữa đường không nơi nghỉ,  
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,  
Tinh cần gấp, sáng suốt,  
Trừ cầu ế, thanh tịnh,  
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự**.

Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi

Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,  
Sắt sanh lại ăn sắt,  
Cũng vậy, quá lợi dưỡng  
Tự nghiệp dẫn côi ác.

241. Không tụng làm nhóp kinh,  
Không đứng dậy, bản nhà,  
Biếng nhác làm nhơ sắc,  
Phóng dật uế người canh.

242. Tà hạnh nhơ đàn bà,  
Xan tham nhóp kẻ thí,  
Ác pháp là vết nhơ,  
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,  
Vô minh, nhơ tối thượng,  
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,  
Thành bậc không uế nhiễm.

244. Đễ thay, sống không hồ,  
Sống lỗ mắng như quạ,  
Sống công kích huênh hoang,

Sống liêu lĩnh, nhiễm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,  
Thường thường cầu thanh tịnh,  
Sống vô tư, khiêm tốn,  
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,  
Nói láo không chân thật,  
Ở đời lấy không cho,  
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,  
Người sống đam mê vậy,  
Chính ngay tại đời này,  
**Tự đào bới gốc mình.**

248. Vậy người, hãy nên biết,  
**Không chế ngự là ác,**  
Chớ để tham phi pháp,  
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm  
Loài người mới bố thí.  
Ở đây ai bất mãn  
Người khác được ăn uống,  
Người ấy ngày hoặc đêm,

Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,  
Tận gốc nhỏ tâm ấy.  
Người ấy ngày hoặc đêm,  
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,  
**Chấp** nào bằng **sân hận**,  
**Lưới** nào bằng lưới **si**,  
**Sông** nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,  
Lỗi mình thấy mới khó,  
Lỗi người ta phanh tùm,  
Như sàng trấu trong gạo,  
Còn lỗi mình, che đây,  
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,  
**Thường** sanh lòng chỉ trích,  
**Người** ấy **lậu** hoặc **tăng**,  
**Rất** xa **lậu** hoặc **diệt**.

254. Hư không, không dấu chân,  
Ngoài đây, không Sa môn,  
**Chúng** sanh **thích** **hý luận**,

Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,  
Ngoài đây, không Sa môn.  
Các hành không thường trú,  
Chư Phật không giao động.

## 131 Vệ-đà được thông đạt - Câu này cần xem lại - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 118

### Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 118 (Ud 3)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây bàng Ajapala, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi trong một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy ra khỏi định. Có một Bà-la-môn thuộc dòng họ Huhunka, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên lời chào hỏi, sau khi nói lời chào hỏi thân hữu, rồi đứng một bên. Đứng một bên, Bà-la-môn ấy nói với Thế Tôn:

*- Tôn giả Gotama, cho đến như thế nào là Bà-la-môn, và những pháp nào tác thành Bà-la-môn?*

Thế Tôn sau khi biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

4. Vị Bà-la-môn nào,  
Loại trừ các ác pháp,

*Không kiêu, không ướn nể,  
Tự ngã khéo chế ngự,  
Vệ-đà được thông đạt, (??? Câu này cần xem  
lại)  
Phạm hạnh được viên thành,  
Vị Bà-la-môn ấy,  
Có thể nói lên được,  
Lời Phạm ngữ đúng pháp,  
Vị ấy ở đời này,  
Không hề có mạn tâm  
Bất cứ ở nơi nào.*

## 132 Vị - Người siêng tham đắm vị, Bỏ đích đem an lạc - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295

### Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujjeni trong gia đình của vị cô vãn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujjeni để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy,  
và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,  
Tránh quân chúng đua tranh,  
Người siêng **tham đắm vị**,  
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",  
Cung kính các gia đình,  
Là mũi tên nhỏ nhiệm,  
Thật khó được rút ra,  
Tôn trọng khó từ bỏ,  
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,  
Không phải là độc ác,  
Tùy thuộc vào người khác,  
Người khác nói hay làm,  
**Tự mình chớ có làm,  
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,  
Con người thành ăn trộm,  
Không vì người khác nói,  
Con người thành bậc Thánh.  
Như mình tự biết mình,*

*Chư Thiên biết mình vậy.*

498. Người khác không biết được,  
Đây ta sống một thời,  
Nhưng ai biết được vậy,  
Bậc trí sống lặng dịu.

499. Chỉ bậc trí sống mạnh,  
Dầu tài sản đoạn tận,  
Nếu không được trí tuệ,  
Có tiền như không sống,

Với vua hỏi về con mộng:

500. Với **tai** nghe tất cả,  
Với **mắt** thấy tất cả,  
Kẻ trí **bỏ** tất cả,  
**Như không thấy, không nghe,**

501. **Có mắt, như kẻ mù,**  
**Có tai như kẻ điếc,**  
**Có trí, như kẻ ngu,**  
**Có sức, như kẻ yếu,**  
**Để việc lành khởi lên,**  
**Nằm như kẻ chết nằm.**

# 133 Vị - Nếu tham vị khởi lên, Hãy nghĩ dụ thịt con - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277

## Brahmadatta – Tiểu III, 277 (221)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadata.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *nghe*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiecie mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

441. *Từ đâu phần nộ khởi,  
Với người không phần nộ,  
Với người được nhiếp phục,  
Sống nếp sống thắng bằng.  
Với vị, trí giải thoát,  
Phật an tịnh như vậy.*

442. Với ai bị chửi mắng,  
Lên tiếng chửi mắng lại,  
Người ấy tệ ác hơn,  
Người đã chửi mắng trước.  
- Với ai bị chửi mắng,  
Nhưng không chửi mắng lại,  
Người ấy được chiến thắng,  
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,  
Vừa lợi mình, lợi người,  
**Biết người khác phần nộ,**  
**Chánh niệm, tự lắng dịu.**

444. Là **thầy thuốc cả hai**,  
Cho mình và cho người,  
Quần chúng **ngĩ là ngu**,  
**Không khéo hiểu Chánh Pháp.**

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,  
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy  
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp  
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,  
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,  
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,  
Theo dục, theo sanh hữu,  
Hãy gấp nắm với niệm,  
Như nắm con vật ác,  
Đi vào trong ruộng lúa.***

## 134 Vị - Sự thật là vị ngọt tối thượng trong các vị - Kinh Alavaka - Tiểu I, 520

**Kinh Alavaka – Tiểu I, 520** (Sn 31)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Alavi, tại trú xứ của Dạ-xoa Alavaka. Rồi Dạ-xoa Alavaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ hai, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra:

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ ba, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Nay Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ tư, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- **Này Hiền giả, Ta sẽ không đi ra cho Ông. Ông cần gì hãy làm?**

- Nay Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm tâm trí Ngài điên loạn, hay ta sẽ bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ sông bên kia sông Hằng.

- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới với chư Thiên, với Ác ma và với Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân quăng Ta qua bên kia bờ sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, Ông cứ hỏi như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa với bài kệ nói với Thế Tôn:

Alavaka:

181. Ở đời, **tài sản** gì,  
Tối thắng cho con người?  
**Cái gì khéo thực hành,**  
Đem lại chơn an lạc?  
Cái gì trong **các vị,**  
Là vị ngọt tối thượng?  
**Nếp sống** như thế nào,  
Gọi nếp sống tối thắng?

Thế Tôn:

182. Ở đời này, **lòng tin,**  
Tối thắng cho con người,  
Cái gì khéo thực hành,  
Đem lại chơn an lạc?  
**Chánh pháp** khéo thực hiện,  
Đem lại chơn an lạc,  
**Sự thật** trong các vị,  
Là vị ngọt tối thượng,  
Nếp sống với **trí tuệ,**  
Là nếp sống tối thắng.

Alavaka:

183. **Thế nào vượt bậc lưu?**  
**Thế nào vượt biển lớn?**

*Thế nào vượt qua khổ?*  
*Thế nào thật thanh tịnh?*

Thế Tôn:

184. Với **tín**, vượt bậc lưu,  
**Không phóng dật**, vượt biển,  
Tinh **tấn**, vượt đau khổ,  
Với **tuệ**, được thanh tịnh.

Alavaka:

185. *Thế nào được trí tuệ?*  
*Thế nào được tài sản?*  
*Thế nào đạt danh xưng?*  
*Thế nào cột bạn hữu?*  
*Đời này qua đời sau,*  
*Thế nào, chết không sầu?*

Thế Tôn:

186. Tin tưởng bậc La-hán,  
Tin pháp, đạt Niết-bàn,  
**Khéo nghe**, được trí tuệ,  
Bậc trí, không phóng dật.

187. **Làm thích đáng trách nhiệm,**

**Phần đầu** được tài sản,  
Với **sự thật** được danh,  
**Bố thí** cột bạn bè.

188. Ai là người gia chủ,  
Tin tưởng bốn pháp này,  
**Sự thật** và **Chánh pháp**,  
**Kiên trì** và **bố thí**,  
Vị ấy sau khi chết,  
Nhất định không sầu muộn.

189. Hãy hỏi các vị khác,  
Sa-môn, Bà-la-môn,  
**Nếu có pháp nào khác**,  
**Ở đời, lại thắng hơn**,  
**Sự thật** và **niếp phục**,  
**Bố thí** và **kham nhẫn**?

Alavaka:

190. Sao nay con rộng hỏi,  
Sa-môn, Bà-la-môn,  
Nay con được rõ biết,  
Hiện, vị lai hạnh phúc.

191. Vì hạnh phúc cho con,  
Mong rằng bậc Giác Ngộ,

*Hãy đi đến an trú,  
Tại xứ Alavi.  
Nay con đã rõ biết.  
Chỗ nào thí, quả lớn.*

192. Con sẽ đi bộ hành,  
Làng này qua làng khác,  
Thành này qua thành khác,  
Đảnh lễ bậc Giác Ngộ,  
Đảnh lễ thiên pháp tánh  
Của Chánh pháp vi diệu.

## 135 Vị chiến thắng không bại, Vị bước đi trên đời - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phật Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,  
Vị bước đi trên đời,  
Không dấu tích chiến thắng,  
**Phật giới** rộng mênh mông,  
Ai dùng chân theo dõi,  
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,  
**Ái** phược hết dắt dẫn,  
*Phật giới* rộng mênh mông,  
Ai dùng chân theo dõi,  
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,  
Thích an tịnh viễn ly,  
Chư thiên đều ái kính,  
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,  
Khó thay, được sống còn,

Khó thay, nghe diệu pháp,  
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.  
Thành tựu các hạnh lành,  
Tâm ý giữ trong sạch,  
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;  
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.  
Niết bàn - quả tối thượng;  
Xuất gia không phá người;  
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,  
Hộ trì giới căn bản,  
Ăn uống có tiết độ,  
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh  
Chuyên chú tăng thượng tâm,  
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,  
Các **dục** khó thỏa mãn.  
Dục đáng nhiều, ngọt ít,  
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,

Không tìm cầu dục lạc,  
Dầu là dục chư thiên,  
**Chỉ ưa thích ái diệt.**

188. Loài người sợ hoảng hốt,  
Tìm nhiều chỗ quy y,  
Hoặc rừng rậm, núi non,  
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,  
Không quy y tối thượng.  
Quy y các chỗ ấy,  
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,  
Chánh pháp và chư tăng,  
Ai dùng chánh tri kiến,  
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,  
Thấy sự khổ vượt qua,  
Thấy **đường Thánh tám ngành**,  
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,  
Thật quy y tối thượng,  
Có quy y như vậy,

Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,  
Không phải đâu cũng có,  
Chỗ nào bậc trí sanh,  
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!  
Vui thay, **Pháp** được giảng!  
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!  
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,  
Chư Phật hoặc đệ tử,  
Các bậc vượt hý luận,  
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,  
Tịch tịnh, không sợ hãi,  
Các công đức như vậy,  
Không ai ước lường được.

## 136 Vị chỉ nghe một pháp và nghe một mình - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78

Ekadhamma Savanniya – *Tiểu III*, 78 (67)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sitavyà, trong gia đình một vị nghị sĩ. Khi Thế Tôn đến thăm Sitavyà, và ở tại rừng Singsapa, ngài đến nghe Thế Tôn giảng, đánh lễ ngồi xuống một bên, Thế Tôn hiểu được tâm tư ngài, dạy pháp cho ngài với câu kệ: "*Các hành là vô thường*".

Và ngài nhờ ảnh hưởng đời trước, thấy sự thật rõ ràng hơn, xuất gia tìm học nghĩa chữ *đau khổ*, nghĩa chữ *vô ngã*, **triển khai thiên quán** và chứng quả A-la-hán.

Vì ngài chỉ nghe ***một pháp*** và chỉ nghe ***một mình*** mà chứng được Thánh quả, nên ngài được tên *Ekadhamma Savanniya (vị được nghe một pháp)*, ngài tuyên bố chánh trí trong bài kệ như sau:

*67. Phiền não ta đốt cháy,  
Mọi hữu được nhỏ lên,  
Đường luân hồi đoạn tận,  
Nay không còn tái sanh.*



## 137 Vị của Chánh pháp - Kinh Bandhura – Tiểu III, 110

### **Bandhura** – *Tiểu III, 110* (103)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Silavatì, con của một người nghị sĩ được đặt tên là *Bandhara*.

Một hôm, đi đến Sàvatthi có công việc, ngài đi với một số cư sĩ đến ngôi tinh xá, nghe Thế Tôn thuyết giảng, khởi lòng tin, **xuất gia và chứng quả A-la-hán**.

Để đền ơn vị vua của mình, đã giúp đỡ cho ngài thành công, ngài đi đến Silavatì để thuyết pháp, giảng cho vị vua về **Bốn sự thật**. Vị vua trở thành một Phật tử, xây dựng một ngôi tinh xá lớn đặt tên là Sudassana, cúng dường cho ngài. Ngài cúng dường tất cả cho giáo hội, đi khát thực như lúc trước và ngài muốn đi đến Sàvatthi. Các Tỷ-kheo nói với ngài: "*Hãy ở lại đây với chúng tôi, nếu Hiền giả thiếu thốn điều gì, chúng tôi sẽ tìm kiếm cho Hiền giả!*"

Ngài trả lời: "*Tôi không có cần điều gì khác, tôi sống với những gì tôi có được. Tôi tự bằng lòng với **vị của Chánh pháp***". Và ngài nói lên bài kệ:

*103. Ta không có cần thiết,*

Việc này hay vật này,  
Ta sống trong hạnh phúc,  
**Thọ hưởng được pháp vị.**  
Sau khi uống vị ngọt,  
Tối thượng và đệ nhất,  
Ta sẽ không thân thiết,  
Với thuốc độc nọc độc.

## 138 Vị ngọt - Sự thật là vị ngọt tôi thưởng trong các vị - Kinh Alavaka - Tiểu I, 520

**Kinh Alavaka – Tiểu I, 520** (Sn 31)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Alavi, tại trú xứ của Dạ-xoa Alavaka. Rồi Dạ-xoa Alavaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ hai, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra:

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ ba, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ tư, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- **Này Hiền giả, Ta sẽ không đi ra cho Ông. Ông cần gì hãy làm?**

- Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm tâm trí Ngài điên loạn, hay ta sẽ bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ sông bên kia sông Hằng.

- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới với chư Thiên, với Ác ma và với Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân quăng Ta qua bên kia bờ sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, Ông cứ hỏi như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa với bài kệ nói với Thế Tôn:

Alavaka:

181. Ở đời, **tài sản** gì,  
Tối thắng cho con người?  
**Cái gì khéo thực hành,**  
Đem lại chơn an lạc?  
Cái gì trong **các vị,**  
Là vị ngọt tối thượng?  
**Nếp sống** như thế nào,  
Gọi nếp sống tối thắng?

Thế Tôn:

182. Ở đời này, **lòng tin,**  
Tối thắng cho con người,  
Cái gì khéo thực hành,  
Đem lại chơn an lạc?  
**Chánh pháp** khéo thực hiện,  
Đem lại chơn an lạc,  
**Sự thật** trong các vị,  
Là vị ngọt tối thượng,  
Nếp sống với **trí tuệ,**  
Là nếp sống tối thắng.

Alavaka:

183. Thế nào vượt bực lưu?  
Thế nào vượt biển lớn?  
Thế nào vượt qua khổ?  
Thế nào thật thanh tịnh?

Thế Tôn:

184. Với **tín**, vượt bực lưu,  
**Không phóng dật**, vượt biển,  
Tinh **tấn**, vượt đau khổ,  
Với **tuệ**, được thanh tịnh.

Alavaka:

185. Thế nào được trí tuệ?  
Thế nào được tài sản?  
Thế nào đạt danh xưng?  
Thế nào cột bạn hữu?  
Đời này qua đời sau,  
Thế nào, chết không sầu?

Thế Tôn:

186. Tin tưởng bậc La-hán,  
Tin pháp, đạt Niết-bàn,  
**Khéo nghe**, được trí tuệ,  
Bậc trí, không phóng dật.

187. *Làm thích đáng trách nhiệm,  
Phân đầu* được tài sản,  
Với *sự thật* được danh,  
*Bố thí* cột bạn bè.

188. *Ai là người gia chủ,  
Tin tưởng bốn pháp này,  
Sự thật và Chánh pháp,  
Kiên trì và bố thí,  
Vị ấy sau khi chết,  
Nhất định không sầu muộn.*

189. *Hãy hỏi các vị khác,  
Sa-môn, Bà-la-môn,  
Nếu có pháp nào khác,  
Ở đời, lại thắng hơn,  
Sự thật và nhiếp phục,  
Bố thí và kham nhẫn?*

Alavaka:

190. *Sao nay con rộng hỏi,  
Sa-môn, Bà-la-môn,  
Nay con được rõ biết,  
Hiện, vị lai hạnh phúc.*

191. Vì hạnh phúc cho con,  
Mong rằng bậc Giác Ngộ,  
Hãy đi đến an trú,  
Tại xứ Alavi.

Nay con đã rõ biết.  
Chỗ nào thí, quả lớn.

192. Con sẽ đi bộ hành,  
Làng này qua làng khác,  
Thành này qua thành khác,  
Đảnh lễ bậc Giác Ngộ,  
Đảnh lễ thiện pháp tánh  
Của Chánh pháp vi diệu.

## 139 Vị thuộc một câu kệ - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

### Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng ẩn sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo (vị thuộc một câu kệ)*.

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,  
Không phóng dật, tu tập,*

*Trên con đường chánh trí,  
Vị ấy không sâu muộn,  
Luôn luôn được an tịnh,  
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

## 140 Vị tri đương tri căn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 367

**Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 367** (Tik.  
II, 3) (It. 53)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba căn** này. Thế nào là ba? **Vị tri đương tri căn, tri căn, cụ tri căn** (căn: "Tôi sẽ biết điều chưa được biết"; căn về sự biết; căn của người đã biết). Này các Tỷ-kheo, có ba loại căn này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Vị hữu học học tập,  
Đi theo con đường thẳng,  
Ở trong sự diệt tận,  
Trí thứ nhất khởi lên,  
Từ đó không gián đoạn,  
Tiếp theo là chơn trí,  
Chính từ chơn trí ấy,  
Đạt được sự giải thoát,  
Chắc chắn vị như vậy,  
Là vị có chánh trí,  
**Giải thoát ta bất động,**

*Nhờ diệt hữu kiết sử,  
Vị đầy đủ các căn,  
Chắc chắn được an tịnh,  
Và ưa thích con đường,  
Đưa đến sự an tịnh,  
Mang thân thể cuối cùng,  
Sau khi đánh bại được,  
Ác ma với con voi,  
Được cỡi khi lâm trận.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

## 141 Vị trọc đầu, đắp y, Được nhiều kẻ thù oán - Kinh Tissa – Tiểu III, 146

**Tissa – Tiểu III, 146 (137)**

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng **bùa chú** cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang.

Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do **phát triển thiền quán**. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. *Vị trọc đầu, đắp y,  
Được nhiều kẻ thù oán,  
Khi nhận đồ ăn uống,  
Vải mặc và chỗ nằm.*

154. *Biết nguy hiểm như vậy,*

*Biết có sợ hãi lớn,  
Trong cung kính cúng dường;  
Vị Tỷ-kheo xuất gia,  
Nhận ít, không tham đắm,  
Luôn luôn giữ chánh niệm.*

## 142 Vị tỷ kheo thích pháp, Mến pháp, suy tư Pháp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102

Phẩm Tỷ Kheo – *Tiểu I*, 102

360. Lành thay, **phòng hộ** mắt,  
Lành thay, phòng hộ tai,  
Lành thay, phòng hộ mũi,  
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,  
Lành thay, phòng hộ lời,  
Lành thay, phòng hộ ý,  
Lành thay, phòng tất cả,  
Tỷ kheo phòng tất cả,  
Thoát được mọi khổ đau.

362. **Người chế ngự tay chân,  
Chế ngự lời và đầu,  
Vui thích nội thiền định,  
Độc thân, biết vừa đủ,  
Thật xứng gọi tỷ kheo.**

363. **Tỷ kheo chế ngự miệng,  
Vừa lời, không cống cao,  
Khi trình bày pháp nghĩa,**

Lời lẽ dịu, ngọt ngào.

364. Vị tử kheo thích pháp,  
Mến pháp, suy tư Pháp,  
Tâm tư niệm Chánh Pháp,  
Không rời bỏ Chánh Pháp.

365. Không khinh điều mình được,  
Không ganh người khác được,  
Tỷ kheo **ganh** tị người,  
Không sao chứng Thiền Định.

366. Tỷ kheo dàu được ít,  
Không khinh điều mình được,  
Sống thanh tịnh không nhác,  
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,  
Không chấp Ta, của Ta.  
Không chấp, không sầu não,  
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo **trú từ bị**,  
Tín thành giáo Pháp Phật,  
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,  
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,  
Thuyền không, nhẹ đi mau,  
Trừ tham, diệt sân hận,  
Tất chúng đạt Niết-Bàn.

370. Đoạn năm, từ bỏ năm,  
Tụ tập năm tối thượng,  
Tỷ kheo vượt năm ái,  
Xứng danh "Vượt bực lưu".

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,  
Chớ buông lung phóng dật,  
Tâm chớ đắm say dục,  
Phóng dật, nuốt sắt nóng,  
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,  
Không thiền, không trí tuệ,  
Người có thiền có tuệ,  
Nhất định gần Niết-Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,  
Tỷ kheo tâm an tịnh,  
Thọ hưởng vui siêu nhân,  
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. Người luôn luôn chánh niệm,

**Sự sanh diệt các uẩn,  
Được hoan hỷ, hân hoan,  
Chỉ bậc bất tử biết.**

375. Đây Tỷ kheo có trí,  
Tụ tập pháp căn bản,  
Hộ căn, biết vừa đủ,  
Giữ gìn căn bản giới,  
Thường gần gũi bạn lành,  
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. **Giao thiệp khéo thân thiện,  
Cử chỉ mực đoan trang,  
Do vậy hưởng vui nhiều,  
Sẽ dứt mọi khổ đau.**

377. Như hoa Vassikà,  
Quăng bỏ cánh úa tàn,  
Cũng vậy vị Tỷ kheo,  
Hãy giải thoát tham sân.

378. **Thân tịnh, lời an tịnh,  
An tịnh, khéo thiền tịnh,  
Tỷ kheo bỏ thế vật,  
Xứng danh bậc tịch tịnh.**

379. **Tự mình chỉ trích mình,**

Tự mình dò xét mình,  
Tỷ kheo tự phòng hộ,  
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,  
Tự mình đi đến mình,  
Vây hã tự điều phục,  
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,  
Tịnh tín giáo pháp Phật,  
Chứng cảnh giới tịch tịnh,  
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,  
Siêng tu giáo pháp Phật,  
Soi sáng thế gian này,  
Như trăng thoát khỏi mây.

## 143 Vị Đệ nhất tự chế ngự - Kinh Nanda – Tiểu III, 148

**Nanda – Tiểu III, 148 (139)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Suddhodana (Tinh Phan) và bà Mahàpajàpati,** vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu.**

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu,** rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai.**

Ngày thứ ba khi đi khất thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng.**

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi

Nanda, **nhờ thiền định, phát triển thiền quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "**Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đăm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn**". Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,  
Ta chuyên trang sức ngoài,  
Ta thô tháo dao động,  
Say đắm trong tham **dục**.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,  
Ta, bà con mặt trời,  
Được hướng về chánh lý,  
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

## 144 Vị đã thấy, thấy được, Người thấy, người không thấy - Kinh Vappa – Tiểu III, 72

### Vappa – Tiểu III, 72 (61)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavàthu, con Bà-la-môn Vàsetha.

Khi nghe Tu sĩ **Asita** đoán tướng **Thái tử Siddhatta** sẽ thành đạo, **Vappa** cùng bốn người con Bà-la-môn với **Kondannà (Kiều Trần Như)** là người dẫn đầu, trở thành những người Tu sĩ.

Khi Thái tử tu khổ hạnh trong sáu năm, Vappa với bốn người bạn cùng đồng tu khổ hạnh. Về sau khi Thái tử thôi tu khổ hạnh, năm vị này chán nản đi về Isipatana.

Sau khi đức Phật thành đạo và Chuyển pháp luân ở Isapatana, Vappa với bốn người bạn được cảm hóa và đến ngày thứ năm cả năm vị đều chứng quả A-la-hán.

Suy tư trên sự hùng lực của bậc Đạo Sư, sự mù quáng của thế giới, và như thế nào Thánh quả đem lại chánh trí, ngài nói lên bài kệ:

*61. Vị đã thấy, thấy được,  
Người thấy, người không thấy,  
Vị không thấy, không thấy,  
Người không thấy, người thấy.*

## 145 Vọng tưởng - Hãy chớ để tự mình, An trú trên vọng tưởng - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I, 744*

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,  
Bậc bà con mặt trời,  
Con đường đến viễn ly,  
Con đường đến an tịnh,  
Tỷ-kheo sau khi thấy,  
Làm thế nào mát lạnh,  
Không có sự chấp thủ,  
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:  
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,  
Gốc rễ các hý luận,  
Mọi tư tưởng "tôi là",  
Tất cả phải chấm dứt,  
Phàm có nội ái nào,  
Sau khi nhiếp phục chúng,***

*Thường chánh niệm học tập.*

917. Phàm có loại pháp gì,  
Được thắng tri hoàn toàn,  
Hoặc thuộc về nội pháp,  
Hay thuộc về ngoại pháp,  
Chớ có làm kiên trì,  
Bất cứ một pháp nào,  
Trạng thái ấy không gọi,  
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:  
Cái kia là tốt hơn,  
Đây là hạ liệt hơn,  
Hay đây là ngang bằng,  
Do phải bị xúc chạm,  
Với các sắc sai biệt,  
**Hãy chớ để tự mình,**  
**An trú trên vọng tưởng.**

919. Hãy giữ được an tịnh,  
Về phía tự nội tâm,  
Ty-kheo không cầu tìm,  
An tịnh từ chỗ khác,  
Với người được an tịnh,  
Từ phía tự nội tâm,  
**Đã không có tự ngã,**

*Từ đâu có vô ngã.*

920. *Như chính giữa trung ương,  
Của biển cả đại dương,  
Sóng biển không có sanh,  
Biển hoàn toàn đứng lặng,  
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,  
**Hãy đứng lặng không động,**  
**Không tạo nên bông bột,**  
**Đối sự gì ở đời.***

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**  
Đã tuyên bố rõ ràng,  
Pháp có thể chế ngự,  
Mọi nguy hiểm khó khăn,  
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**  
**Tuyên bố rõ con đường,**  
**Hay về **biệt giải thoát,****  
**Hoặc về **pháp thiên đình?*****

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,**  
**Đầy đầy những tham đắm!**  
**Hãy chận đứng lỗ tai,***

*Nghe câu chuyện của làng.  
Lại chớ nên đắm say,  
Các mùi vị ngon lành,  
Chớ xem là của ta,  
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,  
Với các loại cảm xúc,  
Tỷ-kheo không than van,  
Bất cứ một điều gì.  
Vị ấy không cầu mong,  
Dầu loại sanh hữu nào,  
Và không có run sợ,  
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thô được,  
Cùng với các đồ uống,  
Các món ăn nhai được,  
Các đồ vải mặc được,  
Chớ có cất chứa chúng,  
Những đồ vật nhân được,  
Chớ có quá lo âu,  
Nếu không thô được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,  
Chớ làm kẻ lang thang,  
Chớ ưa thích trạo cử,*

**Đừng rơi vào phóng dật,**  
Đối với các chỗ ngồi,  
Cùng với các chỗ nằm,  
Tỷ-kheo hãy an trú,  
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ nghỉ có chừng mực,**  
**Chớ có ngủ quá nhiều,**  
Hãy luôn luôn tỉnh thức,  
Nỗ lực và nhiệt tâm,  
**Hãy từ bỏ biếng nhác,**  
**Man trá, cười, chơi đùa,**  
**Hãy từ bỏ dâm dục,**  
**Bỏ ưa thích trang điểm.**

927. **Chớ có dùng bùa chú,**  
A-thar-va Vệ-đà,  
Chớ tổ chức đoán mộng,  
Coi tướng và xem sao,  
Mong rằng đệ tử Ta,  
Không đoán tiếng thú kêu,  
Không chữa bệnh không sanh,  
Không hành nghề lang băm.

928. **Tỷ-kheo không run sợ,**  
**Khi bị người chỉ trích,**  
**Cũng không có cống cao,**

*Khi được khen tán thán,  
Hãy từ bỏ tham ái,  
Cùng với tánh xan tham,  
Kể luôn cả phần nô,  
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Tỷ-kheo không an trú,  
Trong nghề nghiệp bán buôn,  
Lại không có chỉ trích,  
Bất cứ tại chỗ nào,  
Khi ở tại thôn làng,  
Không tức giận một ai,  
*Chớ có vì lợi dưỡng,  
Nói chuyện với quần chúng.*

930. Tỷ-kheo không nên nói,  
Khoa trương quá mức độ,  
Và cũng không nói lời,  
Có dụng ý lợi dưỡng.  
*Chớ có học tập theo,  
Lối sỗ sàng trâng tráo,  
Chớ có thốt ra lời,  
Khiêu khích xung đột ai!*

931. Chớ có bị dắt dẫn,  
Rơi vào lời nói láo,  
Không cố ý làm nên,

Điều man trá giả dối,  
Chớ có khinh người khác,  
Về vấn đề sinh mạng,  
Về vấn đề trí tuệ,  
Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,  
Nhiều ngôn từ lời lẽ,  
Của các vị Sa-môn,  
Hay những kẻ phàm phu,  
**Chớ có phản ứng họ,**  
**Với những lời thô ác,**  
Bậc hiền lành an tịnh,  
Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,  
Pháp này là như vậy,  
Tỷ-kheo hãy học tập,  
Sáng suốt và chánh niệm,  
Rõ biết sự mát lạnh,  
Được gọi bậc "an tịnh",  
Chớ có sống phóng dật,  
Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,  
Không ai chiến thắng nổi  
Tự mình thấy được pháp,

*Không nghe theo tin đồn,  
Do vậy **hãy học tập,**  
**Luôn luôn không phóng dật,**  
Với **tâm tư cung kính,**  
Lời dạy đức Thế Tôn,  
Thế Tôn nói như vậy.*

## 146 Vọng tưởng nhiều quá - Tâm không định được thì làm sao\_ - Kinh Kula – Tiểu III, 29

**Kula – Tiểu III, 29 (19)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thăng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định.

Một ngày kia đi khát thực, ngài thấy *người dẫn nước* bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy *người làm cung tên* uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những *người làm xe sửa soạn* trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến **ba phương pháp nhiếp phục** này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

**19. Người trị thủy *dẫn nước*,  
Kẻ làm tên *nắn tên*,**

*Người thợ mộc uốn gỗ,  
Bậc tự điều, điều thân.*

## 147 **Vọng động - Do vậy ngăn vọng động, Không vọng hướng, hãy thiền - Kinh Sundata Bạn Của Con Kumà – Tiểu III, 46**

Sundata Bạn Của Con Kumà – *Tiểu III*, 46 (37)

Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, tại thành Velukanda, trong một gia đình giàu có tên *Sudanta*. Có người nói ngài tên là *Vasulokì*.

Ngài trở thành bạn thân với con của Kumà. Khi con của Kumà xuất gia, ngài nghĩ đạo của con Kumà không thể là đạo tâm thường nên đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Nghe xong, ngài cảm thấy nhiều xúc động và xuất gia. Ngài cùng an trú với con của Kumà trên sườn đồi để tu hành.

Trong lúc ấy, nhiều Tỷ-kheo bộ hành nhiều địa phương, đến an trú tại chỗ hai vị này và tạo nên cảnh ồn ào. Sudanta, tâm thiền định bị chi phối, lấy sự kiện này làm đề tài để tinh tấn tu hành và nói lên bài kệ này:

*37. Bộ hành nhiều xứ sở,  
Với hạnh không suy tưởng,  
Thiền đốt phân thiền định,*

*Đi khắp xứ làm gì?  
Do vậy, ngăn vọng động,  
Không vọng hướng, hãy thiền.*

## 148 Với ai bị chửi mắng, Lên tiếng chửi mắng lại - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277

### Brahmadatta – Tiểu III, 277 (221)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadata.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *nghĩa*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

441. **Từ đâu phần nộ khởi,  
Với người không phần nộ,  
Với người được nhiếp phục,  
Sống nếp sống thắng bằng.  
Với vị, trí giải thoát,  
Phật an tịnh như vậy.**

442. Với ai bị chửi mắng,  
Lên tiếng chửi mắng lại,  
Người ấy tệ ác hơn,  
Người đã chửi mắng trước.  
- Với ai bị chửi mắng,  
Nhưng không chửi mắng lại,  
Người ấy được chiến thắng,  
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,  
Vừa lợi mình, lợi người,  
**Biết người khác phần nộ,**  
**Chánh niệm, tự lắng dịu.**

444. Là **thầy thuốc cả hai**,  
Cho mình và cho người,  
Quần chúng **nghĩ là ngu**,  
**Không khéo hiểu Chánh Pháp.**

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,  
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy  
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp  
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,  
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,  
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,  
Theo dục, theo sanh hữu,  
Hãy gấp nắm với niệm,  
Như nắm con vật ác,  
Đi vào trong ruộng lúa.***

## 149 Với ai các hý luận, Không còn có an trú - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 259

**Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 259 (Ud 77)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi quán sát sự từ bỏ, đoạn diệt các hý luận tướng.

Rồi Thế Tôn sau khi biết sự từ bỏ, đoạn diệt các tướng hý luận của mình, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Với ai các **hý luận**,  
Không còn có an trú,  
Thoát ly được liên hệ,  
Thoát ly được **ảo tướng**,  
Chư Thiên và thế giới,  
Không thể nào rõ biết,  
Sở hành vị ẩn sĩ,  
Đã vượt khỏi **tham ái**.*

## 150 Với ai khéo tu tập, Niệm thờ vào thờ ra - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319

**Mahà Kappina** – *Tiểu III*, 319 (235)  
(MahaKiếpTânNa)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên Kukkuta, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là *Kappina*. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi **vua** với tên là *Mahà-Kappina*.

Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở Sàvatthi. Các thương gia của thành phố Sàvatthi đem đồ đến Kukkutta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sàvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: "*Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời*".

Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo thương gia nói lại ba lần, và thưởng chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia

cũng nói đến **Pháp báu** và **Tặng báu**, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia.

Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bôn Su và đi đến sông Hằng. **Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tôi thượng thời móng chân các con ngựa không bị thấm ướt!** Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông Candabhàgà.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, **với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xem xung quanh thế giới** và thấy Mahà Kappina đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào Sàvatthi khát thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông Candabhàgà, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bên nước và phóng hào quang. Mahà Kappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đánh lễ đức Phật.

**Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán.** Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: "Hãy đến, các Tỷ-kheo", và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về Jetavana ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi Mahà Kappina có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi Mahà Kappina và khuyên Mahà Kappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahà Kappina

vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la-hán. Rồi đức Phật xác nhận Mahà Kappina là **vị thuyết pháp đệ nhất** cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. *Ai thấy sớm sự việc,  
Trước khi sự việc đến,  
Và biết được cả hai,  
Có lợi hay có hại,  
Thù hay bạn người ấy,  
Không thấy được sơ hở,  
Dầu quan sát kỹ càng.*

548. *Với ai khéo tu tập,  
**Niệm thở vào thở ra,**  
Tiếp tục hành viên mãn,  
Như lời Phật thuyết giảng,  
Sẽ chói sáng đời này,  
Như **trăng** thoát vùng **mây**.*

549. ***Tâm** ta thật trắng bạch,  
Vô lượng, khéo tu tập,  
Thấu triệt, chế ngự vững,  
Chói sáng khắp mọi phương.*

550. **Bậc có tuệ vẫn sống,  
Dầu tài sản kiệt tận,  
Không có được trí tuệ,  
Có tiền, như không sống.**

551. Tuệ phê phán điều nghe,  
Tuệ tăng trưởng danh xưng,  
Ở đời người có tuệ,  
Được vui trong đau khổ.

552. **Pháp này thuộc hiện tại,**  
Không vì diệu hy hữu,  
Đâu có sanh, thì chết,  
Đây không gì hy hữu.

553. *Sanh đã không gián đoạn,  
Sống có chết thường hằng,  
Sanh sanh, chết tại đây,  
**Pháp hữu tình là vậy.***

554. Điều lợi cho kẻ sống,  
Không lợi cho kẻ chết,  
Than khóc cho kẻ chết,  
Không danh, không thanh tịnh,  
Không được hàng Sa-môn,  
Bà-la-môn tán thán.

555. Than khóc hại thân, mất,  
Dung sắc, lực và trí,  
Nếu tâm tư, hoan hỷ,  
Các phương cũng hân hoan,  
Dầu hạnh phúc đi tìm,  
Không có gì an lạc.

556. *Do vậy các cư sĩ,  
Muốn nhận trong gia đình,  
Chỉ những người có trí,  
Và những người nghe nhiều,  
Với sức mạnh trí tuệ,  
Họ làm tròn nhiệm vụ,  
Như chiếc thuyền vượt qua,  
Con sông nước tràn đầy.*

## 151 Với ai lậu hoặc đoạn, Không y tựa đồ ăn - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100

**Vijaya – Tiểu III, 100 (92)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vijaya.

Khi được học giáo lý Bà-la-môn, ngài xuất gia, đời sống một vị ẩn sĩ, sống trong rừng, thực hành thiền định. Ngài nghe đến sứ mệnh của đức Phật, hoan hỷ đến kính chào Thế Tôn và nghe pháp. Rồi ngài xuất gia trong giới luật của đức Phật, **không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Ngài nói lên chánh trí của ngài trong bài kệ sau đây:

*92. Với ai, lậu hoặc đoạn,  
Không y tựa đồ ăn,  
Hành xứ, không, vô tướng,  
Giải thoát cũng như vậy,  
Như chim trên hư không,  
Dấu chân thật khó tìm.*

## 152 Với ai những công việc, Cần phải làm từ trước - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192

**Bàkula – Tiểu III, 192 (172)**

Ngài sanh ở Kosambi, trong một gia đình có chức vụ, trước khi bậc Đạo Sư sanh ra, và ngài được đem đi tắm ở sông Yamunà để được sức khỏe, và một con cá nuốt ngài trong tay người vú.

Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. Khi con cá bị mổ ra, đứa con nít nhờ phước nghiệp đời trước, nên còn sống không bị thương tích.

Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ, và khi bà nghe được câu chuyện của ngài, và hỏi về cha mẹ. Vua trong nước quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của hai gia đình, và do vậy ngài được tên là Bàkula (hai gia đình).

Sau một đời sống giàu sang, ngài nghe đức Bôn Su thuyết pháp, xuất gia khi tám mươi tuổi. Trong bảy ngày, ngài chưa được giấc ngủ, nhưng ngày thứ tám, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp.

Một hôm, khi ấn chứng vị trí tu hành cho các vị đệ tử, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là **vị đệ tử có sức**

**khỏe độ nhất.** Về sau, khi sắp sửa mệnh chung ngài nói lên chánh trí của ngài giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

225. Với ai những công việc,  
Cần phải làm từ trước,  
Về sau, vị ấy mới,  
Có ý định muốn làm.  
Vị ấy tự phá hoại,  
Căn cứ địa an lạc,  
Về sau, chịu khổ đau,  
Trong nung nấu hối tiếc.

226. *Hãy nói điều có làm,  
Không nói điều không làm,  
Bậc Hiền trí rõ biết,  
Người chỉ nói, không làm.*

227. Niết-bàn nhiệm màu lạc,  
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,  
Không sâu muộn, ly tham,  
Thật sự là an ổn,  
Tại đây, sự đau khổ,  
Được đoạn diệt hoàn toàn.

## 153 Với ai, loài trời, người, Cùng với Càn thát bà - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,  
Hãy tinh tấn đoạn dòng,  
Từ bỏ các dục lạc,  
Biết được hành đoạn diệt,  
Người là **bạch vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,  
Đến được bờ bên kia,  
Bà-la-môn có trí,  
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,  
Cả hai bờ không có,  
Lìa khổ, không trói buộc,  
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,  
Phận sự xong, vô lậu,  
Đạt được đích tối thượng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,  
*Mặt trăng* sáng ban đêm,  
*Khí giới* sáng Sát ly,  
*Thiền định* sáng Phạm chí,  
**Còn hào quang đức Phật,**  
**Chói sáng cả ngày đêm.**

388. **Dứt ác** gọi Phạm chí,  
**Tinh hạnh** gọi Sa môn,  
**Tự mình xuất cầu uế,**  
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,  
Phạm chí chớ đập lại,  
Xấu thay đập Phạm chí,  
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,  
Đây không lợi ích nhỏ,  
**Khi ý không ái luyến,**  
**Tâm hại được chận đứng,**  
**Chỉ khi ấy khổ diệt.**

391. Với người thân miệng ý,  
Không làm các ác hạnh,  
Ba nghiệp được phòng hộ,  
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,  
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,  
Hãy kính lễ vị ấy,  
N như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,  
Không vì đầu bện tóc,  
Không chủng tộc, thọ sanh,  
Ai thật chân, chánh, tịnh,  
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,  
Bện tóc với da dê,  
Nội tâm toàn phiền não,  
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,  
Gầy ốm, lộ mạch gân,  
Độc thân thiền trong rừng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,  
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,  
Chỉ được gọi tên suông,  
Nếu tâm còn phiền não,  
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,  
Không còn gì lo sợ,  
Không đăm trước buộc ràng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,  
Bỏ dây, đồ sở thuộc,  
Bỏ then chốt, sáng suốt,  
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,  
Phỉ báng, đánh, phạt hình,  
Lấy **nhẫn** làm quân lực,  
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bồn phận,  
Trì giới, không tham ái,  
Nhiếp phục, thân cuối cùng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,  
Như hột cải đầu kim,  
**Người không nhiễm ái dục,**  
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,  
Giác khổ, diệt trừ khổ,  
Bỏ gánh nặng, giải thoát,  
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,  
Khéo biết đạo, phi đạo,  
Chứng đạt đích vô thượng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,  
Xuất gia và thế tục,  
Sống độc thân, ít dục,  
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,  
Yếu kém hay kiên cường,  
Không giết, không bảo giết,  
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,  
Ôn hòa giữa hung hăng,  
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,  
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,  
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,  
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,  
Lợi ích và chân thật,  
Không mất lòng một ai,  
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,  
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,  
Phàm không cho không lấy,  
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,  
Đời này và đời sau,  
Không hy cầu, giải thoát,  
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,  
Có trí, không nghi hoặc,  
**Thể nhập vào bất tử,**  
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,  
Không nhiễm cả thiện ác,  
Không sâu, sạch, không bụi,  
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,  
Sáng trong và tĩnh lặng,  
Hữu ái, được đoạn tận,  
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,  
Nhiếp phục luân hồi, si,  
Đến bờ kia thiên định,  
Không dục ái, không nghi,  
Không chấp trước, tịch tịnh,  
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,  
Bỏ nhà, sống xuất gia,  
**Dục hữu** được đoạn tận,  
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,  
Bỏ nhà, sống xuất gia,  
**Ái hữu** được đoạn tận,  
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,  
Vượt trói buộc cõi trời,  
Giải thoát mọi buộc ràng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,  
Mát lạnh, diệt sanh y,  
Bậc anh hùng chiến thắng,  
Nhiếp phục mọi thế giới,  
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn  
Sanh tử các chúng sanh,  
Không nhiễm, khéo vượt qua,  
Sáng suốt chân giác ngộ,  
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,  
Cùng với Càn thất bà,  
Không biết chỗ thọ sanh,  
Lậu tận bậc La hán,  
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,  
Không một sở hữu gì,  
Không sở hữu không nắm,  
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,  
Bậc anh hùng, đại sĩ,  
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,  
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,  
Thấy thiên giới, đọa xứ,  
Đạt được sanh diệt tận,  
Thắng trí, tự viên thành,  
Bạc mâu ni đạo sĩ,  
Viên mãn mọi thành tựu,  
Ta gọi Bà-la-môn.

## 154 Với ai, những công việc, Cần phải làm từ trước - Kinh Harita – Tiểu III, 208

**Harita** – *Tiểu III*, 208 (184)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn. Vì tự kiêu sanh trong giai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là *hạ sanh*.

Khi khởi lòng tin xuất gia, vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ấy. Nhưng một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng, ngài ôn lại tâm tư của mình và ngài thấy lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. **Đoạn tận kiêu mạn** ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó sống trong an lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỷ-kheo:

*260. Với ai, những công việc,  
Cần phải làm từ trước,  
Về sau, vị ấy mới,  
Có ý định muốn làm.  
Vị ấy, tự phá hoại,  
Căn cứ địa an lạc,*

*Về sau chịu khổ đau,  
Trong nung nấu hối tiếc.*

*261. Hãy nói điều có làm,  
Không nói điều không làm,  
Bậc Hiền trí rõ biết,  
Người chỉ nói, không làm.*

*262. Niết-bàn khéo an lạc,  
Bậc Chánh giác thuyết giảng,  
Không sâu muộn, ly tham,  
Thật sự, là an ổn,  
Tại đây, nỗi đau khổ,  
Được đoạn diệt hoàn toàn.*

## 155 Với ai, trong nội tâm, Không có lòng phần nộ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 148

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 148 (Ud 18)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Anupiya tại rừng xoài. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha**, đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, và thường hay nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"

Một số đông Tỷ-kheo nghe Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, thường nói lên lời cảm hứng: " Ôi, an lạc thay! Ôi an lạc thay!". Nghe vậy, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Không gì nghi ngờ chư Hiền, Tôn giả Bhaddiya con của Kàlighodha sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, vì trước khi còn ở gia đình được hưởng an lạc nhà vua, vì Tôn giả nhớ đến an lạc ấy, nên khi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây... thường nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!" Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bhaddiya con của Kàligodha khi đi đến rừng... nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"... không có nghi ngờ gì nữa.. sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... " Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

*- Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta nói với Bhaddiya, con của Kàligodha: "Thưa hiền giả, bậc Đạo sư gọi Hiền giả! "*

- Thưa vâng bạch Thế Tôn.

Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha:

- Thưa Hiền giả, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha, vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha, đang ngồi một bên:

*- Có thật chẳng, này Bhaddiya, Thầy đi đến khu rừng "... Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"*

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

*- Do thấy mục đích gì đi đến khu rừng "... an lạc?"*

- Bạch Thế Tôn, thuở trước khi còn ở trong gia đình, được hưởng an lạc nhà vua, trong nội cung có đặt người khéo bảo vệ, ngoài nội cung có đặt người khéo bảo vệ; trong thành nội có đặt người khéo bảo vệ, ngoài thành có đặt người khéo bảo vệ. Trong nước cũng có đặt người khéo bảo vệ, ngoài nước cũng có đặt người khéo bảo vệ. Bạch Thế Tôn, con được bảo vệ phòng giữ như vậy, nhưng con vẫn sống sợ hãi, hồi hộp, run sợ, hoảng sợ. Nhưng nay con đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, con sống một mình, con sống không sợ hãi, không hồi hộp, không run sợ, không hoảng sợ, không rợn rùng, không hốt hoảng, lắng dịu, nhẹ nhàng, tâm như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, do thấy mục đích như vậy, nên con khi đi đến khu rừng... con nói lên lời cảm hứng "... an lạc thay!"

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này ngay trong lúc ấy nói lên **lời cảm hứng** này:

10. *Với ai, trong nội tâm,  
Không có lòng phần nộ,  
Vượt qua hữu, phi hữu,  
Vị ấy thoát sợ hãi,  
An lạc, không sầu muộn,  
Chư Thiên không thấy được.*

## 156 Với ai, tâm quét sạch, Nội tâm khéo cắt đứt - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247

**Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 247 (Ud 71)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn Giả Subhùti ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, **nhập định không tâm**.

Thế Tôn thấy Tôn giả Subhùti ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, nhập định không tâm. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nổi lên ***lời cảm hứng***:

*7. Với ai, tâm quét sạch,  
Nội tâm khéo cắt đứt,  
Không còn chút dư tàn  
Vượt qua ái nhiễm ấy,  
Đạt được tướng vô sắc,  
Vượt khỏi bốn ách nạn,  
Không đi đến thọ sanh.*

## 157 Với gậy người chăn bò, Lùa bò ra bãi cỏ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57

Phẩm Hình Phạt – *Tiểu I*, 57

129. Mọi người **sợ hình phạt**,  
Mọi người **sợ tử vong**.

Lấy mình làm ví dụ

Không giết, không bảo giết.

130. Mọi người sợ hình phạt,  
Mọi người **thích sống còn**;  
Lấy mình làm ví dụ,  
Không giết, không bảo giết.

131. Chúng sanh cầu an lạc,  
Ai dùng trượng hại người,  
Để tìm lạc cho mình,  
Đời sau không được lạc.

132. Chúng sanh cầu an lạc,  
Không dùng trượng hại người,  
Để tìm lạc cho mình,  
Đời sau được hưởng lạc.

133. Chớ nói lời ác độc,

Nói ác, bị nói lại,

*Khổ thay lời phản nộ,*

*Đao trượng phản chạm mình.*

134. Nếu tự mình yên lặng,

Như chiếc chuông bị bể.

Người đã chứng Niết Bàn

Người không còn phản nộ.

135. Với gậy người chăn bò,

Lùa bò ra bãi cỏ,

Cũng vậy, **già** và **chết**,

Lùa người đến mạng chung.

136. Người ngu làm điều ác,

Không ý thức việc làm,

Do tự nghiệp, người ngu,

Bị nung nấu, như lửa.

137. Dùng trượng phạt không trượng,

Làm ác người không ác.

Trong mười loại khổ đau,

Chịu gấp một loại khổ.

138. Hoặc khổ thọ khốc liệt,

Thân thể bị thương vong,

Hoặc thọ bệnh kịch liệt,

Hay loạn ý tán tâm.

139. Hoặc tai họa từ vua,  
Hay bị vu trọng tội,  
Bà con phải ly tán,  
Tài sản bị nát tan.

140. Hoặc phòng ốc nhà cửa,  
Bị hỏa tai thiêu đốt.  
Khi thân hoại mạng chung,  
Ác tuệ sanh địa ngục.

141. Không phải sống lỏa thể  
Bện tóc, tro trét mình,  
**Tuyệt thực**, lăn trên đất,  
Sống nhóp, siêng ngồi xỏm,  
Làm con người được sạch,  
Nếu không trừ nghi hoặc.

142. Ai sống tự trang sức,  
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,  
Sống kiên trì, phạm hạnh,  
Không hại mọi sinh linh,  
Vị ấy là phạm chí,  
Hay Sa môn, khát sĩ.

143. **Thật khó tìm ở đời,**

Người **biết thẹn, tự chế**,  
Biết tránh né chỉ trích  
Như ngựa hiền tránh roi.

144. *Như ngựa hiền chạm roi,  
Hãy nhiệt tâm, hăng hái,  
Với tín, giới, tinh tấn,  
Thiền định cùng trạch pháp.  
Minh hạnh đủ, chánh niệm,  
Đoạn khổ này vô lượng.*

145. **Người trị thủy** dẫn nước,  
**Kẻ làm tên** nắn tên,  
**Người thợ mộc** uốn ván,  
**Bậc tự điều**, điều thân.

## 158 Với hạnh không phóng dật, Ta phá vỡ luân hồi - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187

**Vajjita** – *Tiểu III*, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được *sáu thắng trí*.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,  
Ta trôi lăn nhiều cõi,  
Ta không thấy **Thánh đế**,  
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với **hạnh không phóng dật**,  
**Ta phá vỡ luân hồi**,  
Mọi sanh thú chặt đứt,  
Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

## 159 Với hận diệt hận thù, Đời này không có được - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32

Phẩm Song Yếu – *Tiểu I*, 32

1. "Ý dẫn đầu các pháp,  
Ý làm chủ, ý tạo;  
Nếu với ý ô nhiễm,  
Nói lên hay hành động,  
**Khổ não** bước theo sau,  
Như xe, chân vật kéo".

2. "Ý dẫn đầu các pháp,  
Ý làm chủ, ý tạo,  
Nếu với ý thanh tịnh,  
Nói lên hay hành động,  
**An lạc** bước theo sau,  
Như bóng, không rời hình".

3. "Nó mắng tôi, đánh tôi,  
Nó thắng tôi, cướp tôi"  
**Ai ôm hiềm hận ấy,  
Hận thù không thể nguôi.**

4. "Nó mắng tôi, đánh tôi,  
Nó thắng tôi, cướp tôi,"

Không ôm hiềm hận ấy,  
Hận thù được tự nguôi.

5. "Vớ hận diệt hận thù,  
Đời này không có được.  
Không hận diệt hận thù,  
Là định luật ngàn thu".

6. "Người khác không hiểu biết,  
Chúng ta đây bị hại.  
Chỗ ấy, ai biết được  
Tranh luận được lắng êm."

7. "Ai sống nhìn tịnh tướng,  
Không hộ trì các căn,  
Ăn uống thiếu tiết độ,  
Biếng nhác, chẳng tinh cần.  
Ma uy hiếp kẻ ấy,  
Như cây yếu trước gió".

8. "Ai sống quán bất tịnh,  
Khéo hộ trì các căn,  
Ăn uống có tiết độ,  
Có lòng tin, tinh cần,  
Ma không uy hiếp được,  
Như núi đá, trước gió"

9. "Ai mặc áo cà sa,  
Tâm chưa rời uế trước,  
Không tự chế, không thực,  
Không xứng áo cà sa ".

10. "Ai rời bỏ uế trước,  
Giới luật khéo nghiêm trì,  
Tự chế, sống chơn thực,  
Thật xứng áo cà sa."

11. "Không chân, tưởng chân thật,  
Chân thật, thấy không chân  
Họ không đạt chân thật  
Do tà tư tà hạnh.

12. "Chân thật, biết chân thật,  
Không chân, biết không chân.  
Chúng đạt được chân thật,  
Do chánh tư, chánh hạnh."

13. "Nhu ngôi nhà vụng lợp,  
Mưa liền xâm nhập vào.  
Cũng vậy tâm không tu,  
Tham dục liền xâm nhập."

14. "Nhu ngôi nhà khéo lợp,  
Mưa không xâm nhập vào.

Cũng vậy tâm khéo tu,  
Tham dục không xâm nhập."

15. "Nay **sầu**, đòi sau sầu,  
Kẻ ác, hai đời sầu;  
Nó sầu, nó ưu não,  
Thấy nghiệp uế mình làm."

16. "Nay **vui**, đòi sau vui,  
Làm phước, hai đời vui.  
Người ấy vui, an vui,  
Thấy nghiệp tịnh mình làm."

17. "Nay **than**, đòi sau than,  
Kẻ ác, hai đời than,  
Than rằng: "Ta làm ác "  
Đọa cõi dữ, than hơn."

18. "Nay **sướng**, đòi sauướng,  
Làm phước, hai đờiướng.  
Mừng rằng: "Ta làm thiện ",  
Sanh cõi lành,ướng hơn."

19. "Nếu người nói nhiều kinh,  
Không hành trì, phóng dật;  
Như kẻ chăn bò người,  
Không phân Sa môn hạnh."

20. "Dầu nói ít kinh điển,  
Nhưng hành pháp, tùy pháp,  
Từ bỏ tham, sân, si,  
Tỉnh giác, tâm giải thoát,  
Không chấp thủ hai đời,  
Dự phần Sa môn hạnh."

## 160 Với mắt cúi nhìn xuống, Chân không đi lang thang - Kinh Sàriputta - Tiểu I, 755

**Kinh Sàriputta** – Tiểu I, 755 (Xá-lợi-phất)

**Sàriputta:**

955. Trước con chưa từng thấy,  
Chưa ai từng được nghe,  
Tiếng nói thật ngọt ngào,  
Như tiếng bậc Đạo Sư,  
Từ cõi **Đâu-suất** đến,  
Xá-lợi-phất nói vậy.

956. Bậc có mắt xuất hiện,  
Đời này và thiên giới,  
Quét sạch mọi u ám,  
Độc cư, chứng an lạc.

957. Bậc Giác ngộ, độc lập,  
Như thật, không man trá,  
Ngài đến ở đời này,  
Lãnh đạo các đồ chúng,  
Từ nhiều người trói buộc,  
Con đến với câu hỏi.

958. Vị Tỷ kheo nhàm chán,  
Sống an tọa, trống không,  
Tại gốc cây, nghĩa địa,  
Hay núi rừng hang sâu.

959. Tại chỗ cao thấp ấy,  
Có bao nhiêu sợ hãi,  
Khiến Tỷ kheo không run,  
Tại trú xứ vắng lặng?

960. Bao nguy hiểm ở đời,  
Tỷ Kheo cần chinh phục,  
Trong **hướng đi bất tử**,  
Tại trú xứ xa vắng?

961. Ngôn ngữ và hành xử,  
Của vị ấy là gì?  
Có bao nhiêu giới cấm, (???giới hạnh)  
Tỷ Kheo cần tinh tấn?

962. Chấp nhận học tập gì,  
Vị Tỷ Kheo nhất tâm,  
Thông minh, giữ chánh niệm,  
Tẩy sạch các cấu uế,  
Trên tự ngã của mình,  
Như thợ lọc vàng bạc?

## **Thế Tôn:**

963. Nay Sàriputta,  
Thế Tôn bèn trả lời:  
Với người **biết nhàm chán**,  
Có gì là khoan khoái!  
Khi sử dụng sàng tọa,  
Tại chỗ tịnh trống không,  
Với ai muốn giác ngộ,  
Sống đúng với tùy pháp,  
Ta sẽ nói người ấy,  
Như Ta đã quán tri.

964. Vị Tỷ kheo có trí,  
Chánh niệm sống biên địa,  
Không có sợ năm điều,  
Đáng sợ hãi ở đời.  
Các loại ruồi, mối bay,  
Cùng các loài bò sát,  
Xúc chạm của loài người,  
Cùng các loại bốn chân.

965. Vị ấy không nên sợ,  
Tri kiến của người khác,  
Khi đã được thấy biết,  
Nhiều sợ hãi của chúng,

Bạc tìm đến chí thiện,  
Thấy được các nguy hiểm,  
Cần phải lo khắc phục,  
Tất cả nguy hiểm khác.

966. Khi thọ lãnh bệnh hoạn,  
Khi cảm xúc đối khổ,  
Với lạnh và cực nóng,  
Cần phải nhiếp phục chúng,  
Bị chúng cảm xúc nhiều,  
Kẻ không bỏ nhà cửa,  
Cần tinh tấn cần mẫn,  
Lòng hết sức kiên trì.

967. Chớ ăn trộm, ăn cắp,  
Chớ nói lời nói láo,  
Hãy cảm xúc từ tâm,  
Đối kẻ yếu, kẻ mạnh,  
Khi rõ biết tâm tư,  
Trong tình trạng dao động,  
Hãy gột sạch, tẩy sạch,  
Phân hắc ám đen tối.

968. Chớ để bị chi phối,  
Bởi phần nộ, quá mạn,  
Hãy đào chúng tận gốc,  
Và an trú như vậy,

Đổi những gì khả ái,  
Hay đổi không khả ái,  
Hãy hoàn toàn nhiếp phục,  
Chớ để bị chi phối.

969. Thiên trọng về trí tuệ,  
Hoan hỷ trong chí thiện,  
Hãy chặn đứng loại bỏ,  
Nguy hiểm ách nạn ấy,  
Hãy khắc phục bất lạc,  
Đổi trừ xú vắng lặng,  
Hãy khắc phục bốn pháp,  
Khiến sâu muộn khóc than.

970. Ta sẽ **ăn** những gì,  
Và được ăn tại đâu.  
Thật khó khăn ta **ngủ**,  
Nay ta ngủ tại đâu?  
Với những tư tưởng ấy,  
Vì ấy có thể than,  
**Bậc hữu học, không nhà,**  
**Hãy nhiếp phục trừ chúng.**

971. Với đồ ăn, vải mặc,  
Đúng thời, thâm hoạch được,  
Cần ước lượng vừa đủ,  
Với mục đích thỏa mãn,

Chế ngự đối với chúng,  
Sống nhiếp phục trong lòng,  
*Dầu phần uất, không nói,*  
*Những lời độc thô ác.*

972. *Với mắt cúi nhìn xuống,*  
*Chân không đi lang thang,*  
*Chú tâm vào thiền định,*  
*Với rất nhiều tĩnh giác,*  
*Cố gắng tu tập xả,*  
*Tư ngã khéo định tĩnh,*  
Hãy cắt đứt trừ khử,  
Các nghi ngờ hối tiếc.

973. Bị buộc tội bằng lời,  
Chánh niệm, tâm hoan hỷ,  
Phá hoại sự cứng rắn,  
Giữa các đồng Phạm hạnh,  
Nói lên những lời nói,  
Hiền thiện và đúng thời,  
Không để tâm suy tư,  
Các chủ thuyết người khác.

974. Lại nữa, *năm loại vua,*  
Hiện có ở trên đời,  
*Hãy học nhiếp phục chúng.*  
*Luôn luôn giữ chánh niệm.*

Đối với **sắc** và **tiếng**,  
Đối với **vị** và **hương**,  
Cùng đối các cảm **xúc**,  
**Hãy chế ngự tham ái.**

975. Hãy chế ngự ước muốn,  
Đối với những pháp ấy,  
Vì Tỷ kheo chánh niệm,  
Tâm tư khéo giải thoát,  
Rồi đúng thời vị ấy,  
Chon chánh suy tư pháp,  
Với **chuyên tâm nhất trí**,  
**Hãy đoạn tận hắc ám.**  
Thế Tôn nói như vậy.

# 161 Với mắt cúi nhìn xuống, Chân đi không lưu luyến - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. Đối với các hữu tình,  
Từ bỏ gây và trượng,  
Chớ làm hại một ai,  
Trong chúng hữu tình ấy.  
Con trai không ước muốn,  
Còn nói gì bạn bè,  
*Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

36. **Do thân cận giao thiệp,**  
Thân ái từ đây sanh,  
Tùy thuận theo **thân ái,**  
Khổ này có thể sanh.  
Nhìn thấy những nguy hại,  
Do thân ái sanh khởi,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.

37. **Do lòng từ thương mến,**  
**Đối bạn bè thân hữu,**

**Mục đích bị bỏ quên,**

**Tâm tư bị buộc ràng,**

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

**Hãy sống riêng một mình,**

**Như tê ngu một sừng.**

39. **Như nai trong núi rừng,**

**Không gì bị trời buộc,**

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu một sừng.

40. **Giữa bạn bè thân hữu,**

**Bị gọi lên gọi xuống,**

Tại chỗ ở trú xứ,  
Hay trên đường bộ hành.  
Thấy tự do giải thoát,  
Không có gì tham luyến,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,  
Ưa thích, vui cười đùa,  
Đối với con, với cháu,  
**Ái** luyến thật lớn thay,  
Nhàm chán sự hệ lụy,  
Với những người thân ái,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,  
Không sân hận với ai,  
Tự mình **biết vừa đủ**,  
Với vật này vật khác,  
Vững chịu các hiểm nguy,  
Không run sợ dao động,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,  
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,  
Ở tại các cửa nhà,  
Sống vô tư vô lự,  
Giữa con cháu người khác,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,  
Mọi biểu dương gia đình,  
Như loại cây san hô,  
Tước bỏ mọi lá cây,  
Bạc anh hùng cắt đứt,  
Mọi trói buộc gia đình.  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,  
Thận trọng và sáng suốt,  
Bạn đồng hành chung sống,  
Bạn thiện trú Hiền trí.  
Cùng nhau đồng nhiếp phục,  
Tất cả mọi hiểm nạn,  
Hãy sống với bạn ấy,  
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,  
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,  
Bạn thiện trú Hiền trí.  
Hãy như vua từ bỏ,  
Đất nước bị bại vong,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*  
*Các bằng hữu chu toàn,*  
*Bác hơn ta, bằng ta,*  
*Nên sống gần thân cận.*  
Nếu không gặp bạn này.  
Những bậc không làm lỗi,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*  
*Lấp lánh và sáng chói,*  
*Được con người thợ vàng,*  
*Khéo làm, khéo tay làm,*  
*Hai chúng chạm vào nhau,*  
*Trên hai tay đeo chúng,*  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*  
*Với một người thứ hai,*

Tranh luận cãi vã nhau,  
Sân hận, gây hấn nhau,  
Nhìn thấy trong tương lai,  
Sợ hãi hiểm nguy này,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,  
Ngọt thơm và đẹp ý,  
Dưới hình sắc, phi sắc,  
Làm mê loạn tâm tư,  
Thấy sự nguy hiểm này,  
Trong các **dục trưởng dưỡng**,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,  
Và cũng là tai họa,  
Một tật bệnh, mũi tên,  
Là sợ hãi cho ta,  
Thấy sự nguy hiểm này,  
Trong các **dục trưởng dưỡng**,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,  
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.  
Muối lặn và rắn rết.  
Tất cả xúc chạm này,  
Đều chịu đựng vượt qua,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,  
Từ bỏ cả bầy đàn,  
Thân thể được sanh ra,  
To lớn tựa hoa sen,  
Tùy theo sự thích thú,  
Sống tại chỗ rừng núi,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,  
Sự kiện không xảy ra,  
Người ấy có thể chứng,  
Cảm thọ **thời giải thoát**.  
Cân nhắc lời giảng dạy,  
Đáng bà con mặt trời,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,  
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,  
Chứng đắc được con đường.  
Nơi ta trí được sanh,  
Không cần nhờ người khác,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,  
Không khát dục, gièm pha,  
Mọi si mê ác trược,  
Được gạn sạch, quạt sạch.  
Trong tất cả thế giới,  
Không tham ái ước vọng,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,  
Hãy từ bỏ lánh xa,  
Bạn không thấy mục đích,  
Quen nếp sống quanh co,  
Chớ tự mình thân cận,  
Kẻ đam mê phóng dật,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,  
Hãy gần gũi người ấy,*

*Bạn người tâm rộng lớn,  
Người thông minh biện tài,  
Biết điều không nên làm,  
Nhiếp phục được nghi hoặc,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,  
Và dục lạc ở đời,  
Không điểm trang bày biện,  
Không ước vọng mong cầu,  
Từ bỏ mọi hào nhoáng,  
Nói lên lời chân thật,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,  
Với cha và với mẹ,  
Tài sản cùng lúa gạo,  
Những trói buộc bà con,  
Hãy từ bỏ buộc ràng,  
Các dục vọng như vậy,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,  
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,  
Khổ đau lại nhiều hơn,  
Chúng đều là câu móc,  
Bậc trí biết như vậy,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,  
Các kiết sử trói buộc,*  
Như các loài thủy tộc,  
Phá hoại các mạng lưới.  
Như lửa đã cháy xong,  
Không còn trở lui lại,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,  
Chân đi không lưu luyến,  
Các căn được hộ trì,  
Tâm ý khéo chế ngự.*  
Không đầy ứ, rỉ chảy,  
Không cháy đỏ bừng lên,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,  
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,  
Loại bỏ các nhành lá.*

*Đã đắp áo cà sa,  
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,  
Không tác động, không tham,  
Không nhờ ai nuôi dưỡng,  
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,  
Tâm không bị trói buộc,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

*Che đậy trói buộc tâm,*

*Đối với mọi kiết sử,*

*Hãy trừ khử, dứt sạch,*

*Không y cứ nương tựa,*

*Chặt đứt ái sân hận,*

*Hãy sống riêng một mình,*

*Như tê ngưu một sừng.*

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,  
Cả đối với **hỷ ưu**,  
Được cảm thọ từ trước,  
Hãy chứng cho được xả,  
An chỉ và thanh tịnh,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,  
Đạt được **lý chân đế**,  
Tâm không còn thụ động,  
Không còn có biếng nhác,  
Kiên trì trong cố gắng,  
Đồng lực được sanh khởi,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,  
**Hạnh viễn ly** thiền định,  
Thường thường sống hành trì,  
Tùy pháp trong các pháp.  
Chơn chánh nhận thức rõ,  
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,  
Không đần độn tâm ngọng,  
*Nghe nhiều, giữ chánh niệm.*  
*Các pháp được giác sát,*  
Quyết định, chánh tinh cần.  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

71. Như *sư tử* không động,  
An tịnh giữa các tiếng,  
Như *gió* không vướng mắc,  
Khi thổi qua màn lưới.  
Như *hoa sen* không dính,  
Không bị nước thấm ướt,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

72. Giống như con sư tử,  
Vội quai hàm hùng mạnh,  
Bậc chúa của loài thú,  
*Sống chinh phục chế ngự.*  
Hãy sống các trú xứ,  
Nhàn tịnh và xa vắng,  
Hãy sống riêng một mình,  
Như tê ngu ru một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

**Bi** tâm, hạnh giải thoát,  
Sống hành trì thực hiện,  
**Hỷ** tâm, cho đúng thời,  
Không chống đối va chạm,  
Vội một ai ở đời.  
Hãy sống riêng một mình,  
*Như tê ngu ru một sừng.*

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,  
**Sân** hận và **si** mê,  
Chặt đứt và cắt đoạn,  
Các kiết sử lớn nhỏ,  
Không có gì sợ hãi,  
Khi mạng sống gần chung,  
Hãy sống riêng một mình,  
*Như tê ngu ru một sừng.*

75. Có những bạn vì lợi,  
Thân cận và chung sống,  
Những bạn không mưu lợi,  
Nay khó tìm ở đời.  
Người sáng suốt lợi mình,  
Không phải người trong sạch,  
**Hãy sống riêng một mình,**  
*Như tê ngu ru một sừng.*



## 162 Với người thân miệng ý, Không làm các ác hạnh - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,  
Hãy tinh tấn đoạn dòng,  
Từ bỏ các dục lạc,  
Biết được hành đoạn diệt,  
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,  
Đến được bờ bên kia,  
Bà-la-môn có trí,  
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,  
Cả hai bờ không có,  
Lìa khổ, không trói buộc,  
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,  
Phận sự xong, vô lậu,  
Đạt được đích tối thượng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời sáng ban ngày,  
Mặt trăng sáng ban đêm,  
Khí giới sáng Sát ly,  
Thiền định sáng Phạm chí,  
Còn hào quang đức Phật,  
Chói sáng cả ngày đêm.*

388. Dứt ác gọi Phạm chí,  
Tinh hạnh gọi Sa môn,  
**Tự mình xuất cầu uế,**  
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,  
Phạm chí chớ đập lại,  
Xấu thay đập Phạm chí,  
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,  
Đây không lợi ích nhỏ,  
**Khi ý không ái luyến,**  
**Tâm hại được chận đứng,**  
**Chỉ khi ấy khổ diệt.**

391. Với người thân miệng ý,  
Không làm các ác hạnh,  
Ba nghiệp được phòng hộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,  
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,  
Hãy kính lễ vị ấy,  
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,  
Không vì đầu bện tóc,  
Không chủng tộc, thọ sanh,  
Ai thật chân, chánh, tịnh,  
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,  
Bện tóc với da dê,  
Nội tâm toàn phiền não,  
Ngoài mặt đánh bóng sông.

395. Người mặc áo đông rác,  
Gầy ốm, lộ mạch gân,  
Độc thân thiền trong rừng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,  
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,  
Chỉ được gọi tên sông,  
Nếu tâm còn phiền não,

Không phiền não, chấp trước,  
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,  
Không còn gì lo sợ,  
Không đắm trước buộc ràng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,  
Bỏ dây, đồ sở thuộc,  
Bỏ then chốt, sáng suốt,  
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,  
Phỉ báng, đánh, phạt hình,  
Lấy nhẫn làm quân lực,  
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,  
Trì giới, không tham ái,  
Nhiếp phục, thân cuối cùng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,  
Như hột cải đầu kim,  
Người không nhiễm ái dục,  
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,  
Giác khổ, diệt trừ khổ,  
Bỏ gánh nặng, giải thoát,  
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,  
Khéo biết đạo, phi đạo,  
Chúng đạt đích vô thượng,  
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,  
Xuất gia và thế tục,  
Sống độc thân, ít dục,  
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đổi chúng sanh,  
Yếu kém hay kiên cường,  
Không giết, không bảo giết,  
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,  
Ôn hòa giữa hung hăng,  
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,  
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,

Không mạn, không ganh tị,  
Như hột cải đầu kim,  
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,  
Lợi ích và chân thật,  
Không mất lòng một ai,  
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,  
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,  
Phàm không cho không lấy,  
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,  
Đời này và đời sau,  
Không hy cầu, giải thoát,  
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,  
Có trí, không nghi hoặc,  
**Thể nhập vào bất tử,**  
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,  
Không nhiễm cả thiện ác,  
Không sâu, sạch, không bụi,

Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,  
Sáng trong và tĩnh lặng,  
Hữu ái, được đoạn tận,  
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,  
Nhiếp phục luân hồi, si,  
Đến bờ kia thiên định,  
Không dục ái, không nghi,  
Không chấp trước, tịch tịnh,  
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,  
Bỏ nhà, sống xuất gia,  
**Dục hữu** được đoạn tận,  
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,  
Bỏ nhà, sống xuất gia,  
**Ái hữu** được đoạn tận,  
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,  
Vượt trói buộc cõi trời,  
Giải thoát mọi buộc ràng,

Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,  
Mát lạnh, diệt sanh y,  
Bậc anh hùng chiến thắng,  
Nhiếp phục mọi thế giới,  
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn  
Sanh tử các chúng sanh,  
Không nhiễm, khéo vượt qua,  
Sáng suốt chân giác ngộ,  
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,  
Cùng với Càn thất bà,  
Không biết chỗ tho sanh,  
Lậu tận bậc La hán,  
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,  
Không một sở hữu gì,  
Không sở hữu không nắm,  
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,  
Bậc anh hùng, đại sĩ,

Bậc chiến thắng, không nhiễm,  
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,  
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,  
Thấy thiên giới, đọa xứ,  
Đạt được sanh diệt tận,  
Thắng trí, tự viên thành,  
Bậc mâu ni đạo sĩ,  
Viên mãn mọi thành tựu,  
Ta gọi Bà-la-môn.

## 163 Với những ai, các căn, Đã đi đến tịnh chỉ - kinh Brahmàli – Tiểu III, 180

### Brahmàli – Tiểu III, 180 (163)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Kosala, con một Bà-la-môn, được đặt tên là Brahmàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, thúc đẩy bởi những **điều kiện chín muồi**, do giao hảo với bạn lành, ngài xuất gia, tu tập thiền định trong một ngôi rừng, nhờ trí tuệ chín muồi, ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Sống trong vị an lạc giải thoát, vị Trưởng lão rất thuần thực pháp tinh tấn, một hôm sống ở trong rừng ngài nói lên những bài kệ này, thay mặt cho các Tỷ-kheo ở trong rừng, những bài kệ tán thán **hạnh tinh tấn**:

*205. Với những ai, các căn,  
Đã đi đến **tịnh chỉ**,  
Như được khéo **điều phục**,  
Bởi đánh xe **điều ngự**,  
**Kiều mạn** được đoạn tận,  
Không còn có lậu hoặc,*

*Chư Thiên rất ái mộ,  
Những vị có hạnh ấy.*

*206. Với chính ta, các căn,  
Đã đi đến tịnh chỉ,  
Như được khéo điều phục,  
Bởi đánh xe điều ngự,  
Kiêu mạn được đoạn tận,  
Không còn có lậu hoặc,  
Chư Thiên ái mộ ta,  
Ta thành tựu hạnh ấy.*

## 164 Với tai nghe tất cả, Với mắt thấy tất cả - Kinh Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295

### **Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295 (229)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujenì trong gia đình của vị cô vãn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy, và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,  
Tránh quân chúng đua tranh,  
Người siêng **tham đắm vị**,  
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",  
Cung kính các gia đình,  
Là mũi tên nhỏ nhiệm,  
Thật khó được rút ra,  
Tôn trọng khó từ bỏ,  
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,  
Không phải là độc ác,  
Tùy thuộc vào người khác,  
Người khác nói hay làm,  
**Tự mình chớ có làm,  
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,  
Con người thành ăn trộm,  
Không vì người khác nói,  
Con người thành bậc Thánh.  
Như mình tự biết mình,*

*Chư Thiên biết mình vậy.*

*498. Người khác không biết được,  
Đây ta sống một thời,  
Nhưng ai biết được vậy,  
Bậc trí sống lặng dịu.*

*499. Chỉ bậc trí sống mạnh,  
Dầu tài sản đoạn tận,  
Nếu không được trí tuệ,  
Có tiền như không sống,*

Với vua hỏi về con mộng:

*500. Với **tai** nghe tất cả,  
Với **mắt** thấy tất cả,  
Kẻ trí **bỏ** tất cả,  
**Như không thấy, không nghe,***

*501. Có **mắt**, như kẻ mù,  
Có **tai** như kẻ điếc,  
Có **trí**, như kẻ ngu,  
Có **sức**, như kẻ yếu,  
Để việc lành khởi lên,  
Nhằm như kẻ chết nằm.*

## 165 Vợ bị rắn đen cắn chết - Kinh Hārīta – Tiểu III, 38

**Hārīta** – *Tiểu III, 38* (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sāvattthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng".*

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán.** Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài, ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,*

*Được thấm nhuần hương thượng,  
Như người thợ cung tên,  
Làm cây tên ngay thẳng,  
**Hãy làm tâm ngay thẳng,**  
Hỡi này Ha-ri-ta!  
**Hãy chặt đứt vô minh.***

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

## 166 Vợ chồng đều chứng quả - Kinh Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà – Tiểu III, 577

Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà – *Tiểu III, 577* (37)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình Bà-la-môn dòng họ Kosiya ở Sàgala. Được sống trong giàu sang, nàng được gả làm **vợ một nhà quý tộc tên là Pippali ở làng Mahàtittha.**

Khi người **chồng xuất gia**, nàng giao lại tài sản cho các người bà con để nàng được xuất gia.

Nàng sống năm năm tại Tittthiyàrama, sau đó nàng được Mahàpajàpati cho thọ đại giới, nhờ **triển khai thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán.

Sau nàng trở thành một **vị có biệt tài về các đời quá khứ nhờ hạnh nguyện trong đời quá khứ.** Nàng được đức Phật xem là người biệt tài **đệ nhất về đời sống quá khứ**, khi bậc Đạo Sư ở Jetavana (Kỳ Viên) ngồi phân loại các Tỷ-kheo-ni.

Một ngày kia nàng nói lên những bài kệ, nói đến những kinh nghiệm quá khứ và tán thán hạnh của Trưởng lão Kassapa:

63. Con được thừa tự Phật,  
**Ca-diếp** khéo thiên định.  
Biết được đời quá khứ,  
Thấy cõi trời đọa xứ.

64. Ấn sĩ đoạn diệt sanh,  
Thắng trí được thành tựu,  
Cùng với Ba minh này,  
Là Phạm chí Ba minh.

65. Cũng vậy nàng Bhaddà,  
Người xứ Kapila,  
**Nàng là bậc Ba minh,**  
Đã đoạn được sự chết,  
Mang thân này cuối cùng,  
Sau khi thắng ma quân.

66. Thấy nguy hại ở đời,  
**Hai chúng tôi** xuất gia.  
Chúng tôi được chế ngự,  
Đoạn tận các lậu hoặc,  
Cảm xúc thành mát lạnh,  
Được tịch tịnh giải thoát.

## 167 Vợ cũ cười với tâm bất chánh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

**Nandaka – Tiểu III, 215 (189)**

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khát thực ở Sàvatthi, **một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:**

*278. Gớm thay, **vật hôi thối!**  
Đầy sắc mùi hôi tanh,  
Vật sở hữu của ma,  
Ứ chảy nhiều dòng nước,*

***Thân này có chín dòng,  
Luôn luôn được tuôn chảy.***

***279. Chớ khinh miệt cổ nhân!  
Chớ xúc phạm Như Lai,  
Họ không tham thiên giới,  
Còn nói gì cõi người.***

***280. Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,  
Tà ý, si bao phủ,  
Kẻ ấy đầy tham đắm,  
Bị ma quăng dây trói.***

***281. Những ai đã thoát ly,  
Tham, sân và vô minh,  
Đây họ không tham đắm,  
Dây cắt, không trói buộc.***

## 168 Vợ cũ khóc, tâm thương hại khởi lên - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

### Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục vọng** nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi nhạc phụ của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời

sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **đục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,**  
**Bất tịnh và hôi thối,**  
**Đầy các loại tử thi,**  
**Từ đấy, nước rỉ chảy.**

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,**  
**Với cá dùng câu móc,**  
**Với khỉ, dùng hàm hố,**  
**Phàm phu bị bắt vậy.**

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,**  
**Khả ái và thích ý,**  
**Năm dục trưởng dưỡng này,**  
**Được tiếng trong **nữ sắc**.**

456. **Phàm phu **tâm** say đắm,**  
**Chạy theo hưởng **nữ sắc**,**  
**Tăng nghĩa địa hải hùng,**  
**Chất chứa sự tái sanh.**

457. **Ai tránh né **nữ sắc**,**  
**Như chân tránh đầu rắn,**  
**Chánh niệm, vượt qua được,**

*Kẻ đầu độc thế giới.*

458. **Thấy nguy hiểm** trong **dục**,  
An ổn trong viễn ly,  
Thoát khỏi tất cả dục,  
Ta đạt lậu hoặc tận.

## 169 Vợ cũ muốn cám dỗ - Kinh Posiya – Tiểu III, 44

### Posiya – Tiểu III, 44 (34)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một triệu phú ở Sàvatthi, là em trai của Trưởng lão Sangàmaji.

Khi lớn lên, ngài lập gia đình. Khi sanh được đứa con trai, do nghiệp duyên đời trước, ngài cảm thấy lo lắng trước vấn đề sống chết, nên ngài xuất gia, sống một mình trong rừng và tu tập đề tài **Bốn sự thật**. Sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến Sàvatthi để đánh lễ Thế Tôn và về thăm lại nhà cũ, người vợ cũ cúng dường ngài và muốn cám dỗ ngài sống lại đời sống cũ, ngài biết được dụng ý của vợ ngài nên cáo lui và về lại trong rừng, các bạn đồng tu hỏi vì sao ngài về sớm như vậy, ngài kể lại câu chuyện đã xảy ra và nói lên bài kệ:

34. *Không gần là tốt đẹp,  
Kẻ trí thường biết vậy,  
Từ làng đi đến rừng,  
Từ rừng, ta vào nhà,*

*Từ đây, đứng dậy đi,  
Không đoái hoài Bô-sya.*

## 170 Vợ cũ tìm cách cám dỗ - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20

### Punnamàsa – *Tiểu III*, 20 (10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của Samiddhi, một Bà-la-môn ở Sàvatthi.

Ngài xuất gia khi sanh được đưa con trai, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật, và lấy **BỐN SỰ THẬT** làm đề tài để thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán.

Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp mắt đến thăm ngài, và đem theo đứa con trai. Nhưng ngài hoàn toàn giải thoát, không còn vương bận gì và nói lên bài kệ này:

*10. Ta sống không mong chờ,  
Đời này hay đời sau,  
Vị đã đạt trí tuệ,  
An tịnh, tự chế ngự,  
Không dính nhiễm các pháp,  
Biết sanh diệt của đời.*

Vợ của ngài nghĩ rằng: "*Vị Trưởng lão này không để ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cảm dỗ ngài*" nên nàng bỏ đi.

## 171 Vợ củ dẫn con đến cám dỗ - Kinh Candana – Tiểu III, 222

**Candana – Tiểu III, 222 (194)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sinh trong một gia đình giàu có và đặt tên là Candana, ngài sống một đời sống gia đình cho đến khi ngài được **nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Và chứng quả Dự Lưu.**

Khi ngài sanh được một người con, ngài xuất gia, chọn lựa một đề tài thiền quán và sống ở trong rừng. Đi đến Sàvatthi để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở trong một bãi tha ma, vợ ngài nghe tin ngài đến, liền trang điểm, đem con theo, nghĩ rằng: "*Với nhan sắc, nàng có thể khiến ngài từ bỏ xuất gia*". **Ngài thấy nàng từ xa đi đến nghĩ cách để thoát khỏi bị nàng cám dỗ, phát triển thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài thuyết giảng cho nàng, khiến nàng quy y và thọ các giới.

Rồi ngài trở lui ở chỗ cũ của ngài. Khi các Tỷ-kheo bạn hỏi ngài: "Các căn của bạn chói sáng, bạn đã chứng sự thực gì?" Ngài nói lên quả chứng của mình, và với những bài kệ này, chứng minh chánh trí của mình.

298. Với vàng che phủ kín,  
Chúng nữ tỳ vây quanh,  
Mang theo đứa con thơ,  
Người vợ đến với ta.

299. **Thấy mẹ của con ta,**  
**Từ xa đang đi đến,**  
**Khéo trang điểm đẹp đẽ,**  
**Như ma gieo bẫy mồi.**

300. **Rồi ta tự tác ý,**  
**Như lý khởi tư duy,**  
**Các hiểm nguy hiển lộ,**  
**Nhàm chán, ta an trú.**

301. Và tâm ta giải thoát,  
Thấy pháp nhĩ là vậy,  
**Ba minh** chứng đạt được,  
Lời Phật dạy làm xong.

## 172 Vợ củ muốn cám dỗ - Kinh Vira – Tiểu III, 18

### Vira – Tiểu III, 18 (8)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình vị bộ trưởng vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), và được gọi là **Vira**.

Ngài rất giỏi về thể thao và võ nghệ, và trở thành một chiến sĩ. Sau khi lập gia đình với sự bằng lòng của mẹ cha, ngài có một đứa con trai. Thấy sự khổ lụy, tiếp tục tái sanh, ngài xuất gia và nhiệt tâm tinh cần, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi đã thành vị A-la-hán và sống thọ hưởng an lạc giải thoát, **vợ của ngài muốn cám dỗ** ngài trở về với gia đình bằng nhiều hình thức. Nhưng Tôn giả nói rằng: *"Người đàn bà này muốn cám dỗ ta, không khác gì người muốn xô ngã núi Sineru với cánh một con ruồi"*. Và ngài thuyết lên bài kệ này để nói rằng sự cám dỗ của vợ cũ của ngài thật là vô ích:

**8. Ai thật khó nhiếp phục,  
Nay đã được nhiếp phục,  
Vira tự thỏa mãn,  
Nghỉ ngơi được vượt qua,**

**Thắng trận, không kinh hoàng,  
Vừa trú tịch tịnh.**

Người đàn bà nghe ngài nói rất lấy làm xúc động và nghĩ rằng: "*Chồng ta đã thành đạt thù thắng như vậy. Vậy đời sống gia đình có gì là tốt đẹp cho ta*". Rồi đi đến tinh xá các Tỷ-kheo-ni xin được xuất gia và chúng được **ba minh**.

## 173 Vợ củ yêu cầu hoàn tục - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 157

**Punnamàsa – Tiểu III, 157 (146)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình vị điền chủ.

Khi sanh đưa con đầu tiên, ngài xuất gia, sống gần một làng, ngài tinh tấn tu hành cho đến khi ngài chứng được **sáu thắng trí**. Ngài đi đến Sàvatthi đánh lễ bậc Đạo Sư và ở tại một nghĩa địa.

Rồi đưa con ngài chết và vợ ngài **không** muốn tài sản bị vua tịch thu, vì không có thừa tự nên đi đến ngài với một số đông tùy tùng và yêu cầu ngài từ bỏ đời sống xuất gia.

Muốn nói lên sự giải thoát thế tục và quả chứng của ngài, ngài đứng trên hư không, nói lên những bài kệ:

*171. Từ bỏ năm triền cái,  
Đạt an ổn khỏi ách,  
Nắm giữ gương Chánh pháp,  
Biết và thấy tự ngã.*

*172. Ta quán sát thân này,  
Từ trong cho đến ngoài,*

*Thân được thấy trống không,  
Trong thân cả ngoài thân.*

## 174 Vợ củ đem con đến dụ dỗ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 123

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I* 123 (Ud 5)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Tôn giả Sangamàji đã đi đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Người vợ trước kia của **Tôn giả Sangamàji** nghe được tin Tôn giả Sangamàji đã đến Sàvatthi. Nàng liền dắt người con đi đến Jetavana. Lúc bấy giờ Tôn giả Sangamàji đang ngồi dưới gốc cây đề nghỉ ban ngày. Rồi người vợ trước đây của Tôn giả Sangamàji, đi đến Tôn Giả Sangamàji, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sangamàji:

- Này Sa môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đưa con nhỏ!

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sangamàji, giữ im lặng. Lần thứ hai, người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji nói với Tôn giả Sangamàji:

- Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đưa con nhỏ!

Lần thứ hai, Tôn giả Sangamàji giữ im lặng. Lần thứ ba người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji nói với Tôn giả Sangamàji:

- Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Lần thứ ba, Tôn giả Sangamàji vẫn giữ im lặng. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji đặt đứa nhỏ trước mặt Tôn giả Sangamàji rồi bỏ đi, nói rằng:

- Này Sa-môn, đây là đứa con trai của Sa-môn. Hãy nuôi dưỡng nó!

Tôn giả Sangamàji không có ngó đến đứa nhỏ ấy, cũng không nói gì. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji sau khi đi không xa, ngó lui lại thấy Tôn giả Sangamàji không ngó đứa con nhỏ ấy, cũng không nói, thấy vậy liền suy nghĩ: "*Sa-môn này không muốn ngó đến người con*". Nàng liền trở lui lại, bồng lấy đứa con rồi ra đi. Thế Tôn với Thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, thấy cử chỉ thô bạo như vậy của người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

8. Không hoan hỷ, nàng đến,  
Không sầu muộn, nàng đi,  
*Giải thoát khỏi ái phược,*  
Là Sangamàji  
Ta gọi người như vậy,  
Là vị Bà-la-môn.

## 175 Vợ đem con ra dụ chồng - Kinh Càpà – Tiểu III, 666

### Càpà – Tiểu III, 666 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Vankahàra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Càpà.

Trong lúc ấy, Upaka một ẩn sĩ khổ hạnh, gặp đức Bốn Sư khi Ngài đi từ Bồ đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi ngài: "*Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị Đạo Sư của Ngài là ai? Hay ngài tin tưởng giáo lý gì?*".

Và bậc Đạo Sư trả lời như sau:

*Ta chinh phục tất cả,  
Mọi sự việc, Ta biết,  
Sống giữa vật, không nhiễm,  
Ta từ bỏ tất cả,  
Mệnh chung, ác đoạn tận,  
Kiến thâm sâu, Ta chứng,  
Ta chỉ ai cho ông,  
Ta không có Bốn Sư,  
Trên đời đứng một mình,*

*Không ai sánh bằng Ta.  
Nay Ta đang đi đến,  
Thành phố Ba-la-nại,  
Để vận chuyển Pháp luân,  
Quay bánh xe Chánh pháp,  
Thức tỉnh và hướng dẫn,  
Quần chúng đang mê muội,  
Đánh tiếng trống bất tử.  
Rưới cam lồ giải thoát.*

Vị ẩn sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mệnh của Ngài nên nói: "*Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc chiến thắng bất diệt*".

Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vankahara, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi bắn xa với các con trai và anh em, bảo Càpà lo cúng dường cho Upaka. Nhưng Càpà rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khát thực, Upaka mê say sắc đẹp của nàng, đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thà chịu chết nếu không lấy được Càpà.

Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần đầu rồi thôi không đến nữa. Người thợ săn tìm kiếm đến Upaka và Upaka than khóc thú

nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được và đem bán. Người thợ săn bằng lòng cho Upaka một cái áo khoác ngoài đưa về nhà và gả Càpà cho.

Sau một thời gian Càpà sanh được một người con trai và đặt tên là *Subhadda*. Khi đưa con khóc, Càpà liền hát lên như sau để chế nhạo chồng mình: "*Con của Upaka! Con của vị ẩn sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con*". Cuối cùng Upaka tức quá trả lời: "*Này Càpà, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị chiến thắng bất diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy*".

Càpà biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng mình, cho đến một hôm Upaka cương quyết ra đi. Nàng cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sàvatthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ở đâu?*" thì đưa người ấy vào gặp đức Phật.

Khi Upaka đến tịnh xá và hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ấy ở đâu?*" Các Tỷ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng Upaka chứng được quả Bất lai. Sau khi mạng chung Upaka được sanh lên cõi Trời Aviha, và khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn **Càpà**, đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán và lấy bài kệ của Upaka, hợp chung với bài kệ của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của mình:

Upaka nói:

291. *Ta trước tay cầm gậy,  
Nay ta thành thợ săn,  
Sa lầy đầm khôn cùng,  
Ta không đến bờ kia.*

292. *Càpà chọc đũa con,  
Mĩa mai ta say đắm,  
Chặt trói buộc Càpà,  
Ta nay đã xuất gia.*

Càpà nói:

293. *Chớ có tức giận em,  
Hồi bậc đại chiến thắng,  
Chớ có tức giận em,  
Hồi bậc đại ẩn sĩ,  
Kẻ bị giận chi phôi,  
Khổ hạnh khó thanh tịnh.*

294. *Ta sẽ rời Nàlà!*  
*Ai ở lại Nàlà,*  
*Khi nếp sống đúng pháp,*  
*Tại đây vị Sa-môn,*  
*Bị sắc đẹp nữ nhân,*  
*Tróí buộc vào quuyến rũ.*

295. *Hãy trở lui thừa chàng,*  
*Chàng mắt đen của thiếp,*  
*Hãy hưởng thọ dục lạc,*  
*Như trước chàng đã hưởng,*  
*Thiếp xin phục tùng chàng,*  
*Lại còn bà con thiếp.*

296. *Này Càpà phân tư,*  
*Điều nàng đã nói lên,*  
*Đôi kẻ say mê nàng,*  
*Có thể thành lớn mạnh.*

297. *Chàng mắt đen của thiếp,*  
*Thiếp chẳng đẹp hay sao,*  
*Như cây lựu nảy mầm,*  
*Nở hoa trên đầu núi,*  
*Như giây leo giăng hoa,*  
*Hay như bông thối kèn,*  
*Trong nội địa hoang đảo,*  
*Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.*

298. Ướp thơm với mùi hương,  
Hương chiên đàn đỏ thắm,  
Thiếp mang lụa Kàsi,  
Lụa Kàsi tối thương,  
Thiếp đẹp như thế này,  
Sao chàng bỏ rơi thiếp.

299. Như thợ săn bắt chim,  
Muốn dùng mồi bắt chim,  
Dầu bữa giăng sắc đẹp,  
Nàng không trối ta được!

300. Còn quả **con trai** này,  
Do chàng sanh ra thiếp,  
Chàng mắt đen của thiếp,  
Sao chàng lại từ bỏ,  
Đứa con trai của thiếp,  
Đứa con trai của chàng.

301. Bạc trí bỏ con trai,  
Bỏ bà con, tài sản,  
Bạc đại hùng xuất gia,  
Như voi biết trối buộc.

302. **Con trai này của chàng,**  
**Nay thiếp dùng gậy dao,**

*Đánh ngã nó trên đất,  
Hãy tự cứu cho chàng,  
Vì sáu muợn đứa con,  
Chàng không thể bỏ đi.*

*303. Nếu nàng quăng con trai  
Cho chó sói, loài chó,  
Kẻ sanh con trai ta,  
Không động lòng trắc ẩn,  
Nàng sẽ không làm được,  
Khiến ta trở lui lại.*

*304. Nay mong chàng tốt lành,  
Chàng mắt đen của thiếp!  
Chàng sẽ đi đến đâu?  
Làng nào, thị trấn nào,  
Chàng đi thành phố nào?  
Chàng đi kinh đô nào?*

*305. Xưa đời sống chúng tôi,  
Tổ chức thành đồ chúng!  
Không phải là Sa-môn,  
Chúng tôi tưởng Sa-môn!  
Chúng tôi sống bộ hành,  
Làng này qua làng khác,  
Sống trong những thành phố,  
Cũng như tại thủ đô.*

306. Nay thật Thế Tôn này,  
Dọc bờ sông Ni-liên,  
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,  
Cho các loài hữu tình,  
Đoạn tận mọi khổ đau,  
Ta nay đi đến Ngài,  
Ngài sẽ là Đạo Sư,  
Đạo Sư của chúng ta.

307. Nay chàng đi đánh lễ,  
Bậc Thế Tôn vô thượng!  
Đi hữu nhiễu quanh Ngài!  
Dâng Ngài lòng cung kính.

308. Càpà, như nàng nói!  
Lợi ích cả hai ta!  
Nay ta thay mặt nàng,  
Lễ Thế Tôn vô thượng,  
Đi hữu nhiễu quanh Ngài,  
Ta dâng lòng cung kính.

309. Rời Kàla ra đi,  
Dọc sông Ni-liên-thiên,  
Thấy bậc Chánh Đẳng giác,  
Thuyết pháp **đạo bất tử**.

310. Thuyết **khổ, khổ tập khởi!**  
Vượt qua sự đau khổ,  
Thuyết **đường Thánh tám ngành,**  
Đưa đến khổ tịnh chỉ.

311. Đánh lễ chân Ngài xong,  
Hữu nhiều quanh Ngài xong,  
Trình lên lời ước nguyện,  
Của Càpà vợ chàng!  
Rồi chàng xin xuất gia,  
Sống đời không gia đình,  
Chứng đạt được **Ba minh,**  
Làm xong lời Phật dạy.